

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Lời nói đầu

Là tiểu thuyết dã sử về nữ sĩ Hồ Xuân Hương, lần đầu được nhà in Mai Lĩnh xuất bản, đúng vào thời kỳ có những biến động lớn của lịch sử dân tộc. Bản thảo chưa kịp phổ biến rộng, đã phải "khiêm nhường" nằm ỉn khuất trong im lặng, nên được ít người biết đến, không như các tác phẩm khác của họ Ngô, chúng ta sẽ bắt gặp ở đây một ngòi bút hư cấu tài hoa, phóng túng, làm rõ những nét đặc sắc trong cuộc đời Bà Chúa thơ Nôm, cả đời tư và những bài thơ "tương truyền" mà chỉ bà mới làm được. Những sinh hoạt văn hóa, khoa cử của kinh thành Thăng Long, vào những năm cuối thế kỷ 19; cũng được Ngô Tất Tố tái hiện một cách chân xác, sinh động.

Chúng ta thấy hiện rõ trong tác phẩm hình ảnh Hồ Xuân Hương, một nữ sĩ đang thử phá hết những cái đạo đức giả, chấp nhận cuộc chơi " với ông hiền, ông thánh"; vạch rõ những thứ lễ nghi

chế độ của các ông đặt ra cho đàn bà, con gái... rất là những cái xiềng xích trói buộc.

Trong lần in này, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu toàn vẹn tiểu thuyết dã sử "Trong rừng nho" cùng bạn đọc, hoàn toàn tôn trọng những gì mà Ngô Tất Tố đã thể hiện về nữ sĩ họ Hồ.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 1

Đêm ấy không có trăng.

Phổ phường Hà Nội đã theo cảnh tượng trời đất, biến thành một vật đen xì.

Vũ trụ thu lại vùng ánh sáng của mấy cây đình liệu. Gió bắc ào ào thổi.

Chín, mười ngọn lửa lớn bằng chín mười cái bích, hết thảy điên cuồng lồng phách như muốn lìa những bó đuốc nửa, nhảy vọt lên tầng mật mù.

Quang cảnh trường thi hôm nay càng rộn ràng hơn mấy hôm trước.

Dưới lớp ngói ống của nhà "thập đạo", xiêm áo xen với cờ quạt, thấp thoáng hiện trước bóng đèn lồng.

Trong những gian chòi canh lơ lửng gác ở lưng trời, hiệu trống cái đi đôi với hiệu thanh la, thông thả đưa những giọng oai hùng trịnh trọng.

Ngoài dãy phen nửa hừng vĩ như bức tường thành quây kín bốn "vi" nền trường, đội lính trú phòng rầm rập theo vó ngựa của viên giám trường đề điệu, tiếng nhong nhóng của nhạc ngựa hóa lộn tiếng dinh dinh của trống quân.

Trên nếp cửa tiền, một bức hoành biển dài dằng dặc như chiếc thuyền thoi, nghênh ngang nằm gối đầu vào đôi đồng trụ. Với bông hoa sen chính chọi kết ở chính giữa và đôi trái găng lủng lẳng treo ở đôi đầu, làm "diềm" phủ trên mép biển dường muốn phô vẽ thắm của tám nhiều điều. Với màu sơn son lóng lánh in ánh lửa sáng choang: cái khung chữ nhật, như có ý khoe nét vàng của bốn chữ "Tân hưng thịnh điển."

Từ mặt tiền qua phía tả đến mặt hậu, cũng như từ mặt hậu qua phía hữu đến mặt tiền, bốn cửa ở bốn góc đều ngổ thênh thang. Mỗi cái khung bằng chứa hàng mấy nghìn tên người cùng gánh cái mặt "rán giấy" ra đường, như đương ngóng các thầy sĩ tử. Mỗi chiếc ghế treo cao chín mươi bậc cùng đuổi bốn chân đứng cạnh các cửa, như đương đợi mấy ông khảo quan.

Hai cửa của vi tả vi hữu ở đằng sau, cũng như hai cửa của vi giáp vi ất ở đằng trước, toán lính kiểm soát đã chực ngoài cửa bằng dáng bộ nghiêm trang. Tám áo nẹp xanh thân đỏ gọn gàng nấp dưới chiếc nón dẫu sơn quang dầu. Những sợi dây tòng của tay thước khảm trai, bông bênh rủ trên miếng ban kiên sặc sỡ.

Khoảng đầu canh ba, tiếng ồn ào tự nẻo xa xa đưa lại, học trò các nơi tới tập kéo đến cửa trường.

Gió bắc thổi càng dữ.

Những cây đình liệu cháy càng nổ.

Trên miếng đất giá lạnh của trời đông, bóng người đông như đám hội.

Có người đến bảy tám mươi tuổi, mái tóc bạc phất phơ xòa dưới nón sơn. Cũng có người mới độ mười bốn, mười ba, hồng mao còn ngất ngùng ngóng trên vành khăn nhiễu. Có người mặt non mơn mớn chỉ vào trạc mười tám đôi mươi. Cũng có người râu dài lê thê, ít ra phải năm sáu chục tuổi. Có người ra tuồng kiết xác, cái thân gầy guộc co ro sười trong mảnh áo đơn. Cũng có người rất mực phong lưu, áo bông quần sù sù, hàm răng vẫn run cầm cập. Có người hai vai nặng trĩu, khuỷu tay còn đủ sức thích bên kia, gạt bên nọ, len từ ngoài tít vào trong cùng. Cũng có người cật cổ không lên, lều, chiếu đều bị lôi xềnh xệch ở mặt đất. Vênh cái mặt dương dương tự đắc, đó là người mới thi lần đầu. Dúm trên trán những nét lo âu, ấy là người lao đao trường ốc. Đủ các nhân vật. Đủ các bộ dạng.

Đêm càng khuya, học trò kéo ra càng nhiều. Ai vào vi nào, lật đặt tìm đến cửa vi ấy. Dưới hàng vạn nón chớp lỗ nhỏ đứng ở bốn cửa, hàng vạn con người trang thức cùng một lối như nhau: sườn này cái chõng tre và bộ gong lều, sườn kia thì bó áo toại và

cuộn áo lều hoặc một đôi chiếu cói, trên ngực quả bầu be và chiếc ống quyển, dưới bụng thì cái yên mộc hay cái tráp sơn. Bấy nhiêu đồ vật nặng có, nhẹ có, lớn có, bé có, dài có, ngắn có, hết thấy xúm lại và đu lên cổ các ông thư sinh.

Hình như trời bắt bao nhiêu ông cống, ông đồ, trước khi bước lên đường công danh, đều phải tập làm anh phu tải. Kẻ chen vào, người đẩy ra, kẻ du đi, người kéo lại, dưới bóng lửa sáng, đám người bị dồn dập, bị xô đẩy, cồn cộn như lớp sóng nước triều. Tiếng gọi nhau, tiếng hỏi nhau, tiếng mắng nhau, tiếng cãi nhau, tiếng lầm rầm, nói chuyện với nhau, các thứ tiếng ấy hợp lại, thành một cái vọng ầm ầm, bốn khu cửa trường giống như bốn cái chợ lớn.

Sang đầu canh tư, các cây đình liệu đều cháy già một nửa. Tàn nửa đỏ ối theo ngọn gió bắc tản mát bay khắp giữa trời. Rồi từ từ, nó rơi xuống đám đầu người, xuống quăng đất không, xuống những nơi xa tít, nếu nó không bị tắt ở bóng tối.

Trong nhà thập đạo, trông khẩu giống, kiềng đồng, nện đủ ba hồi chín tiếng, các bóng đèn đều bị lay động, các ông quan trường cắt nhau mỗi người xuống mỗi vi. Bốn ông ngự sử đem hết chức trách đàn hặc lên bốn chòi canh. Hai ông phân khảo tiến ra cửa hai vi tả hữu với cái quyền "nửa nội nửa ngoại. Ông phó chủ khảo theo biên "phụng chỉ" đến cửa vi ất. Còn cửa vi giáp, vẫn là

phần ông chánh chủ khảo trông nom.

Hai hàng đèn lồng lấp ló soi hai bên đường, một đôi lọng vàng nghiêm chỉnh rước lá cờ "khâm sai" đi đằng trước đường, ông chủ trường thi và cái mũ cánh chuồn, cái hốt ngà voi, cái đai kim tuyến, cái áo thủy ba, cái hia rát con bướm vàng bằng bạc, khúm núm núp dưới bốn chiếc lọng xanh chớp bạc, thông thả đi từ nhà thập đạo ra cửa trường. Cũng như mấy ông phó khảo phân khảo ở các cửa kia. Ông chánh chủ khảo vâng mệnh lệnh tôn nghiêm của lá cờ vua ban, khoan thai bước lên mặt ghế treó và ngồi chỉnh choẹ vọi một chồng quyền thi của học trò. Lọng vàng lọng xanh lại lần lượt làm theo phận sự. Nghĩa là bốn cái lọng xanh cùng che vào ông chủ khảo, hai cái lọng vàng thì che cho lá cờ "khâm sai".

Tiếng âm âm ở khu đất của trường tự nhiên im bất, mấy nghìn con mắt đều đổ dồn vào viên đại thần đứng đầu khảo quan.

Bỗng như phá bầu yên lặng: "Báo oán giả tiền nhập! Báo ân giả thứ nhập! Sĩ từ thứ thứ nhập!" - Dứt mấy tiếng loa chiếu lệ, âm ọc ở trên chòi canh. Người lính đứng cạnh ghế treó của ông chủ khảo theo miệng người lại phòng cầm sổ cũng đứng chỗ ấy, bắc loa đọc tên họ học trò.

Một tiếng dạ bất lên trong đám đông.

Một người thiếu niên liều mạng lách qua "vòng vây", đệ các đồ

đặc kền cang đến khu đất trước ông chủ khảo.

Toán lính kiểm soát bắt đầu làm việc.

Họ giở bỏ áo tơ và cuốn áo lều, họ dòm những cái chõng, chân chõng, họ ghé vào ống đựng quyền và quả bầu be đựng nước, họ lần giải lưng và vuốt các gấu áo gấu quần, họ cởi tung cả bộ gọng lều, rồi họ lục soát đến cái tráp sơn.

Ngoài một thoi mực, một cái nghiên, vài cái bút, một cái dùi vờ, một tập giấy bản và mấy cái bánh giò, mấy cái bánh dày, vài cái chả trâu, vài miếng com nắm, vài miếng thịt rang, trong tráp không có vật gì khả nghi.

Người thiếu niên ấy được phép lĩnh quyền thi của người lại phòng, và tung tăng đi vào trong trường với các đồ đặc lúc lịch, vắn quanh vai quanh cổ.

Đến lượt người khác theo tiếng loa gọi tiến vào.

Người này cũng không có sách thạch bản hay văn cũ chữ kiện chi hết, nhưng các đồ lật vật không đựng bằng tráp mà đựng bằng yên, và trong cái yên lại thêm một bộ bàn đèn thuốc phiện. Thuốc phiện không phải vật bị cấm, người ấy cũng được lĩnh quyền vào trường.

Người lính cầm loa lại gọi đến tên người nữa.

Cũng không có thứ gì gian lậu, nhưng ở trong tráp người ấy lại có một dầm con. Thì ra ông có chứng đi kiết, phải dùng thứ khí giới ấy để vùi cái bã văn chương xuống nền lều, nếu khi làm văn

chẳng may bệnh phát.

Mang dầm vào trường không có tội gì. Người ấy được qua cửa trường như hai người kia, sau khi đã nhận quyền thi bỏ vào ống quyển.

Tên người khác nữa được nhắc lại trong miệng loa đồng.

Các vật cản dùng của người này không khác gì của mấy người trước. Riêng có thứ đồ đựng nước không phải là quả bầu be mà là một cái lọ sành rộng miệng.

Ngạc nhiên, người lính kiểm soát thò que khoắng dưới trôn lọ, tức thì ở trên mặt nước có vật tròn tròn nổi lên.

Càng lấy làm lạ, người lính kia vội vớt vật ấy ra bửa ra xem. Té ra một mớ giấy bản viết chữ nhỏ hơn con kiến, người ta đã vo tròn lại và trát một lượt sáp ong ở khắp chung quanh.

Của phi pháp liền bị tịch thu, và cái tội "mang sách vào trường" tức khắc đưa học trò gian ngoan ra khỏi nơi thi cử.

Người lại phòng, người lính cầm loa và bọn lính kiểm soát lại tiếp tục làm việc như thường.

Chừng nửa canh năm, sương mù ở các cây đình liệu đã lui xuống gần mặt đất, ánh sáng cũng biến ra sắc ủa vàng.

Đám người và đám lều chõng đã chuyển hết ba phần tư vào trường, khu đất ngoài trường chỉ còn lơ thơ vài trăm học trò, tiếng ồn ào dần dần êm dịu.

Mặt trời mọc, các cây đình liệu cũng vừa cháy hết, vũ trụ đã khôi phục cảnh tượng xinh đẹp và mộng mên của ban ngày.

Trong miếng đất giáp với cửa trường, một chàng trai trẻ thơ thần đợi sự - khám xét của bọn lính kiểm soát. Bộ mặt tuần tú cố chơi vẻ kiêu diễm với ánh nắng buổi mai. Đôi mắt long lanh như muốn hút cả sơn hà thành quách. Quần áo đồ đạc chàng ấy không có thứ gì phạm cấm, chỉ duy cái ngực sao lại nở nang mẩy lớn, hơi khác với ngực người thường.

Lục hết cái món linh tinh, cố nhiên bọn hạnh kiểm soát không quên soát cái chỗ mà họ đã nghi ngờ đó.

Vừa thực tay vào lần trong áo chàng ta, thì người lính ấy lập tức rút luôn tay ra, dáng bộ giãy nảy giống như đụng phải nước nóng.

Những người gần đó hau háu nhìn chàng tuổi trẻ bằng đôi mắt ngờ vực, có kẻ bảo chàng ấy giắt nhiều sách vở giấy má trong mình, có kẻ lại đổ trong mình chàng ta hẳn có hung khí hoặc phù chú chi đó.

- Bẩm quan lớn, người này không phải đàn ông.

Sau tiếng trình giật giọng của người lính kiểm soát, ông chủ khảo trọ trệ gất gỏng:

- Sao mi hay Bẩm quan lớn, con thấy...

Rồi ngập ngừng, người lính như không dám nói nốt.

- Mi thấy cái chi?

Người lính lại ngập ngừng:

- Bẩm con thấy. . .

Sự thông minh của chủ khảo đã do sự ngập ngừng đó mà biết được cái người lính đã thấy, ngó mặt người trẻ tuổi, ông ấy hỏi một cách nghiêm nghị:

- Có thật mi là đàn bà không?

Đích thực đàn bà, người ấy không dám chối cãi. Lệnh nghiêm từ trên ghế treo đưa xuống.

Người đàn bà ấy phải bỏ chiếu, lều, chõng, tráp ở cửa trường, theo luôn sợi thừng của lính kiểm soát để đi ra dinh tổng đốc.

Trong đám đông, những ông sĩ tử còn đợi tiếng gọi, xôn xao người nọ hỏi người kia:

- Cô ả nào mà to gan thế - Quê quán chị ta ở đâu, có ai biết không?

- Cô ta ở phường Khán Xuân, chứ đâu.

- A! Cái cô ái nam ấy ư?

- Phải, chính cô ái nam ấy đấy!

- Hoài của nhĩ! người thế mà ái nam!

- Cô ả học hành khá lắm phải không?

- Chẳng khá lại dám giả trai đi thi? Giỏi lắm đấy chứ, kém gì nàng Văn Tú Tài?

- Các ông dám khen nó giỏi, tôi thì tôi cho là đồ đ..., "Nữ ngôn bất xuất", chữ sách để đâu? Một người con gái đã có đọc sách

mà dám len lỏi vào thi với đám con trai, thì còn biết danh giá là cái gì nữa. Dầu hay ! "Tám vạn ngâm tư" cũng là đồ bỏ.

- Chẳng những đồ bỏ mà thôi, lại còn cái tội "khi quân" nữa chứ.

Giả làm con trai đi thi đó là khi quân chứ gì! Rồi các ông xem, chị ta được "giảo giam hậu" là nhẹ, nếu tội ấy vào người đàn ông thì phải "trảm quyết". Cứ thế, người ta cứ chĩa vào mặt người con gái mà cãi vã với nhau mãi như thế.

Mặc cho những tiếng mỉa mai, những lời khen ngợi bay ngoài lỗ tai, cô gái lạ đời cứ việc đi qua trước mặt mọi người bằng dáng bộ thản nhiên.

Mặt trời lên cao.

Ánh nắng đã làm tan bớt giá rét.

Khu đất ngoài trường dần dần vắng teo.

Câu chuyện "thi gian" của cô gái ái nam, nửa theo các ông học trò vào trong vi giáp, nửa đi với bọn hàng quà hàng bánh ra các phố phường.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 2

Hoa hòe bắt đầu tàn rụng.

Trước những hạt mưa lún phún của tiết lập đông, cánh vàng theo ngọn gió may tả tơi tung khắp các mái nhà và các đường phố.

Làn mây u ám phủ kín bầu trời. Ánh nắng hòa với bóng tối làm cho vũ trụ thành một màu tro.

Hôm nay cũng như mọi hôm mới đây, phường Khán Xuân của thành Hà Nội đã được loáng thoáng trang điểm bằng những chậu kim quất đỏ ối, những khóm cúc màu như ngọc như vàng; những bộ quần áo tím xanh của các cô khuê các.

Năm hầu tàn.

Trong gian gác nhỏ hẹp nhô trên một dãy mái ngói ở giải ven Hồ Tây, Xuân Hương với bộ mặt tàn ngần, thân thơ làm bạn với mấy chồng sách, lông chồng mấy ngọn bút ngà nghiêng, một tập hoa tiên tươi bời trên án sách.

Cảnh tượng bao la của mặt hồ và dấu vết điêu tàn của thành quách lâu đài thuở nọ thi nhau tiến vào cửa sổ, giúp thêm sự cô tịch cho gian gác trời đông.

Những cánh hoa hòe tản tác dưới hạt mưa bay cùng những lá sen khô xơ xác, nhấp nhô trong ngân nước, có ý nhắc lại cho nàng mấy vết đau đớn ẩn nấp đáy tim.

Hồi này năm ngoái, chính là hồi nàng phải bước chân vào dinh ông Quyền Chương Vệ Hà Nội.

Bấy giờ những kẻ thềm môi chung đỉnh, thấy đều khen ngợi cả, chức "bà bé" của nhà ông lớn là chức cao sang. Nhưng trong ý nghĩ của nàng, thân phận "tiểu tinh", chỉ là kiếp con sen con nụ. Giả sử nàng là con nhà hàn vi hoặc là một kẻ ngu dốt, người ta gả bán một cách dập dúi như vậy, thì nàng cũng không lấy làm phàn nàn. Nhưng gia thế và tư cách của nàng đã đâu đến nỗi!

Chẳng may trong lúc giang sơn đổi chủ, sự tàn bại của vua Lê chúa Trịnh đã lôi sụp sự thịnh vượng của nhà nàng, trước kia, họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi trong huyện Quỳnh Lưu, vẫn là một họ trâm anh thế phiệt.

Tuy rằng cha nàng mất sớm, cải cảnh bỏ cô, bỏ cút đã đầy đoạ nàng từ thừa lên mười, nhưng nhờ sự dạy bảo của mẹ đẻ và nhờ nét thông minh của trời cho từ thừa lên mười, nàng nghiêm nhiên

là một cô học trò biết làm câu đối bài đoan.

Dẫu rằng sự học của nàng vẫn bị những ông tôn trưởng coi làm đồ để viết thư cho con trai, không ai thiết sẵn sóc, rèn cặp, nhưng nó với nàng cũng như hạt giống tốt với miếng đất phì nhiêu, không cần sự vun tưới của người ngoài, trong năm sáu năm, vẫn có thể thành một chồi cây rườm rà, nở những bông hoa tươi thắm.

Người ta đã phục nàng là bậc tài nữ không kém nàng Ban, ả Tạ, khi thấy văn nàng có vẻ tài hoa.

Người ta lại rửa nàng sẽ là ca kỹ Tiết Đào, khi nghe thơ ca của nàng có giọng lắng lơ chua chát.

Cũng vì sợ nàng hóa như tác giả của hai câu "cảnh chim lá gió", thì có nhục cho gia phong, chú nàng mới bắt nàng thôi việc bút nghiên, tập nghề cày cấy.

Lại vì ghét cái giọng ồm ờ trong bài tức cảnh "tát nước gàu sòng", nhà đạo đức ấy, trước khi lâm chung, còn cố ghép cho xong mối dây lên giữa nàng với ông Quyền Chương Vệ Hà Nội. Những như cái tướng rậm râu sâu mắt và cái tính cộc cằn lỗ mãng của đức lang quân, cũng đã khổ cho kẻ làm vợ, hưởng chi ở ngò, ăn cạnh, nằm kề, còn phải tập những sự luồn cúi, nếm những mùi cay chua, thì một người tài tình như nàng, chịu đựng làm sao cho nổi. Phúc đức thay, lòng hiếu sắc và oai đại tướng

của viên quan võ nhị phẩm địch không lại máu ghen của mù sư tử Hà Đông, qua sáu tháng đọa đầy, nàng được thoát khỏi nhà chồng bằng tội "ái nam" của Viên Chương Vệ đã ghép cho nàng để tránh tiếng sợ vợ.

Mẹ mất, chú đã chết, anh em họ mạc đều ở trong vùng Nghệ An, nhà cửa ở phường Khán Xuân, quê hương "sinh đẻ của nàng, lại về tay nàng làm chủ.

Lúc này không còn sợ ai ngăn cản, đè ép, nàng đã có quyền làm việc theo như chí ý của mình.

Cũng sôi kinh nấu sử, cũng mười năm đèn sách chứ kém gì ai? Ta phải giật lấy miếng "ông đồ ông cống" cho thiên hạ biết tay, để họ khỏi khinh "đàn bà , con gái". Bởi nghĩ thế, nàng mới ăn mặc giả trai, đổi họ đổi tên, nộp quyền xin vào trường thi. Chẳng ngờ, trời chẳng chiều lòng, việc bí mật lại bị cái vú "dậy thì" tố giác với lính kiểm soát, khiến nàng bị bắt luôn ở cửa trường. Tuy nàng chỉ bị giam hai ngày, nhưng nghĩ đến nguồn cơn lúc nào, nàng vẫn tức bực lúc ấy.

Ô hay! Thánh hiền vua chúa thù gì đàn bà con gái mà lại không cho người ta đi thi? Nếu không gặp được ông tổng đốc bà Nội là bạn cha ta, và những ông ngự sử, chủ khảo một học trò của ông ta, thì cái tội "cải trang ứng thí" có lẽ phải đến xử tử. Cứ tình thế này, đàn bà con gái không còn kiếp nào mở mặt lên được. Đời đã chó má như vậy, thân thể của ta sau này sẽ đi ra con đường nào?.

Quanh quẩn nghĩ đi nghĩ lại, nàng vẫn chưa tìm được câu trả lời.
Gió may hiu hiu đưa vào cửa sổ.
Chồng giấy hoa tiên xanh đỏ phát phới bay ra khắp nhà.
Uể oải nàng đứng dậy xếp nhật từng mảnh để trên án sách.
Mấy hàng chữ thảo bỗng múa may rồi rít ở trước mắt nàng:

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
Năm thì, mười họa, nên chẳng chớ
Một tháng đôi lần, có cũng không.
Cổ đám ăn xôi, xôi lại hổng
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhĩ
Thà trước thôi đành ở vậy xong!*

Xem đi xem lại mấy lượt, nàng chột cau đôi lông mày: - Thật là "ghét của nào, trời trao của nấy", phương ngôn nói không sai.
Mình chê người ta phải lấy chồng chung, trời liền bắt mình phải làm vợ lẽ một lão vũ phu thô tục. Mình riều người ta thà rằng ở vậy, đến mình giá muốn ở vậy cũng không thể được, cái gia pháp oái oăm vẫn cố dúi đẩy mình đi, không để cho mình ở yên.
Mình cười người ta làm mướn không công, nhưng mình đi ở năm sáu tháng ròng vẫn trở ra với hai bàn tay trắng... Khen cho

con tạo khéo trêu người...! Mân mê giờ đến tờ khác, nàng như thích ý, gật gù ngâm:

"Đương con nắng cực chữa mưa tè"

Im lặng, nàng tự bẻ mình: "Chữa mưa tè nghe vẫn chưa ổn. Vẫn "tè" khí ép.

Vả nắng cực tức là chữa mưa, cần gì phải thêm hai chữ "chữa mưa" cho thừa?

Giả sử chữa lại làm "tiết trời hè" có lẽ êm hơn!

Sẵn bút trong ống, nàng liền tâm mực đập mấy chữ cũ, viết thêm vài chữ nho nhỏ ở cạnh, rồi nàng đọc lại:

Đương con nắng cực, tiết trời hè

Rủ chị, em ra tát nước khe

Lễo đẽo chiếc gầu, ba góc dùm

Lênh đênh một ruộng, bốn bờ be.

Xì xòm đáy nước, mình nghiêng ngửa

Nhấp nhồm bên ghềnh, đít vắt ve.

Ham việc làm ăn quên cả nhọc

Dạng hang một lúc đã đầy phè.

Nàng bỗng mỉm cười:

- "Nắng cực!...Dạng hang... " Kể cũng chót nhả thật đấy. Không

trách ông chú phát câu cũng phải. Xưa nay thi gia vẫn dùng những chữ gió, trăng, mây, móc, gắm, vóc, ngọc, vàng kia chứ, ai dám đem những tiếng ấy vào thơ? Nhưng, chót nhả thì chót nhả, nó vẫn không hề ra ngoài đầu đề, và cũng không hề mất vẻ tự nhiên. Phải! Có nắng cực mới phải tát nước, đã tát nước thì phải dạng hang, tức cảnh "tát nước gàu sông", dùng mấy tiếng đó kể cũng sát lắm, thế thì dù có chót nhả cũng không can chi, sao lại có kẻ bẻ vành, bẻ vế?

Chẳng qua mình là con gái, thì bài ấy bị ghép vào tội dĩ thỏa lẳng lơ, giả sử mình là con trai, mà nghĩ được những câu như thế, tất nhiên họ sẽ khen nức, khen nở, híp mắt mà cười với nhau, rồi còn người này truyền cho người kia là khác. Lạ thay, trong việc dùng chữ làm thơ con gái với con trai cũng còn chênh lệch khác nhau đến như vậy?... ừ thì ta cũng nhận rằng con gái không được phóng túng như con trai, ta lại nhận rằng bài thơ kia là thơ lẳng lơ dĩ thỏa đi nữa, nhưng mấy câu thơ dĩ thỏa lẳng lơ, chưa phải là tội chữa hoang làm dĩ, có sao ông chú lại nở lấy nó làm án để đẩy ta vào chỗ nọc rắn miệng hùm? Té ra người ta chỉ biết quý cái gia phong, không coi một đời tài sắc của ta vào đâu? Nếu không được mục Chương vệ có tính ghen tuông, thì thân ta phỏng còn gì nữa ! . . .

Thang gác có tiếng thành thịch.

Con nụ bung khay bàn chè và ấm nước sôi đặt lên trên yên.

Quay ra, nàng pha chè chuyên nước, một mình thơ thẩn vừa ngẫm hương chè vừa ngẫm sự đời. Câu hỏi lúc này dường như lại thì thầm ở đâu bên tai: "Đời đã chó má như thế, thân thể của ta sau này sẽ đi ra con đường nào?"

Vẫn chưa tìm được câu trả lời. Nàng liền dập giọng một hóp nước chè, rồi mơ màng nhìn ra cửa sổ.

Gió may vẫn thổi mạnh.

Lá sen khô vẫn lướt theo lớp sóng mặt hồ.

Cánh hoa hòe lả tả bay vào trong gác, và loáng thoáng rơi xuống án sách.

Nàng bỗng giật mình và bụng bảo dạ: "Năm ngoái khi ta ra đi, hoa hòe cũng đương úa rụng, bây giờ ta trở về đây, hoa hòe lại đã hầu tàn. Thế là hết một năm rồi, thân ta vẫn trơ trọi, lênh chênh. . . chả mấy nữa mà mặt thâm má hóp. Ấm nước hơi nguội, nàng gọi con nụ đem xuống đun lại. Sợi "tư tưởng" bị đứt một quãng. Giấy lát, nó lại tiếp tục kéo ra. Nàng cười chua chát: "Từ khi còn là gái thanh tân, hình như ta đã nổi tiếng đồng đánh, chua ngoa, thiên hạ ai ai cũng sợ. Bây giờ tuy vẫn thanh tân, nhưng nào ai biết? Người ta chỉ biết ta là đứa chua ngoa và lộn chồng, chẳng những họ sợ, mà họ còn khinh bỉ nữa. Ta không thể đi tu, ta cũng không thể thanh tân suốt đời, nếu muốn sau này có được hạnh phúc tốt đẹp, có lẽ ta phải chừa bớt thói ồm ờ, sửa

lại tính nết cho thành một người chín chắn đứng đắn, không nên cưỡng lại với lễ giáo của thánh hiền. Phải, "ở đời chịu đời", phải như thế, ta hãy thôi không làm thơ, không trông ghẹo bạn gái, không chế riễu những anh con trai, ăn nói đứng ngồi phải giữ cho đúng lời dạy ở Thiên Nữ Tắc và các bài nữ huấn...!

Tiếng thỉnh thịch lại lần lần nện ở thang gác, con nụ đã lên với ấm nước sôi. Bã chè hơi nhạt, nàng trút ra cái bát chứa, và cho chè khác vào ấm chuyên. Cạn một tuần nước đầu, nàng đứng dậy toan vơ đồng giấy hoa tiên đem đốt.

Bỗng nàng dừng tay và tự hỏi thầm: "Sau khi sửa đổi tính nết, thành người con gái đứng đắn và chín chắn, đời ta sẽ như thế nào?!!" Và nàng lại tự trả lời: "Chắc sẽ có người tâm đầu ý hợp, cây mối đến hỏi. Ta sẽ cùng họ hưởng cái phúc tiêu dao ngâm vịnh như những đôi giai nhân tài tử ngày xưa...".

Tức thì những cuộc chơi bởi thú hứng la liệt bày trước mặt nàng. Nàng đương cùng chồng đối mặt ngồi trong thuyền bông lơ lửng bơi trên dòng thị Hà; ánh trăng lóng lánh chiếu xuống lòng sông, con thuyền nhẹ nhàng rẽ lớp sóng hàng đũa đỉnh qua những đám bóng cây và từ từ trôi ra cửa biển. Nàng đương cùng chồng cheo leo đứng trên đỉnh núi Tản Viên, bên tai, tiếng thông reo ào ào, tiếng suối tuôn róc rách, dưới chân, mây khói lơ lờ lượn đi lượn lại, trước mắt, núi sông, thôn ô thu lại như một bức họa đồ. Nàng đương cùng chồng tựa bức câu lon, ngắm đàn cò bay trên

Hồ Tây; mùi sen bát ngát đưa vào trong gác, người nọ tươi cười hơn hờ chỉ bóng cỏ cây, mây nước bắt người kia vịnh thơ. Nàng đương cùng chồng song song nằm trong chăn cùng gối đầu trên một chiếc gối thêu; gió xuân ấm áp quạt làn khói trầm thấp thoáng bay trước màn the, thêm sự nồng nàn cho tình hứng. Nàng đương cùng chồng... Một cánh hoa hòe thoáng qua bên mắt. Chớp mắt một cái, mấy câu hỏi khác thành linh ập đến hỏi nàng: "Cái người cùng nàng hưởng chung các cuộc vui thú, sẽ là người nào? Trong bọn thiếu niên ăn học ngày nay, nàng đã biết mặt biết tên tất cả, người nào sẽ là người tâm đầu ý hợp của nàng? !Thế rồi trong con mắt nàng, một bọn tài tử văn nhân, theo câu hỏi kéo đến lũ lượt. Anh Nguyễn Văn Giáp ra phết phong lưu công tử, nhưng viết một bức thư không thông. Anh Trần Văn Nhâm văn chương nhiều bài thần tình nhưng mắt trắng già, môi thâm xỉ, rõ ra con người hiểm độc. Anh Đặng Văn Mậu mặt mũi cũng tuấn tú, tư cách cũng thông minh; chỉ phải cái đứng ngồi khúm núm, cố làm bộ "đức hạnh." Còn ngoài ra vô số anh khác; ôi thôi! toàn là hạng học trò của Vương An Thạch! Mặt bản không rửa", "áo bản không giặt", lại hơn cái mùi hôi như cú, chấy rận như sung, học giả già như quốc kưu, mà văn vẫn nặng như đá đeo, sách vẫn quên như hũ nút. Chán nản, nàng kết một câu: "Không có ai cả." Và nàng lại tự đồng tình với nàng: "Phải, không có ai hết, không có ai đáng là kẻ tâm đầu ý

hợp của ta, có thể cùng ta hưởng những cuộc chơi bởi thú hứng. Trừ ra hoặc còn kẻ nào rách trời rơi xuống, chứ trong hiện nay chỉ có một hạng anh Nguyễn Văn Giáp anh Trần Văn Nhâm anh Đặng Văn Mậu và vô số anh học trò của Vương An Thạch ấy thôi. Nếu ta mà làm vợ họ, thì ta có khi sẽ là bà Đồ, sẽ là bà Cống, sẽ là bà Huyện, bà Phủ, bà Tổng đốc, bà Thượng thư. Ta sẽ suốt ngày chỉ ngồi tằm trầu. Ta sẽ suốt bữa chỉ ngồi gấp từng miếng đồ ăn đặt vào bát họ. Ta sẽ suốt năm chỉ nheo nhéo rửa thằng quít và chửi con sen, con nhài... Có thể như thế được chăng. Không thể được. Ta không thể bắt chước nàng Mạnh Quang, khi đưa thức ăn cho chồng phải nâng bát ngang với lông mày. Ta không thể bắt chước nàng Tạ Đào Uẩn, khi nói chuyện với khách đàn ông của chồng, phải che cái trướng trước mặt, cho khách khỏi trông thấy mặt. Ta không thể bắt chước nàng Trác Văn Quân, khi chồng chênh mảng, còn cố nghĩ lấy bài ngâm "đầu bạc" để hòng chuộc lại tình yêu. Những cái người ta cho thảo hiền, hoặc sang trọng, với ta, chỉ là những sự khốn nạn đáng khinh. Thà rằng tro trọi lênh chênh, ta không thể làm kẻ "sửa túi nâng khăn" cho những người mà ta không sao chịu nổi, thì ta còn tập lấy những thói khốn nạn làm chi.

Tần ngần, nàng chống tay vào khung cửa sổ, vợ vẫn nhìn trời, nhìn mây, nhìn những ngọn cỏ lơ thơ ở bờ hồ bên kia, để cân nhắc thêm một lần nữa, xem những ý nghĩ vừa rồi có đúng hay

không đúng. Nàng thấy những thứ lễ nghi chế độ của những ông thánh, ông hiền đặt ra cho đàn bà con gái, rất là những cái xiềng xích.

Thật thế, rất là những cái xiềng xích. Người nào chịu xiềng xích, thì họ bảo là dâu thảo, vợ hiền. Ai mà cưỡng lại, thì họ cho là "lẳng lơ dĩ thừa".

Nghĩ vậy, nàng bỗng cười ngặt nghẽo: "Chẳng những thế thôi, họ còn sung sướng vu cho người ta là gái ái nam nữa chứ".

Rồi nàng quả quyết: "Không cần! Muốn gì thì gì, ta cứ sống bằng ý muốn của ta, ta không sống theo sở thích của người.

Bắt đầu từ nay, ta thử phá hết những cái đạo đức giả dối, chơi với ông thánh, ông hiền một mẻ xem sao. "

Kiều ngạo, nàng khúc khích cười thầm: "Được rồi, lão nghè Hoàng vẫn lên mặt đạo đức cao thượng, làm hư cả mấy trăm học trò. Hôm nọ ở cửa trường thi, chính bọn học trò ông ta đã đua theo lão Quyền Chương Vệ mà phao cho ta cái tiếng ái nam. Bao nhiêu lời ông tiếng ve đó vào đầu ta từ trước đến giờ, phần nhiều ở ông ta mà ra cả.

Ta phải cho ông ấy biết ta trước nhất.

Nhanh nhẩu, nàng đến án sách, hí hoáy lấy giấy đóng quyển, viết một bài văn thật dài.

Đọc lại một lần, nàng phá lên cười:

- Lão nghè Hoàng nghe hết bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Rồi nàng giao cuốn văn ấy cho con nọ, và dặn nó sáng mai phải đem nộp ở trường học cụ nghề Hoàng.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 3

Nửa sân bên ngoài, dãy bành cô thụ vẫn nghênh ngang giương tàn lá úa đỏ giữ cho khu đất dưới gốc khỏi mất vẻ sầm tịch âm thầm.

Nửa sân bên trong, mặt trời hèn yếu của mùa đông đã nhòm xuống gặm giàn hoa bằng những lỗ phen mắt cáo.

Với những mái tóc lăn tăn ngấn ngủi, mấy cây thông bù, trắc bách lù lù ngời trên "thống gạch" như chưa nguôi cơn rét đêm qua.

Với những nhành lá lướt lướt hơi sương, mấy khóm bạch ngọc, kiều diệp, loạn điểm tổ tâm hơn hờ múa trong hàng chậu da lươn, như mừng đón sự ấm áp của ánh nắng buổi sáng.

Mùi hương thoang thoảng của hoa lan hòa với mùi thơm đậm đà của hoa mộc, hoa sồi, theo luồng gió nhẹ ngào ngạt bay vào

trong nhà.

Trường học cụ nghè Hoàng lúc ấy vừa mới mở cửa.

Trên dãy xà nhà dài dặc, mấy bức hoành phi nền gấm ngất ngưỡng nằm với nét sương kính của những chữ chân phương. Trước cái cây cột béo lùn, mấy đôi câu đối sơn then thép vàng, bệ vệ phô vẻ đứng đắn của lối chữ đầu tầm đuôi én!

Ngoài mặt các tường các vách, những bức tứ hoành xanh, đỏ, vàng, trắng thi nhau khoe nét tươi, nét rẻo, nét sắc sảo những dòng chữ thảo sen chữ hành.

Hết thấy mọi đồ trang hoàng đều tô điểm cho sự cao quý của một nền đạo đức.

Bằng cái danh vọng lớn lao tự đời cố Lê còn lại và vẫn lẻo đẻo sống theo tuổi thọ của một vị cố lão, tòa nhà ấy đã nổi tiếng "mực thước", về sự rèn đúc nhân tài. Bây giờ giang sơn Nam, Bắc mới chung nhau một bức bản đồ, những cuộc chinh chiến đã im, việc học của các trấn Bắc Thành đã bắt đầu khôi phục cảnh hoang phế trong mấy chục năm loạn lạc, thiên hạ đã nô nức tập văn, đọc sách, để sáu năm một lần tranh cướp nhau miếng công danh trong kỳ thi hương, cho nên số người vào cửa cụ Nghè rất đông, tuy là một trường tư thực; mà sự sầm uất của văn học

không kém gì trường đốc học Hà Nội.

Trừ ra mười cậu đồng sinh là những con cháu họ hàng theo đến, cố nhiên học trò cụ Nghè cũng như các học trò lớn khác, chỉ có hai lớp đại tập và trung tập.

Trung tập hàng ngày phải đến nghe sách, hàng tuần phải học làm văn. Còn đại tập thì mỗi tháng tập văn mấy kỳ.

Hôm ấy nhằm kỳ bình văn của học trò đại tập, bao nhiêu học trò trung tập đều phải đến sớm.

Cổng trường vừa ngỏ, những chiếc nón quai chuối đã lộ nhố đưa các thiếu niên anh tuấn lục tục tiến vào với những chồng sách dày xù.

Cụ Nghè còn ở nhà trong chưa ra.

Nón sơn lần lượt bầu vào các tường các cột, hoặc đu lên then co tàu, các cậu học trò ngổn ngang chiếm lấy ngôi chỗ của mình ở mấy tấm phản ngoài ngạch.

Theo lệ mọi ngày, những người giỏi nhất lớp trung tập thay mặt cụ Nghè truyền dân "mỗi đạo" cho những cậu tí nhau; ưỡn ẹo với cuốn sách nát nhàu cấp ở dưới nách, một lũ đồng sinh tóc chỏm kề tiếp nhau tựa vào cột hiên, ngắc ngư nhắc lại những câu đã học hôm trước.

Mấy cậu không thuộc, thèn lện tìm chỗi quét khắp nhà trong nhà ngoài, những cậu đọc trơn, tung tăng chạy đi mài son, mài mực.

Cậu nào chưa có chữ học, đưa sách cái nhờ người viết cho. Cậu

nào bài học đủ rồi, mở sách học chồng bên bực cửa đợi chấm.

Nhà trường bắt đầu om sòm.

Những chữ "chi", "hồ", "giã", "giả" trong mấy cuốn sơ học vẫn tâm, "ấu học ngũ ngôn thiên" nhất tề bị nhai đi nhai lại. Những tên ông thánh ông hiền ông vua ông quan trong các sách "Dương Tiết", "Tam hoàng", "Hạ Thương Chu", "Hán Cao Tổ", đồng thời bị réo róc hàng mấy chục lần.

Nghĩa chữ dần dần bị nuốt, tiếng học dần dần thấy thừa, quỳ đầu gối xuống gạch thêm, các cậu bé con tranh nhau đặt sách học vào trước mặt mấy cậu hơn tuổi và lễ phép hỏi: "thưa anh xin kể".

Chữ nào nghĩa ấy, mỗi cậu bé con kể hết từng chữ trong bài học, thì mỗi cậu lớn tuổi lại ngân giọng xướng luôn từng câu cho chúng đọc theo.

Hết lượt kể nghĩa, các cậu tí nhau như đã trả xong món nợ một ngày hôm ấy, ai nấy sung sướng ra các góc bàn rủ nhau đánh khăng đánh đáo để chờ lấy sách viết tô.

Lớp học của bọn đồng sinh đã tan.

Mặt trời vừa lên khỏi ngọn cây bàng.

Trống cái hùng dũng điểm một hồi ba tiếng.

Cả lũ học trò trung tập rầm rập đứng dậy với một giây "lạy thầy".

Chiếc điều ông, cái tráp sơn và cái giỏ âm tích trịnh trọng rước cụ Nghè áo mũ chính đồn ở nhà trong.

Bệ vệ ngồi vào giữa bộ ghế ngựa quang dầu kê sau chiếc án thư giàn mặt, cụ Nghè thông thả mở tráp lấy ra một cái cối ngà, một cái chày đồng và mấy miếng trầu không cau tươi.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò tiến lên, cúi đầu đón các đồ vật đem sang phản cạnh, hì hục nghiền, rồi lễ phép đệ vào.

Móm mém nhai tẩn miếng trầu, cụ Nghè khoan thai vờ mỗi thuốc lào đặt vào nĩa điếu.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò khác tiến đến, cúi đầu bưng bộ đồ đánh lửa trên án thư ra phản thêm.

Chan chát đập hòn đá lửa vào một thanh sắt cho lửa bật ra và bén xuống lớp tro giấy có trộn lưu hoàng diêm tiêu đựng trong hộp gỗ, cậu ấy se sẽ nhón những mảnh than có lửa tiếp vào mỗi giấy, phì phò thổi cho bùng ngọn, châm vào sợi giấy ruột gà, rồi lễ phép đưa lên.

Ngậm hớp nước chè trong miệng, cụ Nghè vít xe điếu hút sòng sọc một hơi. Nước ngậm đã bị nhổ vào ống nhổ, khói thuốc đã bị thổi lên mái nhà, cụ Nghè ra hiệu cho các cậu học trò đọc sách.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò nữa nhẹ nhàng ôm chồng sách in cúi đầu đặt lên án thư.

Sau một câu xin phép rất lễ độ, một cậu học trò tốt giọng dang hắng mấy tiếng, rồi mở sách ra đọc.

Theo lệ hàng ngày, bao giờ cũng đọc đủ ba thứ sách: kinh,

chuyện và sử.

Hôm nay trước nhất thì đọc Kinh Dịch, rồi đến sách Trung Dung, rồi đến cuốn Tổng Thiết Tông.

Mỗi khi người đọc sách đọc hết bài cái bài bản trong một chương, cả trường đều im phăng phắc, hơn trăm con mắt chăm chú ngó vào sách của mình, hơn trăm lỗ tai yên lặng đợi lời giảng của thầy.

Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ giảng rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng những lời bàn nào là phải, những lời bàn nào là quấy, cụ nói như rót vào tai học trò.

Đọc rồi giảng, giảng rồi đọc, qua bốn năm lượt giã trâu, đánh lửa, thi kinh, chuyện, sử, mỗi thứ cũng bị nhắc lại hết vài chục tờ. Công việc "nghe sách" sắp đoạn, cao hứng, cụ vuốt râu, hỏi:

- Các anh có biết thể văn lục bát nguồn gốc ở đâu hay không?

Gần trăm bộ mặt hết thầy tỏ vẻ ngơ ngác, người ta phải đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Cụ cười khanh khách và mắng học trò một cách vui vẻ.

- Các anh không có ý tứ chút nào. Giở lại bài đọc hôm nay mà xem, nguồn gốc thể văn lục bát ở ngay những chỗ các anh vừa mới "nghe" đó...?

Gần trăm cuốn sách đều bị lật đi lật lại lung tung. Không ai tìm thấy chi hết, người ta lại đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Vẫn bằng giọng nói vui vẻ, cụ giảng:

- Kinh, chuyện, sử mỗi pho đều có một câu lục bát: "Lục tam hàm chương khả chinh." Hoặc "tòng vương sự vô thành, hữu chung." Đó là câu ở Kinh Dịch. "Phù thủy, nhất thước chi đa, Cập kỳ bất trắc, ngoan, đà, giao, long..." Đó là câu ở sách Trung Dung, còn ở sử thì là câu gì? các anh đã nghĩ ra chưa?

Kẻ chau mày lục soát trí nhớ, người còn để mắt từa tòi trong cuốn sách vừa đọc cuối cùng, chưa ai kịp trả lời ra sao, cụ đã nói tiếp:

- "Đô dĩ sái sắc hữu công, Sử chi tòng tựa triệt tông miếu đình." Có phải câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ, rành rành theo vần với nhau đấy không? Đó là câu ở Tổng sử. Thể văn lục bát của ta khác hẳn các lối thi ca của Tàu, không biết xuất hiện ra từ đời nào, nhưng nguồn gốc của nó, quyết phải ở mấy câu ấy. Những người kiến thức nông nổi, không chịu xét đến uyên nguyên, thường khoe nước mình có riêng một thể văn chương. Kỳ thực cũng là bắt chước kinh, chuyện và sử tất cả. Tiếc rằng thể văn ấy hiện nay chỉ có những câu phong dao, tục ngữ và những bài hát vè, hát đúm, nôm na mách qué, sai cả ý của thánh nhân...

Những cậu học trò nghe rồi, ai nấy như mơ mới tỉnh, tuy cũng có vài người dám cho ý kiến của thầy là quá khiên cưỡng, và họ quả quyết tin rằng thể văn lục bát với mấy câu kia chẳng qua ngẫu nhiên hợp nhau, không phải có dính với nhau, nhưng họ đều nín

im không nói. Còn phần đông đều phục cụ Nghè là bậc cao kiến, đã phát minh được một điều lạ lùng. Lại tan buổi học của lớp trung tập.

Học trò đại tập dần dần kéo đến. Ai cũng như nấy, rón rén bước vào ngồi khắp dãy phản ở hai gian cạnh, sau khi đã chấp tay chào thầy.

Nghỉ ngơi một lát, cụ Nghè giở lại tập quyền đã chấm, và tìm những quyền sẽ được "bình" để riêng một chồng.

Mọi kỳ bình văn trước kia, quyền "tập" thường thường tới gần ba trăm học trò đến nghe, vừa đại tập vừa trung tập có khi tới gần bốn trăm. Kỳ này vì đương khoa thi, học trò đại tập hầu hết nghỉ để đi thi. Chỉ có ít người bị trở đại tang hoặc vì có khác không được vào thi thì mới có quyền ở đó. Bởi thế kỳ ấy số quyền rất ít, nhất là những quyền được bình lại càng ít lắm. Nhưng số người vào nghe thì nhiều gấp trước mấy lần.

Là vì khoa thi mới bắt đầu, thí sinh các trấn hãy còn tụ ở Hà Nội chờ xem bảng kỳ đệ nhất, nghe tin một trường danh tiếng như trường cụ Nghè Hoàng có kỳ bình văn, ai cũng nô nức đến xem. Chừng khoảng nửa buổi, người ta kéo vào càng đông. Các phản trong nhà, ngoài thêm đã bị ngồi hết, nhiều người phải dúm dúm đứng với nhau ở dưới giàn hoa.

Hơi người đã chinh phục khí hậu giá rét và bắt nó phải ấm nóng. Mấy ông bạn thân của cụ Nghè mời đến dự thính vẫn chưa thấy

lại.

Mấy trăm sĩ tử cũng như gần trăm quyền văn hết thầy ngong ngóng chờ đợi. Có người nóng ruột đã lảng ra công.

Mặt trời gần tới đỉnh đầu.

Bóng rợp của mấy cây bàng đã thu gọn lại.

Ngoài ngõ nghe có tiếng ho khù khụ và tiếng nói lao xao.

Cụ Nghè Phạm lù khù đi vào với ông Chiêu Bảy, ông Chiêu Tám, ông Cống Thiều, ông Cống Minh và ba bốn ông Cống nữa. Tất cả những người đương ngồi đều lễ phép đứng lên.

Rề ràng, cụ Nghè Hoàng bước trên ghế xuống và ra tận thêm đón khách.

Với bóng vía của những chữ "cao niên thạc vọng", hai cụ Nghè và hai ông Chiêu ngồi trên chiếc ghế chính giữa một cách tự nhiên. Các ông Cống giữ lễ hậu tiến, khép nép ghé vào hai chiếc tràng kỷ kê hai bên cạnh.

Trong nhà, ngoài thêm, sĩ tử lần lượt ngồi xuống.

Cạn tuần nước chè thứ nhất, cụ Nghè Phạm phều phào hỏi cụ Nghè Hoàng:

- Kỳ này có quyền nào khá không?

Gật gù, cụ Nghè Hoàng đáp:

- Có một quyền của Trần Danh Mẫn khá lắm, tôi đã phê "ưu" và hai quyền nữa tôi đã phê "bình", của Đàm Thận Trung và Nguyễn Mạnh Cổ, cũng có nhiều đoạn xuất sắc.

Vừa nói, cụ Nghè Hoàng vừa lục mấy quyển đầu khuyển đỏ chói đưa cụ Nghè Phạm và hai ông-chiêu.

Ba người vừa xem vừa cười thích chí, ai nấy tấm tắc khen "được". Tuần nước chè thứ hai lại cạn.

Công việc bình văn đã bắt đầu.

Đầu bài kỳ này chỉ có hai bài tứ lục: chiếu thi "Nghĩ Nguyên Thế tổ trung cầu Cố Tống di thần", hiệu là "Nghĩ Hán Tứ hiệu từ qui thương sơn".

Với nghiên mực để sẵn bên cạnh, một ông học trò sang tiếng lĩnh quyền của Trần Danh Mẫn ra bình.

Vừa đọc hết đoạn mở đầu cụ Nghè Phạm và hai ông Chiêu dục khuyển rồi rít, làm cho người bình khuyển điểm không kịp, đầu mực mới chi chát để lên đầu son cũ, quyển văn lòn loẹt như một đạo bùa.

Người ấy bình hết quyển Trần Danh Mẫn đến lượt người khác bình quyển Đàm Thận Trung, bây giờ tiếng dục khuyển điểm đã thừa, khi người sau cùng bình đến quyển Nguyễn Mạnh Cổ thì trong trường tự nhiên không thấy vui vẻ bằng trước.

Bỗng ở chiếc phản cạnh thêm mấy cậu học trò chụm đầu vào nhau, hình như không hề để ý đến bài văn đương bình. Rồi họ đọc lầm nhảm. Rồi họ cười tùm tùm. Rồi họ cười khúc khích. Rồi họ xúm lại như đám thò lò, quên cả lễ độ ở trước thầy học.

Ngạc nhiên, cụ Nghè Hoàng quát hỏi:

- Cái gì ở ngoài ấy thế?

Mười mấy cái đầu cùng ngừng lên. Một cậu gập tập trắng dầu vào túi. Các cậu khác quay ra ngồi lại một cách nghiêm trang, cả mười mấy người đều như muốn cười mà phải cố nhịn.

Ông Chiêu Bảy chừng lấy làm lạ, vui vẻ hỏi:

- Giấy má gì đấy? Các cậu đưa vào lão xem.

Mọi người đều bưng miệng nín cười vờ ngơ ngác nhìn nhau, không ai dám nói sao cả.

Ông Chiêu Tám cũng tươi cười hỏi:

- Chắc là văn thơ của ai chế riếu bọn lão chứ gì!

- Được các cậu cứ đem vào đây!

Vẫn không người nào chịu đưa.

Phát câu, cụ Nghè Phạm bảo ông Công Thiệu ra lấy. Cụ chẳng đã, cậu nọ phải móc túi giấy bỏ tập giấy ra, vẽ sớ sệt hiện đầy trên mặt.

Ông Công Thiệu vừa đi vừa xem vừa cười tủm tỉm, rồi lễ phép trao lại cho ông Chiêu Bảy.

Ông Chiêu Bảy cũng không thể nhịn cười mỗi khi xem hết một câu.

Cuộc bình văn đã xong, bao nhiêu học trò đều ngồi nán lại, chờ coi tập giấy kia là bài gì.

Ông Chiêu -Tám nhăm ông Chiêu Bảy:

- Có phải họ chế chúng mình đấy không?

Ông Chiêu Bảy lắc đầu:

- Không phải. . . Bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương.

Cụ Nghè Hoàng nghe đến ba chữ Hồ Xuân Hương như bản cả lỗ tai, chau hai lông mày, cụ gắt:

- Các ngài xem chi văn chương của con gái rỗi ấy, xin cho trẻ nó đốt đi!

Ông Chiêu Bảy ồm ờ:

- Nó rỗi nhưng văn nó hay. Sao lại đốt? Tôi muốn xin phép các quan bình cho học trò nghe.

Cụ Nghè Hoàng cho là ông này cố ý trêu mình, im bất không nói gì nữa.

Cụ Nghè Phạm vội giằng tập giấy ở tay ông Chiêu Bảy:

- Đưa lão xem. Thế nào mà ông bảo là văn hay?

Vừa coi hết vài dòng đầu, cụ Nghè Phạm quăng tờ xuống án và gọi đồng sinh đem đốt ngay đi!

Ông Chiêu Bảy lại cầm luôn lấy:

- Vâng! Đốt thì đốt? Nhưng xin hai cụ hãy cho chúng tôi bình chơi cái đã!

Cụ nghè Hoàng sầm mặt:

- Ở đây nhi mục quan chiêm không phải chỗ nói khôì hài.

Ông Chiêu Bảy vẫn hời hợt:

- Bẩm không phải khôì hài! Tôi muốn theo ý của Kim Thánh Thán đây ạ? Chắc hai cụ cũng còn nhớ cả, trong bài tựa quyển

Tây Sương Ký, Kim Thánh Thán có nói thế này: "Người ta bảo Tây Sương Ký là sách dâm, chỉ vì trong sách có việc. . . ấy. Nhưng thử nghĩ kỹ mà xem: trời đất vũ trụ ngày nào không có việc. . . ấy? Chỗ nào không có việc... ấy. Có lẽ bảo trời đất có việc ấy thì bỏ trời đất; vũ trụ có việc ấy thì bỏ vũ trụ hay sao? Sao sách ấy có việc ấy lại muốn bỏ nó". Hai cụ nghĩ sao? tôi cho Thánh Thán nói vậy là phải. Vậy xin phép hai cụ, cứ cho chúng tôi bình thử?

Ông Chiêu Tám cũng cười:

- Thì ông ấy đã muốn như thế, hai cụ cứ thì cho phép cái nào?

Ông Cống Thiều ra bộ sốt sắng:

- Xin phép các cụ để cho tôi bình.

Rồi ông ấy nhanh nhẩu đứng dậy đón tập giấy của ông Chiêu Bảy. Cụ Nghè Phạm cũng như cụ Nghè Hoàng lặng lẽ ngồi với mặt thâm mày xám.

Ông Cống Thiều vừa cầm tập giấy vừa cười sằng sặc. Học trò trong nhà, ngoài thêm, hết thầy ngơ ngẩn chờ nghe.

Lâu lâu, tan cơn buồn cười, ông Cống Thiều đồng dặc cất giọng:

- Tự tình rằng:

Khi canh cử, lúc ngôi thông thả

Ngẫm sự đời buồn bã gớm ghê!

Âm dương lẩy đẩy mà suy

Côn trùng cũng có hướng chi loài người.

Góm rút tai, những lời trò chuyện

Khéo đặt điều nói đến những câu

Cả nhà im lặng như thường. Mấy ông học trò ngồi ngoài lằm rằm bảo nhau:

- Như vậy tưởng không có gì là rỗi

Hai cụ Nghè vẫn mặt lẳng mày vục, ông Chiêu Bảy vẫn chúm chím cười thâm.

Ông Cống Thiều nghỉ trong giây lát lại tiếp:

- Thơ rằng:

Chém cha cái số má hồng trâu.

Nghĩ đến càng thêm lăm nổi sầu

Dệt cử quăng đi còn có lẽ

Gieo thoi ném lại, chuyện không đâu.

Ông Chiêu Tám nói xen:

- Mấy câu ấy chắc ả muốn than về chuyện chồng rầy. Được, văn cũng hoạt.

Ông Cống Thiều vẫn đọc:

- *Góm thay Gan người, dạ thế, sâu khôn xiết,*

Phao lên rằng: "tít tít có chi"

*Tai thấp thoáng, bụng hồ nghi.
Rành rành chẳng biết cái gì mọc đây*

Hai ông Chiêu đều cười ngặt nghẽo.
Cụ Nghè Hoàng xua tay bảo ông Công Thiều:

- Thôi đừng đọc nữa.

Nhưng ông Công Thiều cứ đọc:

*- Con vắng vẻ mặt dầy ngấm lại
Lúc buồn tình tay gãi đã quen
Rành rành mũi mít đôi bên.
Lùm lùm chai úp là miền hạ thôn.*

Ông Chiêu Tám vẫn tùm tùm:

- Tục quá? Không trách các cụ bảo đem đốt đi cũng phải. Văn chương gì mà tục đến thế.

Ông Chiêu Bảy vội bênh bằng giọng cười cợt:

- Cố nhiên nó tục! Nhưng ông nên biết cho người ta rằng: đó là một bài tự tình cốt để giải tỏ cái oan "ái nam", không phải là kinh, là chuyện, hay là một thiên gia huấn? Vả chẳng, mấy câu này tuy tục nhưng chỉ ý tục chớ lời không tục, cũng còn có thể tha thứ.

Hai cụ Nghè cảm mặt ngồi im, ông Chiêu Tám chỉ cười không

đáp. Ông Chiêu Bảy nói tiếp:

- Người đời, trừ ra bực thần tiên ai mà không tục!

Tôi rất phục câu nói của ông Trương Xưởng: "Trong chốn khuê phòng, tình nụng vợ chồng, còn có việc tẻ hơn là vẽ lông mày".

Bị vua hỏi đến tội vẽ lông mày cho vợ, mà ông ta dám nói như thế, kẻ cũng thật thà và can đảm lắm. Tôi không hiểu tại sao nhiều người vẫn luôn làm những việc tục, mà đến văn chương lại ghét ý tục? Thánh hiền có dạy thế đâu!

Cụ Nghè Hoàng vùng vằng đứng dậy đi vào nhà trong. Ông Công Thiều cao giọng ngâm nga:

- Cỏ rêu mọc xanh om cửa tía,

Lá cờ bay đỏ kẽ song đào,

Môi đầy, miệng rộng, trán cao,

Đúng trong tướng pháp ảnh hào nghi dung.

Nhà trong nhà ngoài, tiếng cười râm rì, tưởng như xô cả mái ngói. Ông Chiêu Bảy vỗ tay bảo ông Chiêu Tám:

- Đoạn này chắc nó xỏ lão Quyền Chương Vệ "Môi đầy, miệng rộng, trán cao", thật là mặt ông Quyền Chương vệ, không sai một chút. Ừ, một người tài tình như thế, vô cớ bị ông kia hỏi lấy một cách ép uổng, rồi lại vu cho cái tiếng "ái nam" để mà đuổi đi.

Như vậy, nó tức là phải, xỏ là phải.

Rồi ông Chiêu Bảy giục ông Cống Thiều:

- Ông cho nghe tiếp đoạn dưới.

Nhưng ông Cống Thiều vì cười nhiều quá, phát nắc, không đọc được nữa, ông Cống Minh cầm quyển đọc thay:

- Ấy rõ thật là. . .

Mới được bốn chữ, ông này đã cười sằng sặc, không thể đọc tiếp.

Một lát, cơn cười hơi tan, ông ấy bùng miệng đọc nốt:

- *Vông rây rây,*

Bằng lương nhân trông thấy cũng ghê.

Há như lá...

Cơn cười sằng sặc lại nổi lên, ông Cống Minh lại phải nghỉ đọc.

Lâu lâu, ông ấy lại bùng miệng đọc theo:

- *tróc, lá tre,*

Mà cười mà ngấm mà kẻ mà không

Ông Chiêu Tám lắc đầu:

- Đều quá ! Nó xỏ lão Quyền Chương Vệ đau quá.

Ông Cống Minh ngân giọng:

- *Của trời cho, xinh giòn là thế.*

Người ta còn ảo ạo rằng "không".

Nín thì tức, nói thẹn thùng,

Phải đồ oán chợ mà hồng phô trương

Mà dãi thẽ như phường tơ kén

Vén màn quần bày biện đồ ra

Để cho những khách gần xa Thử xem cho biết rằng là có không

Ông Chiêu bầy vỗ đùi:

- Nghe đoạn này toàn là giọng oán tức. Ủ, bỗng không lại bị đeo tiếng ái nam, ai mà nhìn được. Mình gặp nước ấy. Mình còn nói tục bằng mười.

Cụ Nghè Phạm hằm hằm đứng lên vào nốt nhà trong. Ông Công Minh càng ngân dài giọng:

- Nhưng mà lại vào dòng quý tướng,

Bộ râu xồm quai nón phát phơ.

Hai ông Chiêu lại cùng cười như nắc nẻ:

- Nó vẽ ra mặt ông Quyền Chương vệ, ông ấy nghe thấy bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Ông Công Minh vẫn liên tiếp không dừng:

- Màn quần che kín sớm trưa

*Tuyết sương chẳng quản nắng mưa chẳng từng.
Hoặc có lúc hờ hênh khuya sớm,
Chỉ người nào ghé trộm thì hay.
Vì bằng đem để sánh bày,
Thất kinh vía quý, xa bay hồn phàm,
Nhân nay buổi thanh nhàn thư thái.
Chép vài hàng nhắn gửi nước non.
Cậy ai phán bảo ôn tồn
Nên tin rằng, "có, chớ đồn rằng không".
Đời đã thiếu anh hùng các sĩ.
Cửa phòng thu để hé cho ai!
Tự tình ta viết ra chơi.
Không không, có có, miệng người xa chi.*

Ông Chiêu Bảy cau mặt:

- Đoạn kết lão quá, đáng đánh đòn.

Tan cuộc bình văn, học trò lẻ tẻ ra về. Hai ông Chiêu và mấy ông Công trình trọng vào tận nhà trong từ biệt hai cụ Nghè, các cụ vẫn chưa nguôi cơn giận, không thềm nói một câu nào cả.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 4

Ba bốn hôm nay, tiếng tăm Hồ Xuân Hương ầm cả phố phường Hà Nội, nhất là các quán rượu, các hàng cơm, những chỗ có học trò đi thi ở trọ. Người ta nhắc lại việc nàng cải trang vào thi bị bắt và bị giam. Người ta truyền khẩu cho nhau cái bài tự tình của nàng đưa vào trường ông Nghè Hoàng. Người ta trách ông Quyền Chương Vệ Hà Nội sao lại vu cho nàng cái tiếng ái nam. Rồi người ta phê bình đến phẩm cách của nàng.

Có người chê nàng dĩ lòng, có người bảo nàng tài tình, có người chê nàng đen đui xấu xí, cũng có người khen nàng vừa đẹp, vừa giòn, làm cho trong đám học trò "đi thi" kẻ nào chưa biết mặt nàng, háo hức muốn đi xem mặt.

Lúc ấy trời đã xế chiều.

Mặt nước hồ Tây lóng lánh nhuộm vàng của ánh nắng.

Xuân Hương thơ thẩn đứng dưới gốc đa trên đường Cổ Ngư mơ

màng nhìn đàn chim sâm cầm nhấp nhô bơi hụp.

Mặt trời chênh chếch nhòm vào đôi má đỏ hồng.

Bóng mây lồng dưới đáy nước long lanh in lên đôi mắt sáng quắc.

Xa xa nẻo chùa Trấn Quốc, bỗng có tiếng người cười nói khúc khích.

Nàng không để ý, vì nàng cho là bọn sư trong chùa bù khú chay với nhau.

Tiếng cười nói mỗi lúc mỗi to thêm, nghe rõ ra giọng một bọn sĩ tử. Bây giờ nàng lại đoán là họ đã bàn tán chế riễu đến mình.

Tức thì nàng đi lặt lẻo, cũng định chòng ghẹo chơi cho họ một mẻ.

Khi nàng đi đến gần chùa Trấn Quốc, thì một bọn độ năm, sáu người vừa lục tục kéo ra, té ra họ không biết nàng là ai. Qua trước mặt nàng, người nào người ấy hai mắt lăm lét, hình như muốn trông mà không dám trông. Cách một quãng xa, còn nghe thấy tiếng họ trò chuyện nổ như pháo ran, không biết họ nói những gì. Cao hứng, nàng lững thững dạo vào trong chùa Trấn Quốc, để xem mới rồi bọn đó làm gì ở đó.

Trong chùa, ngoài chùa quang cảnh vẫn như hôm qua, mấy chú tiểu đồng hí húi nhỏ cỏ quét sân, mấy sư ông lão nhỏ châu đầu trọc gật gù nói chuyện trong nhà. Thành linh nàng nhòm lên vách đại điện, thấy có một bài tứ tuyệt mới đề, nét mực chưa ráo.

Nàng để ý ngắm, thì bài đó tả cảnh chùa trên hồ trời chiều. Coi rồi, nàng bỗng ôm bụng mà cười, các sư các tiểu đều lấy làm lạ, họ xúm lại xem, không ai biết là nàng cười gì.

Một lúc sau, nàng cố nhịn cười, và hỏi mấy sư ông:

- Mấy câu trên đây của ai viết thế?

Cung kính một sư ông chấp tay đáp:

- Bạch người, đó là thơ của mấy ông học trò vừa ở đây ra. Hình như ở dưới cuối bài đã có ghi tên tác giả thì phải.

Nàng vội nhìn lại, thì ra lúc nãy vì buồn cười quá nên không trông hết. Quả nhiên ở dưới cuối bài còn có năm chữ "Đặng Như Bích kính đề".

Nàng lại mỉm cười:

- Thơ là thơ tức cảnh mà cũng lạc khoản báng hai chữ "kính đề" không biết họ kính ai đây hay là kính mấy con vịt le trong hồ.

Rồi nàng bảo nhà sư cho mượn bút mực, để nàng đề luôn bài khác ở cạnh.

Một nhóm sư ông đứng ở đằng sau, có ý khoe mình là người nhiều chữ, nàng viết câu nào họ đọc luôn câu ấy khi nàng viết hết cả bài, một người cao giọng ngâm nga:

- Dắt dúi nhau lên đến cửa chiền,

Cũng đòi học nói, nói không nên.

Ai về nhắn bảo phường lòi tới

Muốn sống đem vôi quét trả đền!

Chờ họ ngâm xong, nàng hỏi:

- Thế nào? Bài thơ của tôi mới đề có xuôi không?
- Bạch người, hay lắm, người nghĩ lanh quá, thanh hơn mấy ông ban nãy nhiều lắm.
- Các ông ấy vào đây từ bao giờ?
- Bạch người, các ông ấy vào từ buổi sáng. Ngồi chơi một lát thì nói ngay đến chuyện làm thơ. Tức thì các ông ấy gọi lấy nghiên bút và giấy nháp. Chữa đi chữa lại đến mấy chục lượt. Hơn chục giấy bản các ông viết vừa hết, chúng tôi đã phải cung phụng mười ấm nước chè tàu và năm sáu ấm nước lão mai, các ông ấy mới làm xong được bốn câu thơ, và tấm tắc khen hay, ông nọ bảo ông kia không thể bỏ được chữ nào. Rồi các ông cũng cất một người chữ tốt lấy bút "đề thơ" mà đề lên đó.
- Bạch người, tôi nghe bài thơ của các ông ấy cũng hay đấy chứ, sao người lại bảo là phường lời tói.
- Bạch người, bốn câu thơ của người tuy có xuất sắc nhưng mà lời lẽ chua ngoa, tôi e đến tai các ông ấy thì các ông ấy không bằng lòng.
- Bạch người, hay là người cho xóa bài thơ của người, vì ông Đặng Như Bích, chính là con trai cụ Nghè Đặng, nay bị người chế riễu như thế, sợ rằng ông ấy quở trách đến bọn nhà chùa

chúng tôi.

Xuân Hương cười nhạt:

- Được không hề chi, để tôi ký tên rõ ràng, nếu có sự gì lỗi thôi, tôi sẽ chịu hết, không việc gì đến nhà chùa.

Tức thì nàng cầm bút viết thêm ba chữ "Hồ Xuân Hương" ở cuối bài thơ của nàng, rồi đứng định đi ra.

Mặt trời lặn. . .

Trời xẩm tối.

Trong phường Khán Xuân dần dần thưa người đi qua.

Sáng hôm sau, nàng vừa ngủ dậy, mới uống cạn một ấm nước chè, bỗng thấy con nụ ở đường tắt tả chạy về, hót hơ, hót hoảng, vừa thở nó vừa nói:

- Thưa cô . . . !

Rồi nó lại phải đứng im để thở. Nàng cũng ngạc nhiên về thái độ luống cuống của nó, liền hỏi:

- Cái gì thế! Giặc nổi ở đâu đây chẳng?

Con nụ vẫn thở, một lúc nữa nó mới cất tiếng:

- Thưa cô, họ sắp đến phá nhà ta!

Xuân Hương sầm mặt:

- Họ là đứa nào? Đứa nào dám phá nhà này, chúng nó làm giặc hay sao! Im đi, không được nghe nhảm, nói càn !

Con nụ vẫn nói:

- Thưa cô, thật đấy! Không phải giặc, đó là một bọn học trò đi thi.

Nàng nghe câu nói của nó đã hơi có lý, liền gặng:

- Ai bảo mày thế ?

- Thưa cô, bà hàng bánh dày ngoài đầu phố.

- Bà ấy nói sao?

Bà ấy bảo rằng: "Đêm hôm qua, khi đi bán hàng ở quanh mấy phố gần trường thi, đến chỗ nào cũng nghe thấy người ta ầm ầm bàn nhau, nhất định phải đến phá nhà của Hồ Xuân Hương. Bọn nọ rủ bọn kia, họ tính đến ngay ban đêm, nhưng vì trời tối, nên họ bảo nhau để đến ngày nay.

- Bà ấy chỉ nói thế thôi?

- Bà ấy còn bảo con chính mắt bà ta trông thấy một người học trò cụ Nghè Đặng và ông con trai cụ ấy đi rủ rê khắp các nơi, rồi đến mấy ông học trò cụ Nghè Hoàng cũng hùa theo.

- Chúng nó nói leo! Ta không biết họ cay gì ta, nhưng dù cay gì mặc lòng, qua một đêm hôm qua, chắc là cơn tức của họ nguôi rồi. Bây giờ có thưởng thêm tiền họ cũng không dám đến nữa. Vả, vô cớ phá nhà người ta, có sợ tội không! Chỉ có giặc mới dám như thế.

- Thưa cô, thật là họ chưa nguôi cơn tức, con cũng không biết họ tức gì cô, nhưng họ tức lắm. Bà hàng bánh dày nói rằng: Họ bảo cô làm nhục cụ Nghè Hoàng, cô làm nhục cả cụ Nghè Đặng, nhất

định họ phải báo thù cho thầy, tức là hai cụ Nghè ấy. Một người bán hàng đậu phụ cũng nói với con: Sáng sớm hôm nay ở phường Đồng Xuân thấy có từng lũ học trò dúm dục đứng ở giữa đường, bàn nhau họp lại một chỗ, rồi cùng đến kéo cho đồ nhà ta và bắt lấy cô mà đánh một trận thật đau, thì mới hả giận. Xin cô liệu cách đối phó. Không thì nguy đến nơi rồi.

Xuân Hương mỉm cười, ngẫm nghĩ một lúc: nàng dặn con sen ở nhà coi nhà, rồi nàng trùm khăn vuông bịt lên đầu, lững thững cắp nón xuống gác và đi về nẻo Trường Thi.

Một tốp học trò chừng vài chục người xúm nhau ở một quãng đường giữa phường Thái Cam. Tiếng nói chuyện ồn ào như đám họp chợ.

Đánh bạo, nàng sẽ lảng vảng đi qua, xem họ nói gì. Con nụ nói đúng. Họ đương bàn tán về việc đến phá nhà nàng. Kẻ rằng phải đi báo thù cho anh em, người rằng ai đội mũ lệch thì xấu người ấy, chẳng hơi đâu can thiệp chuyện người dung, lỡ ra phải tội phải vạ thì ai chịu đỡ.

Qua một hồi bàn bạc phân vân, kết cục những người bàn ngang đánh đổ hết những câu nghĩa khí, mỗi người tản đi mỗi ngả.

Đám học trò ấy giải tán.

Nàng lại cắp nón cứ đi.

Gần đến trường thi, xa trông đã thấy một đám người khác quần tụ ở dưới gốc cây. Bọn này nghe chừng hăng hơn và cũng đông

hơn bọn kia. Nàng đứng cách một quãng khá dài, đã nghe rõ tiếng họ nói:

- Anh em phải biết cụ Nghè Đăng và cụ Nghè Hoàng tức là tiêu biểu của sĩ lâm ngày nay. Nó dám ngạo mạn với cụ Nghè Hoàng và chế riếu con trai cụ Nghè Đăng, tức là nó khinh sĩ lâm Bắc Thành. Con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, loài vật còn biết thế huống chi loài người. Chúng ta đã cắp sách đi học, được thấm nhuần tám gói những cái nghĩa lý của thánh hiền dạy, thì chúng ta phải bênh vực lấy người đồng đạo, cho khỏi mất tiếng của sĩ lâm!

Người ấy nói dứt, một hồi vỗ tay vang một góc trời. Lâu lâu, tiếng vỗ tay đã im, đến lượt người khác nói tiếp:

- Chúng mình đã là người trong sĩ lâm, tuy không được hầu tiếp hai cụ Nghè, nhưng cũng tức như học trò các cụ ấy. Nó đã khinh các cụ, tất nhiên nó không vị nể gì chúng mình. Vả các cụ mà bị tiếng xấu, chúng mình cũng không đẹp mặt với ai. Cố nhiên đối với việc này, thế nào chúng mình cũng không thể nín, phải làm cho ra lẽ, để rửa cái nhục chung cho sĩ lâm.

- Nhưng làm bằng cách nào, rửa bằng cách nào, đó là một điều anh em phải bàn cho kỹ.

Một tiếng nói lớn bật ra trong đám đông:

- Anh ấy nói phải! Cố nhiên chúng ta phải bênh vực thể diện cho sĩ lâm Bắc Thành, nhưng bênh bằng cách nào. Không lẽ cả bấy

nhiều người kéo đến mà chửi vả với nó?

Trong đám đông lại đổi giọng nói:

- Việc gì phải chửi nhau? Chúng mình là kẻ đọc sách biết chữ, chứ có phải hàng rau hàng hành đâu? Cứ kéo cả đến mà đánh cho nó một mẻ?

- Không được! Bấy nhiêu con trai, đàn ông, đều là bậc thiếu niên anh tuấn trong nước, đâu lại đi đánh nhau với kẻ đàn bà con gái?

- Thế thì làm thế nào chứ?

- Kéo cho đổ nhà nó đi, chứ làm thế nào! Phải đấy! Chúng ta phải trừng phạt nó bằng cách ấy mới đáng tội. Nếu mà chửi nó thì không ra khi tiết của đấng trượng phu.

- Anh em hãy nghĩ cho chín, không nên nóng nảy. Vô cớ kéo đến phá cửa phá nhà người thì còn luật pháp làm sao? Chúng ta có làm giặc đâu mà hoành hành như thế ?

- Ủ, chỉ có giặc cướp thì mới tự nhiên kéo đến nhà của người ta mà phá! Chúng ta toàn là hạng học trò trung vua, yêu nước, nếu như chúng ta làm bậy, quyết là các quan sở tại không để cho yên.

- Cái đó không cần, chúng mình làm việc nghĩa khí, chắc là các quan sở tại cũng phải phục. Huống chi quan nào thì quan, chẳng qua cũng xuất thân từ sĩ lâm mà ra, nó làm nhục sĩ lâm, tức là nó làm nhục cả các quan. Chúng ta rửa cái nhục ấy cho sĩ lâm, cũng là rửa nhục cho các quan. Các ngài chẳng giúp mình thì chớ, lẽ nào lại nỡ ngăn cản chúng mình.

- Anh em làm việc nghĩa khí, anh em phải can đảm! Có can đảm mới làm nổi việc. Không sợ các quan bắt tội. Nếu bắt tội chúng mình, các quan ở với ai. Nhà vua còn trọng học trò nữa là các quan? Bây giờ chúng ta tuy là học trò, nay mai chắc đâu không là rường cột của nhà nước.

- Thôi, không phải bàn đi tán lại lời thôi, cứ đến kéo đồ nhà con đi đi, tội đâu tôi xin chịu cả?

- Nhưng chúng ta chỉ có số bấy nhiêu người kéo sao cho đồ nhà nó?

- Thế thì phải đi rủ thêm mấy nghìn thí sinh hiện ở Hà Nội. Ai nghe chuyện đó mà không cảm tức? Tôi chắc nhiều bọn đã họp nhau bàn việc này rồi. Nếu mình đến rủ một câu, tất nhiên nhiều người sẽ vui lòng theo.

Một số đông lại vỗ tay khen phải. Tức thì cả bọn chia làm mấy toán, mỗi toán rẽ đi mỗi phố.

Biết qua tình thế như vậy. Xuân Hương không muốn đi theo họ nữa, lật đật, nàng lượn qua chùa Quán Sứ để trở về phường Khán Xuân. Trong chùa cũng nghe thấy tiếng học trò ầm ầm, đại để họ cũng nói như các bọn kia.

Vừa đi, Xuân Hương vừa nghĩ: "Không ngờ sĩ phong ngày nay trẻ con đến thế, chỉ có một việc con con như thế mà họ cố làm cho to chuyện. Không biết những khi nước mất nhà tan. Họ có

hăng hái được như vậy hay không?" Càng nghĩ nàng càng cảm
cụ Nghè Hoàng, nàng cho việc này do cụ xướng xuất ra cho học
trò cụ trước, rồi đến học trò cụ Nghè Đặng mới a dua theo. Rồi
nàng lại tự an ủi: "Nhưng mà cũng chẳng cần gì. Ta chắc họ chỉ
rủ rê bàn tán để lấy sĩ diện với nhau đấy thôi, quyết không anh
nào, dám nhúng tay mà làm. Bởi vì họ hoàn toàn là hạng nhát
gan như cáy, đâu dám hung hành đến thế! ! Đi một quãng nữa,
nàng lại lẩm bẩm một mình: "Tuy vậy, ta không thể coi thường,
chắc đâu trong bọn hàng nghìn con người, lại không có lấy mười
lăm đứa điên dại? Nếu mà những đứa điên dại ra mặt đứng đầu
có lẽ những kẻ hèn nhát cũng phải đua theo. Như vậy chẳng
những mang tiếng, mà ta còn bị tàn hại là khác. Thế thì bây giờ
ta phải tìm cách ngăn ngừa, để cho việc khỏi xảy ra mới được..."
"Nhưng mà, sự đã thế này, còn có cách gì ngăn ngừa được
không?". Nàng cứ tự mình hỏi đi hỏi lại mãi một câu đó mà vẫn
chưa tìm được câu trả lời. Lại đi quãng nữa, tình cờ qua cửa nhà
ông Chiêu Bẩy. đột nhiên nàng như mừng rỡ và reo lên rằng:
"Được rồi, chỉ có lão này còn có cảm tình với ta, ta phải vào tìm
lão ấy, chắc rằng lão ấy sẽ giúp ta được việc khó khăn này," rồi
nàng lững thững tiến vào trong nhà.
May sao lúc ấy ông Chiêu đi chơi vừa về. Trông thấy nàng, ông
Chiêu Bẩy ngồi ở trong nhà chào ra:
- Cô Hồ Xuân Hương! Mời cô vào chơi trong nhà.

Theo lời mời, nàng cung kính đi vào phòng khách.

Giữ lễ, nàng toan ngồi vào tràng kỷ bên cạnh, ông Chiêu Bảy không nghe, bảo ngồi lên chiếc ghế đối mặt với mình. Rồi ông Chiêu Bảy vừa cười vừa hỏi:

- Cô đến tìm lão, chắc vì những người học trò gàn dở đang rủ nhau sinh sự với cô.

- Thưa vâng! Tôi mới nghe tin việc đó. Không biết thật hư thế nào. Nếu họ làm thật, thì rất nguy hiểm cho tôi, trong đám phụ lão ngày nay. Tôi nghĩ chỉ có cụ hãy còn lượng thứ cho tôi, vậy tôi đến cầu cứu với cụ.

- Ai bảo cô cứ hay trêu người ta. Bây giờ người ta trêu già, cô còn oán trách gì nữa?

Xuân Hương sầm mặt và nói bằng giọng nghiêm nghị?

- Thật ra như tôi có trêu ai đâu. Nhưng tôi không chịu nổi những thứ đạo đức giả dối. Những cái lễ giáo bó buộc, tôi phải sống bằng tư tưởng tự nhiên của trời cho tôi, có động chạm gì đến ai đâu, vậy mà người ta không muốn khoan bước, đua nhau phao tôi tiếng này tiếng khác. Nín không được thì tôi phải kêu. Còn như việc đề thơ ở chùa Trấn Quốc, cố nhiên là tôi khinh họ.

Nhưng mà những hạng dốt nát, tục tằn không có học thức gì cả, thế mà họ cũng lên mặt cử nhân, tài tử, thì ai còn tha thứ được.

Ông Chiêu vội vàng ngắt lời:

- Không, lão nói đùa đấy thôi. Những thứ đạo đức giả dối, lễ

giáo bó buộc, chính lão đây cũng không chịu nổi huống chi một người như cô. Cô khinh họ. Cô chế họ, thật là phải lắm. Hôm nọ cái bài tự tình của cô. Chính lão cho đọc để trêu tiết cụ Nghè Hoàng đấy chứ ai. Không ngờ vì đọc bài ấy, bây giờ lại xảy ra sự lôi thôi cho cô. Vậy thì cô có cách ngăn cản được việc ấy chưa?

- Thừa cụ chưa, vì thế tôi phải đến nói với cụ.
- Cô với quan Tổng đốc Hà Nội có phải họ hàng gì không?
- Không có họ, nhưng ông ấy là bạn của cha tôi ngày xưa.
- Ông ấy có biết cô?
- Thừa có? Hôm nọ, tôi ăn mặc giả trai vào trường, chẳng may bại lộ, bị bắt, chính ông ấy gỡ cho tôi ra.
- Thế thì được. Bây giờ cô cứ đến nói với ngài, nhờ ngài phái một đạo lính đến phường Khán Xuân canh giữ, những người học trò thấy có lính tráng ở đấy. Tự nhiên không dám sinh sự với cô! Xuân Hương lắc đầu:
- Thừa cụ, tôi những muốn như thế. Cái người cứ ỷ lại vào thanh thế hoặc di trạch của cha ông, đó là người rất hèn. Phụng chỉ mỗi việc đều cậy đến uy quyền của các quan thì còn ra thế nào nữa. Nếu cụ không có cách gì khác giúp cho, thì thà để cho họ đến phá nhà. Tôi cũng cam lòng, chứ vào nói với quan Tổng đốc thì tôi không nói.

Ông Chiêu Bảy ra ý khen ngợi:

- Không ngờ cô lại kiêu ngạo tự phụ đến thế.

Ngắm nghĩ một lúc, ông Chiêu Bả lại hỏi:

- Bài thơ của cậu Đặng Như Bích đề chùa Trấn Quốc cô có nhớ không?

Xuân hương cũng cười sáng sặc:

- Thưa cụ. Nào nó có ra hồn thơ mà nhớ! Nhưng may tôi vừa mới coi hôm qua, có lẽ cũng chưa quên, để tôi nhớ xem.

Hồi lâu, nàng lại vừa cười vừa nói:

- Thưa cụ. Bài thơ ấy vui còn nhớ cả cụ hỏi làm gì.

- Thế nào: cô thử đọc cho lão nghe.

- Nhưng nghe loài thơ ấy chực cụ cũng không thể nhin cười.

Rồi nàng đọc như dẫn từng tiếng:

- Khen ai đổ đất đất dựng lên chùa

Một nếp lù lù ở giữa hồ

Mặt nước bóng chiều tà bằng lảng

Làm sao vẫn chưa thấy chuông khua

Ông Chiêu Bả cười như muốn ngắt người đi, một lúc lâu, ông ấy lắc đầu và nói:

- Chết chữa, thơ với thần, thế mà cũng dám viết vào tường cho thiên hạ xem, con trai cụ Nghè to gan thật. Người ta chửi cho cũng có, chẳng những chế giễu mà thôi. Cụ Nghè không biết khuyên con, dạy con. Lại còn gở giọng đề chữa then, đáng ghét.

Thôi, cô cứ yên tâm mà về, lát nữa, lão sẽ có cách giải vây cho cô.

- Cảm ơn ông Chiêu - Xuân Hương từ biệt trở ra.

Mặt trời lên khỏi ngọn cây, Xuân Hương mới về đến nhà. Con nụ vẫn luống cuống lo sợ. Sau khi đã hỏi qua nàng những chuyện nghe thấy ngoài đường, nó giục nàng phải kíp vào thành tanh quan tổng đốc! Lắc đầu, nàng bảo nó đóng chặt các cửa rồi nàng lên gác, hé cửa đứng nhìn ra đường.

Hàng phố hình như đã nhiều người nghe biết chuyện sẽ xảy ra cho nàng, những đứa trẻ con lêu lổng và những người đàn bà tò mò luôn đợi ở vệ đường, gốc cây và bờ hồ, có ý chờ xem tấn kịch của bọn văn thân sắp diễn.

Nửa giờ sau, ở phía đông nam chợt có tiếng người âm âm. Giây lát, quả nhiên một tụi học trò độ vài chục người tấp nập kéo đến trước cửa nhà nàng, ai cũng như nấy khăn quần vành dây, quần rong quét gót, dáng bộ lướt thướt như lễ sinh sắp sửa vào tế văn miếu.

Mỉm cười, nàng nghĩ thầm: "lưng sức thế kia mà dọa kéo cho đồ nhà người ta, thì phỏng kéo làm sao nổi?"

Trong bọn bỗng có người gọi lớn:

- Bớ Hồ Xuân Hương, mau mau ra mà chịu tội!

Nàng toan mở cửa cho họ thấy mặt, thì ở dưới đường lại có tiếng

thét dữ dội, giống như tiếng Trương Phi trong tấn tuồng đại náo Trường Bản kiên". Nàng bụng bảo dạ: "Có lẽ cơn nghĩa khí của họ đương hăng, ta chưa nên ra mặt với họ vội. Hãy để cho họ thét chán đi đã". Rồi nàng lại cứ khép cửa đứng im.

Dưới đường, học trò kéo đến mỗi lúc một đông thêm, dần dần có tới sáu, bảy chục người, những tiếng quát tháo làm bộ lại càng kịch liệt. Nàng vẫn không chịu trả lời.

Một người đi đầu trong bọn hăng hái đứng ra nói lớn:

- Cửa ngõ đều đóng im ỉm thế này, chắc là nó vì sợ quá nên đã bỏ nhà đi trốn?

Người khác đón nói:

- Chúng ta đến đây, không phải là đến bắt nó, chỉ cốt để phá nhà nó. Nó trốn mặc nó, chúng mình cứ đập cửa mà vào.

Cả bọn lao nhao khen phải. Hồi mấy người hung hành xông lại, nắm tay đập vào cánh cửa thành thành.

Tức quá, Xuân Hương đẩy tung cửa gác, nhô đầu ra hỏi:

- Các ông làm cái gì thế...?

Trong đám đông, có tiếng sùng sộ đáp lại:

- Mà y lão? Dám dùng văn thơ nhảm nhí làm mất thể diện của sĩ lâm Bắc Thành, chúng tao phá tan nhà mà y để trị tội ấy.

Xuân Hương phá lên cười:

- Tôi tưởng các ông toàn là bậc văn nhân, đã có ít nhiều học thức, có giỏi ta đem văn chương đối địch với nhau. Chứ kéo từng

đàn, từng lũ đến mà phá cửa, phá nhà người ta, thì là thủ đoạn của phường vũ phu, du côn. Khôngg phải thái độ của người quân tử!

Đám người ở dưới tức thì nổi cơn ồn ào:

- À nó giỏi! Nó đã vô lễ với sĩ lâm, chúng mình đến đây hỏi tội, nó không chịu lỗi, lại còn bảo chúng mình là phường vũ phu, du côn. Anh em! chúng ta không kéo đồ nhà nó đi còn chờ gì nữa, dất nhau đến đây mà chịu nhục à?

Tiếng nói chưa dứt, bỗng thấy đánh trát một cái, một hòn gạch nhỏ từ trong đám đông ném lên, nhưng không trúng cửa gác, nó động vào bức tường gác rồi lại rơi xuống dẫm vào một người ở dưới.

Xuân Hương vỗ tay cười khanh khách. Làm cho những người đứng dưới càng tức, kẻ nhặt đá ném thêm.

Người vào đẩy cửa ùm ùm.

Giữa lúc đó, ông Chiêu Bảy ở đâu nhô ra, sấn vào đứng ở giữa đám và hỏi thật lớn:

- Các anh định phá nhà của Hồ Xuân Hương đây à?

Mấy chục người đều ngẩng lên trông. Thấy ông Chiêu Bảy đạo mạo đội nón chống gậy đứng đó, ai nấy đều có ý kính trọng, năm sáu người đồng thanh trả lời.

- Vâng? Chúng tôi muốn phá nhà của con đĩ, vì nó đã dùng văn chương nhảm nhí làm nhục sĩ lâm, chúng tôi phải rửa cái thù ấy.

Ông Chiêu Bảy vừa cười vừa nói:

- Được? Anh em làm việc nghĩa khí, rất đáng ngợi khen. Tôi tuy tuổi già sức yếu, việc khác thì không dám can dự, nhưng việc này tôi phải ra sức giúp đỡ anh em.

- Vậy trước khi nhúng tay vào việc, tôi muốn anh em hãy cho tôi biết, kẻ thù của chúng ta đã làm nhục chúng ta bằng cách nào.

Mọi người lại đồng thanh trả lời:

- Thừa cụ, nó đã làm nhục sĩ lâm đến hai lần chứ không phải một. Lần trước, nó gửi bài văn chót nhả, đến trường cụ Nghè Hoàng, và nói xỏ cụ ấy nhiều câu. Lần mới rồi, anh Đặng Như Bích đề thơ ở chùa Trấn Quốc. Nó dám đề một bài khác chế giễu anh ấy và bảo anh ấy là phường lời tói. Như thế, chẳng phá nhà nó đi, còn để làm gì.

Ông Chiêu Bảy vẫn cười:

- Cố nhiên như thế. Nếu Hồ Xuân Hương quả có làm nhục sĩ lâm, lẽ nào chúng ta lại chịu nín im. Nhưng chúng ta là kẻ đọc sách biết chữ, đứng đầu tứ dân, dù muốn trừng trị người nào, chúng ta cần phải cân nhắc cho kỹ, không nên để oan người ta. Hai việc mà anh em buộc tội cho Hồ Xuân Hương, thì theo ý tôi việc thứ nhất oan cho nàng.

Mọi người đều tỏ vẻ tức giận, sắp sửa bẻ lại, ông Chiêu Bảy liền nói lấp đi:

- Trong bọn anh em ở đây, có ai dự cuộc bình văn ở trường cụ

Nghe Hoàng hôm nọ hay không?

Trong đám đông, có tiếng trả lời:

- Hôm ấy, có tôi đến dự.

Ông Chiêu Bảy vội quay ra nhìn, người đó là Đàm Thận Trung, một người đã có tiếng tài hoa trong bọn sĩ tử. Ông Chiêu Bảy liền hỏi:

- A bác Đàm đây ư! Phải. Hôm đó quyền bác phê "ưu", được đọc. Bác đã dự cuộc bình văn hôm ấy thì bác có thể làm chứng cho Hồ Xuân Hương.

Đàm Thận Trung chưa kịp nói sao, ông Chiêu Bảy lại tiếp:

- Hiện có bác Đàm làm chứng. Cái việc đem đọc bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương. Không phải ở nàng. Chính là ở tôi. Người ta không ái nam mà tự nhiên bị tiếng ái nam thì người ta phải kêu oan chứ. Suốt trong bài ấy không có câu nào xúc phạm đến cụ Nghè Hoàng, hay một người nào trong sĩ lâm, như vậy sao lại bảo là làm nhục sĩ lâm? Còn như những tiếng chót nhả trong bài. Nó chỉ là tiếng chót nhả. Không thể cho là nói xấu sĩ lâm. Tôi không hiểu vì sao mà cụ Nghè Hoàng lại ghét những tiếng chót nhả đến thế. Sự thực ngay trong sĩ lâm chúng ta, còn nhiều câu văn chót nhả bằng mười. Anh em chắc có đọc bài văn sách nôm của ông nào làm ra độ trước? "Bà vải đánh trống long tong, nhảy lên, nhảy xuống, con ong đốt...", "con gái mười bảy, mười ba, đêm nằm với mẹ chuột tha...". Đó, các bậc tiền bối chúng ta chót

nhà là vậy.

Cơn giận hình như đã dịu, không ai phản đối câu nào. Ông Chiêu Bảy nghỉ một lát, rồi lại nói:

- Chúng mình có quyền làm văn bông đùa, thì cũng cho phép người ta được bông đùa bằng văn chương, không nên quá nghiêm khắc.

Một người học trò cãi lại:

- Chúng tôi không cấm ai bông đùa. Nhưng phải bông đùa ở chỗ khác, không được đem văn ô uế vào chỗ bình văn.

Ông Chiêu Bảy cười khanh khách:

- Cái đó là lỗi tại tôi, không phải tại Hồ Xuân Hương việc đó, bác Đàm cũng đã biết rõ, chính tôi giục ông Công Thiệu đem đọc bài ấy, anh em có muốn báo thù cho cụ Nghè Hoàng thì xin cứ việc vào phá nhà tôi, đừng phá nhà Hồ Xuân Hương. Nhưng, tôi trộm nghĩ, bài văn ấy của Hồ Xuân Hương có nhiều câu hay và rất tức cười, nếu không ai đọc cho nghe, tất nhiên cũng có nhiều người sẽ mượn mà chép lấy để rồi ngâm trộm đọc vụng với nhau, có phải thế không?

Trong đám đông nghe có tiếng cười khúc khích.

Ông Chiêu Bảy vẫn dong dạc:

- Ai cũng muốn xem, ai cũng muốn biết, tôi bảo đọc lên, đó là chịu cái ý muốn của số đông người. Vậy thì anh em cũng không nên trách cái giọng chót nhả của Hồ Xuân Hương!

Có người nói lớn ở phía ngoài:

- Vâng, chúng tôi theo lời cụ Chiêu xin miễn cho Hồ Xuân Hương cái tội thứ nhất, nhưng còn cái tội thứ hai quyết không thể tha.

Ông Chiêu Bảy nói đón:

- Phải? Một người con gái dám bảo con trai cụ Nghè là phường lòi tói, thật là vô lễ, chúng ta phải trị cho đáng tội, để răn kẻ khác. Nhưng trước khi trị tội người ta, tôi muốn anh em hãy cho nghe qua bài thơ của cậu Đặng Như Bích cái đã?

Hai ba người cùng nói một câu:

- Chúng tôi không biết bài ấy thế nào.

Mấy ông học trò cụ Nghè Đặng ngông nghênh đứng ra nó lớn:

- Các ông không biết, đã có người biết. Bài ấy hiện còn để ở chùa Trần Quốc, chưa biên đâu mất.

Ông Chiêu Bảy vui vẻ nói:

- Chắc ông đã có coi qua xin đọc cho nghe.

Một người trong mấy người đó ra dáng đặc ý ngân giọng đọc bằng tiếng bình văn của thầy đồ xứ Nghệ:

- Khen ai đồ đất. . . dựng lên ch ủa. . .

Ông Chiêu Bảy mỉm cười khôi hài. Người ấy hình như không để ý đến, vẫn đọc một cách tự nhiên:

- Một nếp lù lù . . . ở gi ữa h ồ. . .

Mặt nước bóng chiều tà... bóng lảng

Trong đám học trò đứng đó nhiều người trông nhau lắc đầu, ông đồ đệ cụ Nghè Đặng càng lên cao giọng:

- Làm sao vẫn chưa thấy chuông khua

Ông Chiêu Bảy hỏi lại mọi người:

- Anh em nghe bài thơ ấy thế nào, có thể gọi là thơ chẳng!

Đàm Thận Trung lên tiếng:

- Quê lắm? Nhiều chữ còn trẻ con quá! Nãy giờ Xuân Hương đứng im trên gác mặc ông Chiêu Bảy giảng giải cho bọn học trò. Không dám nói xen câu nào. Bây giờ nghe bài thơ của Đặng Như Bích.

Nàng không thể nhịn nổi, liền ngó cửa gác mà nói chớ ra:

- Thơ thần như thế, tôi bảo là phường lời tói, còn oan lắm sao?

Các ông lại chực hùa nhau đến phá nhà tôi ư?

Ông Chiêu Bảy vội vàng ngắt lời:

- Cô là con gái không nên quá dùng những giọng chua ngoa. Bác Đàm nói phải! Bài thơ của cậu Bích vừa quê lại vừa trẻ con.

Không có câu nào nghe được. Như thế, người ta chế giễu cũng đáng chứ có oan đâu! Anh em nên thành tâm phục thiện, cái sự mình dở, sự mình phải biết là dở, thì sự học vẫn mới có ngày tấn tới. Nếu cứ kéo bè kéo đảng, cố ý che lấp cái dốt cho nhau. Ấy là làm hại nhau đó. Vậy anh em có yêu cậu Đặng Như Bích, quý trọng thể diện của sĩ lâm thì nên nghe tôi, anh em đừng vì một bài thơ bông đùa mà chực phá nhà của người ta. `Làm vậy, một

là anh em sẽ mắc tù tội, hai nữa, đời sau sẽ bảo sĩ lâm bây giờ, toàn là một phường trẻ con. Thôi nghe tôi anh em hãy giải tán, để dành nghĩa khí lại đó, chờ khi có việc đáng dùng sẽ dùng! Nói chưa dứt lời, trong đám lố nhố, liền có mấy người hòa theo: - Phải lắm, cụ Chiêu dạy thế phải lắm. Chúng ta hãy để dành cái nghĩa khí lại đó, không nên đem mà dùng vào một việc trẻ con. Đi! anh em ai về nhà nấy, để sức lo việc thi cử.

Rồi cả bọn ào ào kéo về, những người khác đều vui vẻ như thường, riêng có Đặng Như Bích và đám học trẻ của hai cụ Nghè thì đều ra ý xấu hổ, và rất căm ông Chiêu Bảy!

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 5

Phía ngoài cửa sổ, mấy tàu lá chuối chống nhau với ngọn gió bắc, phành phạch đập vào tường vôi.

Bên huyện Thọ Xương trống canh điểm nhịp ba tiếng.

Đêm đông đã gần hết nửa.

Ngọn đèn trên quang giống như mỗi một buồn ngủ, uể oải phun ra ánh lửa vàng khè. Đặng Như Bích một mình lật quật trong thư phòng, hết đứng lại ngồi, mấy lần ngã xuống giường, đều phải dần dọc trở dậy, những luồng tư tưởng rối loạn đua nhau quấy nhiễu trong trí, nó không để cho chàng nằm yên.

Chàng chỉ mong cho chóng hết đêm đến sáng. Bởi vì ngày mai là ngày ra bảng kỳ đệ nhất của trường thi hương, những người đã đeo ống quyển vào trường, ai cũng như ai, chỉ muốn được thấy tên mình trên bảng.

Vả lại, đối với khoa thi, kỳ đệ nhất lại quan hệ hơn các kỳ khác.

Và vì kỳ ấy học trò còn đông, số người bị hỏng sẽ nhiều. Chàng là con một ông Nghè, lỡ ra hỏng kỳ đệ nhất không còn mặt nào trông thấy anh em.

Bởi vì hỏng kỳ đệ nhất tức là "bay kinh nghĩa", mà trong việc đi thi, "bay kinh nghĩa" là sự rất xấu.

Từ lúc xong kỳ đệ nhất, vác lều chõng ra khỏi cổng trường.

Chàng đã đem hết bản nháp trình cho cụ Nghè. Xem văn của chàng, cụ tuy thất vọng. Nhưng cũng miễn cưỡng khen một vài chỗ, để cho con khỏi ngã lòng. Thấy cụ không vui, chàng cũng đoán chừng văn mình chắc là kém lắm. Vì thế, ngày nào cũng chỉ lo canh cánh, không chắc mình có vào được đến kỳ đệ nhị hay không.

Bó gói ngồi cạnh án sách. Chàng nghĩ lại mấy cái đầu bài kinh nghĩa của quan trường ra cho học trò.

Chàng cho bài nào cũng khó ghê gớm. Rồi chàng lần lần lại giở bản nháp ra xem, chàng thấy đoạn khai giảng của bài chuyện rất là rời rạc, không thấu đến nghĩa đầu đề, mấy đoạn trung cổ, hậu cổ của bài kinh lại có nhiều chỗ đáng sở, nếu mình tự chấm cho mình, có lẽ cũng không thể hạ bút khuyên được bài nào. Băn khoăn, chàng lấy hai cuốn sách in so sánh hai đoạn "cẩn án" xem có sai lầm chữ nào hay không. Chàng hơi yên lòng, khi thấy bản nháp đúng như trong sách không thiếu một chữ. Nhưng vẫn còn

hồi hộp, bụng bảo dạ rằng: "Bản nháp thì đúng, không biết khi viết vào quyển có đúng hay không".

Lòng chàng lúc ấy đã giống như mớ tơ vò, càng gỡ càng thêm rối rắm, chưa hết mối lo về chuyện thi cử. Chàng lại nghĩ luôn đến chuyện đề thơ ở chùa Trấn Quốc. Ôn lại bài thơ của mình vịnh cảnh chùa trên hồ buổi chiều, chàng thấy nó vừa quê vừa vụng, thật là không được chữ nào. Bụng chàng bảo dạ: "Xưa nay mình có tập làm thơ nôm bao giờ, cứ sao lúc ấy lại bỗng điên dại như thế. " Chàng rất oán anh Trịnh Xuân Sam, một người bạn chàng cũng đi vào chùa Trấn Quốc và cũng có dự vào cuộc vịnh thơ, chàng cho rằng hắn đã phản chàng nên mới xui chàng cứ viết bài thơ "không được chữ nào" ấy vào vách và lại giục chàng ký cả tên họ rõ ràng. "Phải, nếu ta chỉ viết bài thơ ấy vào vách mà không viết tên, dù Xuân Hương trông thấy đi nữa cũng không biết là thơ của ai, thế thì ta cũng không bị mang tiếng dốt nát. Anh Trịnh Xuân Sam thật là kẻ làm hại ta, nếu không có hắn xúi khôn xúi dại, thì ta có phô phang tên tuổi ra đó làm chi. Nghĩ vậy, lòng chàng tự thấy bền lẫm, xấu hổ, chỉ muốn tắm rửa cho sạch những tiếng chê bai do bài thơ kia gây ra. Rồi chàng lại lẩm bẩm một mình: "Chẳng những anh Trịnh Xuân Sam, cả đến thầy, trò ông Nghè Hoàng cũng đều làm hại ta nữa. Giả sử ông cụ không châm chọc thêm vào, thì ta tuy có trót dại mà ký tên

vào một bài thơ dốt nát, chẳng qua kẻ nào xem đến mới biết mà thôi. Chỉ vì ông cụ xúi bẩy, khuyên bọn sĩ tử kéo đến phá nhà Xuân Hương, việc mới vỡ lở ra to, làm cho cả xứ Bắc Thành đều biết, thế là ông cụ muốn rửa hờn giúp ta, lại hóa ra bôi nhọ thêm cho ta. Ta thật khờ dại, nông nổi, quá nghe anh em, chúng bạn, đi làm những việc trẻ con, rút lại, bao nhiêu tiếng xấu mình phải chịu cả, chẳng ai chịu đỡ".

Chàng lại cảm ông Chiêu Bẩy, chàng nhận thấy rằng: "Nếu không có ông Chiêu Bẩy phá ngang, chắc là cả bọn sĩ tử đều sấn vào phá nhà Xuân Hương, ít nhất, Xuân Hương cũng phải ra xin lỗi mình, như thế mình cũng đỡ mất sĩ diện một chút. Bởi tại ông Chiêu Bẩy nói ngang mấy câu, khiến cho anh em chệnh mảng giải tán, thành ra cái việc hôm ấy không có ảnh hưởng mấy may." Chàng bỗng phát cáu: "Cái lão Chiêu Bẩy đạo mạo lên mặt dàn xếp công việc thật là đáng ghét. Hình như lão ấy cậy là ông Chiêu, ra ý kiêu ngạo với bọn học trò thiếu niên. Nhưng làm ông Công, ông Nghè thì khó, chứ làm ông Chiêu thì có gì. Nếu ta đẻ sớm vài chục năm nữa, thì ta cũng là ông Chiêu, kém gì lão ấy. Phải, trong khi nhà Lê hãy còn làm vua, bao nhiêu con trai ông Nghè, đều được vào học ở Chiêu Văn Quán. Vì thế những con ông Nghè đều được gọi là ông Chiêu. Cha ta cũng đỗ ông Nghè đời Lê, giả sử họ Lê chưa mất, tất nhiên ta cũng được vào Chiêu Văn mà học, chỉ vì trào mới họ Nguyễn bỏ quán Chiêu

Văn, nên ta không được kêu là ông Chiêu, chứ có phải sức học của ta thua kém gì lão Chiêu Bảy? Sao lão ấy lại dám khinh ta, lại dám chế giễu ta ở trước công chúng.

Rồi sự liên tưởng khiến chàng nhớ đến Xuân Hương. Tuy đã bị nàng cợt giễu một cách chua ngoa.

Nhưng chàng không oán trách nàng, trái lại, trong con mắt chàng, nàng là người đáng phục. "Không ngờ đời này lại có một người con gái nhan sắc và tài tình đến thế, từ trước đến giờ, ta chỉ nghe tiếng, chưa rõ mặt nàng ra sao. Hôm đó, nàng đẩy cửa sổ ngó ra, thì ta mới được trông thấy, con mắt sắc ngọt, nước da trắng nõn trắng nà, quả nhiên là nàng thật xinh đẹp, khó lòng có người ăn đứt. Bây giờ việc đã lỡ rồi, ta với nàng bỗng không đã thành thù nhau, không thể nói được chuyện gì nữa. Nếu không, nếu chẳng có cái việc hôm qua, thì dù nàng bị chồng rầy, ta cũng quyết cậy người hỏi nàng làm vợ. Lấy được người vợ tài tình như nàng, có lẽ cũng sướng một đời".

Chàng lại mỉm cười và tự an ủi: "Vợ chồng bởi tại duyên trời xe lại. Nếu mà phải duyên với nhau, thì dẫu hai bên thù nhau, cũng vẫn thành vợ thành chồng. Chả thế thì sao Vi Cố lại phải kết duyên với con bé con nhà ăn mày mà chính tay ông ta đã cầm dao đâm vào trán nó? Thôi được, miễn là ta đậu khoa này, để cho nàng phải phục ta, để cho nàng khỏi cười ta là dốt, rồi ta sẽ liệu đến việc nhân duyên".

"Nhưng mà không chắc khoa này ta có đậu được hay không?
Mấy bài kinh nghĩa của ta viết kỳ đệ nhất, chẳng có chỗ nào đặc
ý, khó mà phê được cái "thứ cộc"? Vợ vẫn, chàng cứ nghĩ quanh
nghĩ quẩn, hết chuyện nọ đến chuyện kia, suốt từ chập tối đến
cuối canh ba, chàng không chợp mắt được một phút nào.

Đĩa đèn trên quang đã sắp hết dầu, ngọn lửa nở một bông hoa đỏ
ối. Ngoài các cửa ô, tiếng gà đã gáy âm ỉ. Xa xa ở phía trường
thi, trống cái thông thả điểm đủ ba hồi chín tiếng. Chàng biết cửa
trường đã kéo bảng kỳ đệ nhất. Vì, lệ thường vẫn thế, mỗi khi
treo bảng, vẫn phải có ba hồi trống làm hiệu, để cho học trò đến
xem. Ruột chàng nóng như lửa đốt, chỉ muốn chạy thẳng đến
nơi, ngó coi có thấy tên mình hay không.

Nhưng mà sự lo xa đã hãm chàng phải ở nhà, không cho chàng
đi. Xưa nay những ông học trò sang trọng không ai tự mình đi
xem bảng cho mình. Bởi họ sợ rằng: Lỡ ra "trông bảng không
tên", còn mặt nào trông thấy bè bạn trong khi đi từ cửa về nhà
trợ? Vì thế, chàng dù nóng ruột đến đâu mặc lòng, vẫn phải bám
gan ngồi nhà, chờ tin tức của người đầy tớ.

Gà gáy giục.

Trời rạng đông.

Một tên gia nhân hót hơ hót hải chạy vào vừa thở vừa nói:

- Bẩm cậu, cậu được vào kỳ đệ nhị đấy ạ!

Như Bích khoan thai hỏi lại:

- Sao mà biết?
 - Bẩm cậu, con ra xem bảng về đây! Từ lúc ngoài trường dứt ba hồi trống, cụ ông đã đánh thức con và giục con phải ra coi xem có thấy tên cậu hay không. Ngoài trời rét như cắt, thế mà con ra đến nơi đã thấy người ta đến đông như kiến, họ đứng vây chung quanh bảng, chật như nêm cối...
 - Mà làm thế nào mà trông được bảng, có thật không hay mà trông lắm, thiên hạ đông danh đồng hiệu là thường.
 - Bẩm cậu không lắm? Con đã lách vào tận nơi mà xem, tuy rằng trời tối, nhưng có nhiều người đốt đuốc chĩa vào mặt bảng mà soi, nhờ vậy con mới trông thấy rõ ràng: "Đặng Như Bích, Hà Nội, Đồng Xuân", tên cậu như thế phải không?
- Như Bích mỉm cười:
- Phải! ai bảo mà biết được tên tao?
 - Bẩm cậu, cụ ông bảo con, cụ đã viết cả bảy chữ đó để cho con nhắm. Lúc vừa rồi, cụ lại bắt con viết lại xem có nhớ không.
- Như Bích ra bộ đắc ý:
- Các cụ khéo cẩn thận, làm gì mà phải cầm quyền đến thế!
- Rồi chàng lại tiếp:
- Thế mà thấy tên tao ở bảng vì nào?
 - Bẩm cậu ở cửa vì ất, con cũng không biết vì nào vào vì nào, phải hỏi những người đứng đấy, họ đều bảo đấy là vì ất.
 - Đích thật không?

- Bẩm cậu, đích thật, không sai!
- Mà đến vì ắt thấy tên tao ngay à?
- Bẩm không. Thoạt kỳ thủy con đến cái vi đối với vi ắt. Đó là vi giáp! Phải vi giáp ! Thoạt kỳ thủy con đến vi giáp và chui mãi vào trong, xem đi xem lại, không thấy tên cậu, con lại phải đến cái vi ở sau vi giáp...
- Vi ấy là vi hữu?
- Con không biết là vi gì, có lẽ vi hữu thật đấy. Ở đây cũng không có tên cậu, nóng ruột quá con bỏ cách quãng một vi, chạy luôn đến xem bảng vi ắt, may sao vừa thấy tên cậu. . .
- Tên tao ở đầu bảng hay ở cuối bảng!
- Bẩm cậu, ở ngay đầu bảng!

Như Bích vẫn cười tủm tỉm:

- Rầy rã, tên ở đầu bảng đêm nay lại phải ra sớm!
- Sao thế, hử cậu?
- Bởi vì ngày mai, khi người lại phòng cầm sổ xướng tên gọi học trò vào trường. Lại cứ theo đúng thứ tự trong bảng, người nào ở trên thì gọi trước, người nào ở dưới thì gọi sau, cho nên tên ai ở trên thì phải đến trước để cho kịp lúc lại phòng gọi đến thì vào!
- À ra thế! Con vẫn cứ tưởng người nào văn hay thì tên ở đầu bảng.
- Đó là bảng giải ngạch. Người nào đỗ cao thì tên ở trên. người nào đỗ thấp thì tên ở dưới. Bây giờ mới là bảng vào cửa, không

có phân biệt trên dưới gì cả. Mày đã bấm cụ ráng ta được vào kỳ này hay chưa?

- Bấm cậu, đã.

- Cụ có nói gì không?

- Cụ vui vẻ lắm, giục con phải xuống nói ngay với cậu.

Như Bích liền mở tráp lấy mười hai đồng tiền đồng thưởng tên người nhà, rồi chàng vào màn nằm tạm. Nhưng, mừng quá cũng như lo quá, chàng vẫn không thể nằm yên.

Sáng rõ, chàng đội khăn mặc áo chỉnh tề, lên nhà trên, xin phép cụ Nghè để ra thăm qua quang cảnh cửa trường.

Cụ Nghè ân cần dặn con đi chơi một lát rồi phải về nghỉ ngơi cho tinh thần thư thái để ngày mai vào trường làm văn khôi quẩn.

Lúc ấy đường phố tuy còn hơi sương ướt đầm. Nhưng vì ngày ra bảng của học trò, cho nên trên những đoạn đường đi đến trường thi, người ta đã đi lại đông như mắc cửi. Vênh vang, Như Bích đem một thằng nhỏ đi hầu, vòng quanh ba bốn phố phường để xuống cửa trường. Mỗi khi gặp người quen biết, chàng cố làm bộ vờ vẫn hỏi thăm có thấy tên mình ở bảng hay không.

Dạo một lượt khắp các cửa vi, nhìn thấy tên mình rõ ràng, chàng mới đi kiếm những người bè bạn được vào cùng vi với mình, hẹn nhau đến khi vào trường đồng lều thì nhớ tìm nhau đóng liền một khu, phòng khi cần phải bàn bạc với nhau về việc bài vở. Khắp lượt, chàng cùng thằng nhỏ trở về.

Trong nhà, bà con thân thích đến chơi rất đông, người này ra, người khác vào, ai nấy chuyện trò vui vẻ, rút lại, họ đều kết bằng một câu: "cậu phải cố lấy tiếng, "dạ" cửa trường, cho bỏ công mười năm đèn sách".

Chiều đến, khách khứa đã vãn, chàng dặn thằng nhỏ: "hễ có ai hỏi, phải nói dối là cậu tôi đi vắng."

Rồi chàng vào phòng đóng cửa nằm nghỉ. Cụ Nghè truyền lệnh hết thầy người nhà đầy tớ, không được lên đến nhà học, để cho cậu được ngủ yên giấc.

Gần nửa đêm, chàng ngủ dậy mắt trở dầy. Lều chiếu, yên, chõng, giấy, bút, dùi, mực, và tất cả đồ ăn, thức dùng trong việc vào trường, người nhà đã sắp sửa sẵn sàng. Cụ Nghè bắt chúng phải lục soát lại vài ba lần nữa, xem có thiếu sót cái gì hay không.

Cuối canh ba, sau khi Như Bích đã ăn tạm vài ba lưng, cụ Nghè sai bọn gia nhân đưa đốt đuốc, đưa mang xách các thứ đồ đạc tiễn chàng xuống đến cổng trường.

Học trò đến trường đã đông. Quang cảnh cửa trường đêm nay đại khái cũng như đêm hôm vào kỳ đệ nhất, khác một điều là mấy cây đình liệu lần này không sáng bằng mấy cây đình liệu lần trước, bởi vì đêm nay có trăng, ánh trăng lấn bớt sức sáng của ánh lửa.

Kỳ này học trò bị thải rất nhiều, số được vào thi chỉ bằng một phần kỳ trước. cho nên công việc vào trường cũng chóng. chừng

nửa giờ dần, thí sinh các vi đã vào hết cả. Cửa trường đóng lại kín mít, riêng một cửa trước nhà thập đạo còn ngỏ, để cho các quan ra vào.

Cuối giờ dần, học trò ai nấy đóng lều đã xong, trên chòi canh nổi một hồi trống thật dài, rồi viên giám trường đề điệu và ba viên thuộc hạ, mỗi người đi xuống mỗi vi đem giấy đầu bài dán vào tấm bảng phen nửa.

Vi nào vi ấy thí sinh tấp nập đến xem, dưới bảng, người đứng vòng trong vòng ngoài.

Kỳ này chỉ có hai bài tứ lục. Một bài biểu và một bài chiếu, cho nên việc chép đầu bài rất mau, có người chỉ đứng nhìn qua rồi về lều, chứ không phải viết.

May cho Như Bích, cả hai bài cụ Nghè đều đã ra cho học trò làm rồi.

Mừng quá, chàng mở tráp lấy các đồ dùng để viết.

Giờ đến hộp mực thì ra nước đã cạn khô. Lốp bông mực lên meo trắng xóa. Phát cáu, chàng chửi thề người nhà một trận kịch liệt về tội không chịu sắp sửa cẩn thận cho mình. Tuy rằng nó không có mặt ở đây. Rồi chàng hì hục rót nước mài mực đổ vào hộp mực. Thử đi, thử lại mấy lần, thấy mực trong hộp vừa viết. Chàng mới nhắm lại bài cũ, lấy giấy nháp ra một lượt đề trông vào đó mà viết cho khỏi sai lầm. Bài chiếu chàng có thì nhớ cả nhưng đến bài biểu thì bỗng quên mất một đoạn lại nhắm vào

đoạn của chàng làm hỏng, cụ Nghè đã sửa lại cho. Nghĩ mãi không ra đoạn ấy có những câu gì, chàng phải viết một đoạn khác thay thế vào. Ngẫm đi ngẫm lại, chàng thấy biểu cũng như chiều, lời văn trôi chảy, nhiều chỗ rất là đắc ý; bây giờ chàng mới giờ quyền ra viết.

Nắn nét từng li từng tí, tô từng cái mác, rạm từng cái móc, chàng cố làm cho chữ thật đẹp. Viết được một trang, đưa mắt ngó qua các lều chung quanh. Hình như mấy người bạn chàng hãy còn hí hoáy nháp nháp, xóa xóa. Chưa ai viết được chữ nào.

Gặp may thế này. "Khoá này thế nào ta cũng đậu" nghĩ vậy chàng lại quay đầu vào viết; viết đến gần dấu "giáp phùng" nhìn thấy màu son đỏ chói, chàng sực nhớ ra mình đã quên không đi lấy dấu "Nhật trung" - Nhật trung là cái dấu nhỏ của quan trường đóng vào quyền khi thí sinh đang viết văn tại để chứng thực quyền ấy được viết ở trong trường.

Dấu ấy cốt để phòng bị những kẻ tư thông với quan trường, biết trước đầu bài, viết văn sẵn từ nhà rồi đem vào trường mà nộp.

Thí sinh làm văn khi viết đến dòng thứ ba thì phải để đó mà đi lấy dấu nhật trung. Lúc viết tiếp thì phải cách dấu lại chứ không được viết đè lên.

Nếu viết đè lên là phạm trường quy, văn hay đến đâu cũng hỏng. Luống cuống chàng vội bỏ quyền viết dở, lấy giấy đóng vội quyền khác.

Giấy gấp rồi, lẻ xé rồi, lúc tìm cái đục giấy, thì lại không thấy. Cái đó mới nguy hiểm lấy gì làm dùi cho thùng giấy mà xâu giấy lẻ? Chàng lại chửi bới thằng người nhà hồi nữa, sao lúc đêm qua, lục soát mấy lần, thiếu cái dùi vỡ mà nó không biết.

Quyển không có, còn thi với cử gì nữa, chàng đã tuyệt vọng, toan tháo lều giả cách đau bụng đi ra. Người bạn của chàng đóng ở gần đó, có ý thương hại, lừa lúc ông ngự sử và lính trên chòi không ngó đến đám lều ấy, người ấy liền ném trộm cái dùi sang bên lều chàng cho mượn. Sung sướng và cảm ơn bạn, chàng gấp ngang gấp dọc một tờ giấy trắng làm mẫu chia ra năm khoảng. dùi bốn lỗ lẻ thật đều và thật ngay, đóng xong quyển mới, chàng lại thu xếp các đồ lặt vặt vào tráp lấy chỗ ngồi viết. Khi nhấc cái tráp lên, thì thấy cái dùi của mình vẫn nằm hên hạch ở mặt chõng, chàng cho là sự quái gở, bụng bảo dạ rằng: "Có lẽ u hồn kẻ nào vì nhà mình mà phải chết oan, bây giờ nó theo mình vào trường, che lấp mắt mình đây chẳng? Nếu không, làm sao cái dùi để đây mà từ nãy đến giờ, mình tìm mấy lượt không thấy . Hay là trong lúc loạn lạc, tiên tổ nhà mình đã làm gì thất đức, bây giờ mình phải chịu tội? "

Dù vậy đi nữa, thì cũng phải chịu, chứ biết sao được".

Thế rồi, chàng lại đặt quyển lên mặt tráp, cẩn thận đề ba chữ tên thật lớn, viết xong niên canh, quán chỉ.

Chàng viết đến dòng "cung khai tam đại". Soát lại một lượt các

tên tăng, tổ, phụ và phủ, huyện, trấn, đều không sai lầm nét nào. Chàng bèn đem vào nhà thập đạo lấy dấu giáp phùng, được rồi đem về lều, chàng lật sang trang sau, viết lại đầu đề, rồi viết đến bài. Lần này chàng nhớ như chôn vào ruột, viết đúng được hai dòng rưỡi, thì chàng đứng dậy, lại đem quyển đưa vào trong nhà thập đạo để cho lại phòng đóng dấu Nhật Trung. Ở đây thí sinh đã đến lấy dấu tấp nập, người lại phòng lần lượt cầm dấu đóng vào những quyển đưa trước, chưa đóng đến quyển của chàng. Đứng ngoài hàng rào chờ đợi, ruột chàng mỗi lúc mỗi thêm bồn chồn. "Tưởng là mình gặp bài cũ, thế nào cũng viết được nhanh hơn người, té ra thiên hạ lại còn nhiều kẻ vẫn nhanh hơn mình, thế này thì sự thi cử của mình khoa này cũng không lấy gì làm chắc cho lắm". Chàng đương phân vân nghĩ ngợi, bỗng thấy có tiếng gọi: "Ai là Đặng Như Bích?", chàng vội trả lời: "Tôi đây!". Người lại phòng đã đóng vào quyển của chàng, sai lính cầm ra cạnh rào và đưa cho chàng. Đón quyển đem về lều, chàng lại cẩn thận nhìn từng chữ trong bản giấy nháp mà viết. Quanh dấu Nhật Trung, không bị xóa, sót, sửa chữa chữ nào. Chàng viết luôn hết trang đầu, rồi viết sang trang thứ hai. Hết nửa trang ấy, thỉnh thoảng chàng lại nhìn lại trang trên. Một sự không ngờ làm cho chàng bỗng giật mình tưởng như sét đánh. Là ở trên dấu giáp phùng, chàng đã viết sót một chữ. Giáp phùng là cái dấu son của gian trường đóng vào giữa thò giáp giới của trang nhì và trang nhất,

cốt giữ cho thí sinh khỏi đội giấy thứ hai trong quyển, đó cũng là một cách phòng gian. Dấu ấn đóng ở trong quyển từ lúc thí sinh mới nộp quyển trắng cho quan trường.

Không phải đến khi vào trường làm văn mới đóng. Theo đúng trường quy bốn bên dấu giáp phùng, cũng như bốn bên dấu Nhật trung, khi viết văn không được xoá, sót móc, chữa chữ nào, vì sợ học trò thông với quan trường, cố ý đập xóa, bỏ sót, hoặc sửa chữa vài chữ ở chung quanh dấu để đánh dấu cho quan trường biết quyển ấy là quyển của mình. Bởi vậy, quyển chàng bỏ sót một chữ trên dấu giáp phùng cũng là trái với trường qui. Chàng vừa ngấm nghĩa quyển văn, vừa cuống quít lo sợ, nếu bỏ không thêm chữ khác vào cạnh, thì câu văn không có nghĩa gì, mà nếu viết thêm chữ nữa vào đó, tức là không đúng trường qui, đằng nào cũng là hỏng cả. "Đích là có cái oan hồn theo ta vào đây ám ảnh cho ta lẫn lộn; không phải tại ta sơ suất. Mọi ngày làm văn nhật khắc, ta có bị phạm trường qui bao giờ? Thôi, bây giờ cũng chưa muộn lắm, đành phải cánh quyển lần nữa, may ra còn có hy vọng, chứ đề như vậy, thì không còn mong mỗi gì". Chàng lại mở tráp lấy giấy đóng một quyển khác. Tên, họ, niên canh, quán chỉ, cung khai tam đại, đều đề xong cả, chàng lại đưa vào trong nhà thập đạo xin dấu giáp phùng. Bảy giờ trời đã gần trưa, học trò lấy dấu Nhật Trung đã đông, họ quây kín bức rào cửa nhà thập đạo, thấy vậy, chàng càng sốt ruột. May thay khi ấy người

xin cánh quyền cũng ít, nên quyền chàng đưa vào, được đóng dấu ngay không phải chờ đợi gì cả.

Chàng luôn phóng viết hết một dòng đầu đề và độ hơn hai dòng bài, lại phải đem quyền đến nhà thập đạo xin dấu Nhật Trung lần nữa. Thế là trước sau, chàng phải đến nhà thập đạo năm lần tất cả. Máy người lại trong phòng đã nhớ mặt chàng, khi chèn trao quyền lại cho chàng họ nhìn mặt quyền và mỉm cười chế giễu:

- Đặng tiên sinh, lần này thì xin tiên sinh đừng cánh quyền nữa nhé, chúng tôi không sợ đóng dấu vát vả, chỉ sợ tiên sinh đi lại nhiều lần như thế, không còn thì giờ nghĩ văn. Tiên sinh nên biết mùa đông ngày ngắn, chớp mắt đã sắp tối rồi.

Chàng không trả lời, im lặng đón quyền về lều.

Chuyến này chàng phải theo đúng bản nháp viết lấy hai tờ cực kỳ tinh tế, đọc đi đọc lại, không thấy lầm sót chữ nào, chàng mới lồng hai tờ ấy vào tờ thứ nhất và tờ thứ hai trong quyền dám phóng, rồi cứ theo phóng mà viết. Suốt hai tờ đầu quyền, không bị can phạm gì cả, chàng như đã trút được nửa gánh nặng, và từ trang thứ ba trở đi, không có dấu của quan trường nếu sai lầm. Cứ việc tháo tờ ấy ra đóng tờ khác vào, không phải đi cánh quyền nữa.

Mặt trời tà tà, chàng đã viết xong bài bị thiếu và hơn một nửa bài biểu, chỉ còn hơn một trang nữa thì yên, bụng đã hơi vững, chàng bèn đọc từ trên đầu trở xuống, xem có sai suyền gì không.

Thì ra đoạn giữa, bài biểu, hai vế cách cú, chàng bỏ sót mỗi vế một câu bốn chữ. Tuy rằng thiếu mấy chữ đó đoạn văn ấy cũng vẫn có nghĩa nhưng vì mỗi bên sót mất một câu, thì điệu bằng, trắc sai đi thành ra không đúng niêm luật của lối văn "tứ lục", chàng toan sửa thêm cả hai câu đó vào bên cạnh dòng. Nhưng đếm từ đầu quyển trở xuống, vừa xóa vừa chữa, đã tám chữ rồi. Theo luật trường qui tất cả trong quyển, xóa, sót, móc, chữa, không được quá số mười chữ, nếu lại thêm tám chữ nữa, thì thành đến mười sáu chữ, cũng lại là phạm trường qui. Chàng đành tháo lề, bỏ tờ giấy đã viết hỏng kia và đóng thêm một tờ khác vào, rồi lại bắt đầu viết lại.

Bỗng ở trước lều, có người ngồi thụp xuống chỗ chân chõng của chàng và hỏi:

- Thưa ông, chữ "tư ba phẩy" thế nào, ông làm ơn viết cho tôi coi!

Chàng đương bực mình, lại bị có người quấy rối, không thể nào mà nín nhịn được, cau có chàng gắt:

- Chữ "tư ba phẩy" không biết thì còn thi cử gì nữa ?

Người kia mềm mại trả lời:

- Thưa ông, vì lúc làm văn vội quá, trí tôi lẩn quẩn, quên mất, nghĩ mãi không ra. Xin ông làm ơn bảo cho. Muốn để hẩn đi cho thoát, chàng liền viết một chữ "tư" vào gan bàn tay và chìa ra cho hẩn xem. Lắc đầu hẩn nói:

- Thưa ông, đây là chữ "tư" là "sử", không phải chữ "tư ba phẩy. ."

Chàng lấy mảnh giấy viết chữ "tư" khác và chỉ cho hắn. Hắn vẫn kè nè:

- Thưa ông, không phải chữ "tư ba phẩy", đây là chữ "tư" là "nêm".

Sắn bút, chàng viết chữ nữa ở cạnh mảnh giấy cho hắn, hắn cũng lắc đầu:

- Đó là chữ "tư" là "râu", tôi đã nhớ rồi, nhưng tôi muốn hỏi chữ "tư ba phẩy."

Tức quá, chàng lại gất:

- Chữ "tư ba phẩy" nghĩa là gì chứ! Cứ nói chữ "tư ba phẩy" thì ai biết là chữ chó nào. Mím cười người ấy đứng dậy:

- Thôi ông không biết, để tôi đi hỏi người khác, làm gì ông phải gất gông!

Rồi hắn liền quay lưng đi. Chàng lại cặm cụi quay vào quyển văn.

Mặt trận gió bắc thoáng qua, trong lều có mùi thối thối. Ngạc nhiên, chàng ngoảnh lại nhìn, ở dưới cuốn chõng, chính chỗ người khách mới ngồi thấy có đóng bã ván chương sù sụ. Té ra ông học trò ấy mót đại tiện, vì ở quanh lều đông quá, không có chỗ nào mà đi, hắn mới chạy đến lều chàng, vờ hỏi chữ "tư ba phẩy", để có thể ngồi vào cuối chõng mà tháo cái bã ván chương

ra đó. Nhưng mà Như Bích không nghĩ như vậy chàng nhất định đoán là oan hồn báo oán, đem uế vật vào đó để quấy nhiễu chàng. Sức nhớ trong tráp có ít vàng giấy chưa hóa, chàng vội vụn cái môi giấy sang lều bên cạnh xin lửa, vừa hóa vàng, chàng vừa lẩm nhẩm khẩn thềm: "Tôi là Đặng Như Bích ở phường Đồng Xuân, trấn Hà Nội, cần rơm cần cỏ lạy người. Nếu phải đời trước nhà tôi đã có oan trái với người, xin người hãy cứ tha tội cho tôi, nay mai về nhà, tôi sẽ lập đàn giải oan, nhờ thầy cúng lễ, đưa người về phương Tây châu Phật. Lạy người vạn bái, lạy người vạn bái... "

Khẩn xong, vàng vừa cháy hết, chàng lại quay vào viết văn. Trống cái trên chòi thánh thót điểm những tiếng oai vệ, học trò nhao nhao đến nhà thập đạo nộp quyển và vác lều chõng theo đường cửa trước đi ra, quyển chàng hãy còn ngót nửa trang nữa mới hết. Bấy giờ ruột chàng rối như canh hẹ, trống ngực hồi hộp họa lại tiếng trống thu quyển trên chòi. Viết lại xóa, xé tờ ấy, đóng tờ khác, cái tờ cuối quyển chàng phải bỏ đi đến hai, ba lần. Trống cái trên chòi điểm càng mau, bụng chàng càng sôi sùng sục, các lều chung quanh đều rõ đi điểm qua những chữ xóa, sót, móc, chữa, chứa ở cuối quyển, viết xong chỗ "cộng quyển nội" thì trời vừa tối.

Bỏ cả lều, chõng, chiếu, tráp, chàng lật đật vớ quyển đi nộp. Quyển chàng vừa đưa cho người lại phòng, tiếng trống cuối cùng

vừa dứt, chậm một phút nữa, thì chàng sẽ bị ngoại hàm.

Ra khỏi trường, vừa đi chàng vừa nghĩ lại những sự lẩn quẩn xảy ra cho chàng ở trường, khiến chàng thơ thẩn như bị ma đuổi, mắt trông xuống đất mà vẫn không nhìn thấy gì. Đến phường Đồng Lạc, tình cờ chàng ngẩng đầu lên, gặp Hồ Xuân Hương ở phường Đồng Xuân đi lại. Chùng như cũng thẹn với nàng, chàng vội vàng nhìn đi đường khác, nhưng thỉnh thoảng vẫn liếc mắt trông trộm, xem nàng có để ý đến mình hay không.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 6

Tuy là giữa tiết mùa Đông, sớm nay trời ra vẻ trong trẻo hơn các sớm khác.

Một lát sau khi sáng rõ, các đám mây mù đều bị dạt xuống chân trời, nhường chỗ cho mặt trời từ từ vượt lên dãy núi phương đông để báo tin một ngày ấm áp.

Xuân Hương vừa tan tiệc chè buổi sáng, nàng thơ thẩn đứng tựa cửa gác nhìn ra Hồ Tây. Trên đường Cổ Ngư, thấy có một người đàn ông từ nẻo cửa Bắc lững thững đi lại. Ngắm kỹ dáng bộ người ấy, nàng đoán chừng là Đặng Như Bích. Giây lát người ấy lại gần, quả nhiên là chàng ta.

Số là hôm trước khi ở trường ra, tình cờ gặp nàng giữa đường, Như Bích tuy vì hổ thẹn mà ngoảnh mặt đi, nhưng trong bụng vẫn không quên nàng. Về đến nhà đưa những bản nháp lên trình

cụ Nghè, chờ cụ xem xong và bình phẩm qua loa vài câu, chàng liền đi xuống nhà học. Cơm nước xong, chàng sai thằng nhỏ giữ giường buông màn, rồi chàng bảo nó đóng cửa để mình nằm nghỉ.

Suốt đêm ấy, cặp mắt, cặp môi và đôi gò má Xuân Hương luôn luôn ở trước mặt chàng, khiến chàng lật quật hết nằm lại dậy, không sao ngủ được, tuy cả ngày hôm trước, chàng đã mệt lử về việc cánh quyền và viết bài.

Gió bắc hiu hiu lùa vào cửa sổ, ngọn đèn trên quang lướt đi lướt lại rình tắt. Ánh sáng lờ mờ chiếm cứ cả một gian phòng, làm cho chàng càng thêm buồn bã.

Chàng không nghĩ gì đến việc thi cử, không nhớ gì đến văn bài mà mình mới viết ở trường, bao nhiêu tâm trí, chàng để hết vào Hồ Xuân Hương. Trong bụng chàng khi ấy, nàng đã trở nên một người con gái hoàn toàn, có tài có sắc lại có cả đức hạnh nữa, xứng đáng là người nội trợ của chàng, chàng nhất định phải cậy mối đưa tin hỏi nàng làm vợ, không ngại những chuyện đã xảy ra giữa chàng với nàng từ mấy hôm nay, chàng tự tin rằng nhà chàng hồi ấy hãy còn danh giá bề thế gấp mấy nhà nàng, nếu chàng mượn người hỏi giúp, chắc là thế nào cũng xong. Nhưng chàng lại ngại không biết cụ Nghè có bằng lòng hay chẳng, hay là cụ lại chê nàng đã thõa, mà không cho chàng lấy nàng.

Chàng cứ nghĩ quanh như thế, vừa đến sáng bạch, không nhắm mắt được một phút nào. Sáng ra, chải đầu, rửa mặt xong rồi. Mấy lần chàng toan đi lên nhà trên, đem cái ý định của mình nói với cụ Nghè, nhưng lại rụt rè không dám. Rồi cái dáng dấp yếu điệu, cái dung nhan xinh đẹp của Xuân Hương lại làm cho lòng chàng nóng như lửa cháy, không thể ngồi nhà cho yên. Đội khăn, mặc áo chỉnh tề, chàng lên xin phép cụ Nghè đi thăm anh em. Ra khỏi cửa, chàng vờ vòng quanh vài phố, rồi xăm xăm lên thẳng trên đường Cổ Ngư và lần lần tiến đến trước nhà Xuân Hương, ý chàng chỉ muốn thấy mặt nàng một chút mới dịu được cơn sốt ruột.

May sao lúc đó, nàng vừa ngó cửa trông ra, chí nguyện của chàng đã thỏa, chàng liền giả cách đi thẳng lên phía Yên Phụ, nhưng, vừa đi, chốc chốc chàng vừa quay cổ trông lại, hình như muốn đi mà không thể dứt tình đi thoát.

Thấy thái độ của chàng như vậy. Xuân Hương cũng lấy làm ngạc nhiên, nàng không thể nào đoán ra tâm lý của chàng lúc ấy:

"Hôm nọ ta đã chế giễu hấn một cách đê nhục, và chính hấn cũng toan gây sự phá phách nhà ta, thì không lẽ nào hấn lại quyến luyến ta nữa. Mà nếu hấn không có ý muốn quyến luyến, thì sao hấn lại thơ thẩn dạo quanh ở trước nhà ta, đôi mắt lăm lét giống như chỉ muốn nhìn ta mà không dám nhìn ra mặt?". Thế rồi nàng thử để ý xem chàng đến đó để làm gì. Quanh đi quanh

lại ở đường Cổ Ngư độ vài ba lượt, chừng như chàng cũng tự lấy làm ngượng, lại lẻo đẻo đi về con đường Cửa Bắc. Nàng cho là chàng có hẹn người nào đến đây, nhân thể đi qua, gặp mình thì nhìn ngó chơi, không phải là có ý gì với mình. Không nghĩ gì đến chàng nữa, nàng sai con Nụ xuống chợ mua ít cam, quệt và vài chục bánh cốm để nàng sang chơi Kinh Bắc làm quà.

Quê chồng dì nàng ở đây. Từ khi mẹ nàng còn sống, bà dì vẫn luôn luôn sang chơi nhà nàng ở phường Khán Xuân. Đối với nàng, bà ấy rất là thương yêu quý mến, thường thường khuyên nàng nên lấy người chồng học trò, để có một ngày hưởng cái hạnh phúc "võng anh đi trước, võng nàng đi sau". Lúc nàng bị ghép vào làm vợ lẽ lão quyền Chương Vệ, bà ta vẫn không bằng lòng, nhưng vì không có quyền gì với nàng, cho nên bà ta phá ngang không nổi.

Từ đó, bà ấy cũng không hay sang nhà nàng như trước.

Nàng vẫn định bụng sang thăm bà dì, để nói những chuyện tâm sự, nhưng mấy lần sắp đi lại mắc việc khác phải thôi.

Hôm ấy gặp ngày giỗ ông chồng bà ấy, nàng mới quả quyết đi, song trước là lễ giỗ, sau nữa thăm dì, thăm em luôn thể.

Nàng sắp sửa quần áo xong rồi, đợi độ một lúc, con Nụ đi mua các thứ đồ vật vừa về. Bỏ hết các thứ vào đôi tay nải, nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng lồng thông lồng đồ vào đòn gánh, gánh đi. Coi dáng điệu nàng lúc ấy, không ai bảo nàng là người

biết chữ. Bởi vì những người biết chữ, phần nhiều là con nhà quan, người ta chỉ quen ưỡn ẹo với đôi dép cong, chưa khi nào để đòn gánh lên vai! Nhưng mà những người quen biết, thấy nàng chịu khó như vậy, người ta lại càng kính phục.

Sang bên Lâm Do, nàng cuốc một mạch thì tới ngã ba Cu Hạc. Một bọn phu cáng ở đó đón khách, họ kéo nài mời nàng lên cáng đi cho đỡ mệt. Bấy giờ chân nàng đã thấy hơi mỏi, nàng bèn trả họ hai bốn đồng kẽm, thuê họ cáng mình từ Cổ Hạc đến phố Chùa Răn.

Kể ra đoạn đường ấy chẳng qua chỉ độ một dặm, đối với con đường từ Hà Nội đến Kinh Bắc, một dặm đường có thấm vào đâu. Nàng phải đi cáng, một là cũng muốn nghỉ chân giây lát, hai nữa thử xem cái thú đi cáng thế nào, vì từ thuở nhỏ đến giờ, nàng chưa đi cáng bao giờ.

Ngồi trên cáng, nàng tự thấy mình gần giống con vật: chỉ có loài vật, mới phải để cho người ta khiêng vác, chứ loài người trời đã sinh cho đôi chân để đi, không đau, không ốm, sao lại bắt tội kẻ khác vận tải.

Lầm bầm nàng trách thầm vua Quang Trung, nàng cho ông ấy vẽ ra cái cáng, khiến cho những kẻ giàu sang bây giờ đều muốn người ta khiêng vác như loài vật cả. Rồi nàng lại nghĩ: "Nhưng mà ta trách vua Quang Trung có lẽ cũng lắm, chẳng qua những người giàu sang muốn bắt kẻ khác khiêng vác, ấy là tại họ lười

biếng. Chứ ông vua kia có tội gì. Trong lúc quân tàu đánh chiếm Thăng Long, tướng sĩ đều thua chạy hết, vua Quang Trung ở thành Phú Xuân, tiếp được tin báo, muốn gấp đường kéo quân ra thẳng Bắc Hà, cho kịp đánh giặc trong dịp nguyên đán. Bởi vì vua ấy biết tính người Tàu hễ cứ đến tết thì phải ăn uống no say, không lo gì đến trận mạc, đánh họ lúc ấy, dễ phá được họ hơn là lúc khác. Nhưng cái ngày khởi quân lên đường, chỉ cách mồng một tháng giêng chừng mười bữa nữa. Trong mười bữa ấy quân sĩ còn phải ăn ngủ, làm thế nào mà đi cho tới Bắc Thành, vua Quang trung mới nghĩ ra lối đi cáng bắt quân thay phiên cáng nhau, phiên này mỗi mệt, thì cho lên nằm cáng mà ngủ, để cho phiên khác cáng đi. Thành ra quân đi suốt đêm, người nào cũng được ngủ nghê, nghỉ ngơi, không ai bị mệt nhọc quá.

Nhờ vậy khi đến Thăng Long, chỉ đánh một trận thì phá được tan quân Tàu, chém được Sầm Nghi Đống và đuổi được Tôn Sĩ Nghị. Như vậy vua Quang Trung cũng là một người thông minh, mới sáng chế được cái lối "người tải người" ấy. Nhưng kiểu "đi" đó dùng riêng về việc trẩy quân thì phải, chứ đến việc khác, những việc không cần kíp quá như việc đánh giặc, thì đã có xe, có ngựa can gì phải nằm sóng sượt ra đó để cho kẻ khác khiêng đi. Nghĩ vậy, nàng bèn bảo đỡ cáng lại, trả tiền cho hai anh phu cáng, rồi nàng leo đèo đi bộ.

Một lát, đến phố chùa Răn. Từ Hà Nội lên Kinh Bắc, tới đó là

được nửa đường, vừa đúng một "cung", những người gánh vác trên đường thiên lý đều phải nghỉ lại ở đó để ăn uống. Vì vậy, phố ấy tuy không phải là nơi kẻ chợ, nhưng cũng có đủ hàng cơm, quán rượu, quang cảnh cũng hơi sầm uất. Bấy giờ trời đã gần trưa, nàng vào hàng nước nghỉ tạm giây lát. Thành linh trông ra trước mắt, thấy có khu rừng cây cối rườm rà.

Sực nhớ chỗ đó là lăng nhà Lý! thuở xưa họ Lý trị vì, các vua tạ thế đều đưa về táng ở đó, nàng toan rẽ vào coi xem phong cảnh có gì lạ không. Nhưng nhìn mặt trời đã sắp đứng bóng, nàng sợ rong chơi lan man, hoặc giả đến tối không tới Kinh Bắc, nên lại cất gánh lên đường, dành sự ngoạn cảnh đến chuyến trở về.

Lên khỏi phố Viêng; chợt thấy đám người xúm lại giữa đường đông như một đám thò lò, tiếng cười tiếng nói tiếng reo. Tiếng vỗ tay vang một góc trời. Lấy làm lạ, nàng bèn vào trong cái quán cạnh đường vừa để nghỉ chân vừa để hỏi xem đám đông kia là đám gì thế.

Bước đến cửa quán nàng lại toan lùi trở ra, vì có một bọn học trò và một đoàn khăn gói chiếm hết các ghế.

Nhà hàng chèo kéo cố mời nàng lại. Bọn học trò kia chừng cũng biết ý, liền ngồi dẹp vào một bên, nhường chỗ cho nàng. Nàng vừa ghé ngồi vào ghế, bỗng ở đằng xa có người bung đầu chạy lại, vừa chạy vừa kêu. Thì ra sư ông ở Quán Sứ, sang chơi chùa Dền trở về, vô tình qua đường, thấy một lũ trẻ chặn trâu đương

phá tổ ong, ông ta dùng chân đứng xem, chẳng may con ong vỡ tổ bay ra, đốt ngay trán, đau quá, ông ta phải ôm đầu chạy đến quán ấy tìm thuốc.

Thấy nàng ông liền xuýt xoa hỏi:

- Cô đi đâu lại sang bên này? Có vôi cho tôi một miếng.
- Ông xin vôi làm gì?
- Tôi bơi vào chỗ ong đốt. Lũ trẻ trời đánh, chúng phá tổ ong giữa đường, làm cho ong đốt ngay vào đầu tôi! Vôi của nhà hàng thiếu gì, sao ông lại xin của tôi?

Ông sư ngón ngoén:

- Muốn xin vôi của cô mới hay, vôi của bà hàng e rằng không hay.

Thấy cái thái độ ỡm ờ của kẻ tu hành, nàng có ý ghét liền đáp:

- Tôi không có vôi. Nhưng tôi có biết mấy câu thần chú, nếu viết vào giấy, rồi đem đốt đi, lấy than bơi vào những chỗ rắn cắn, hay rết đốt, ong đốt thì khỏi tức thì.
- Vậy cô làm phúc viết cho tôi.
- Không có giấy bút.

Vẫn hai tay bưng đầu, ông sư quay lại hỏi bọn học trò:

- Các thầy có đem giấy mực trong gói, làm ơn hãy cho tôi mượn. Cố nhiên khăn gói của những học trò đi trọ, phải có giấy bút ở trong, một người trong bọn liền lấy cho mượn.

Mài mực, tẩm bút, nàng liền viết thảo vài dòng, đưa cho ông sư:

- Sư ông đọc đi ba lượt, rồi xem đốt để mà bôi.

Ông sư trông vào mảnh giấy, không thể nhận được chữ nào, vì chữ nàng viết thảo quá.

Ngoảnh lại đằng sau, ông sư sẽ nói với người học trò:

- Mắt tôi lóa lắm, không có kính không thể trông ra chữ gì, ông tình mắt hãy đọc giúp tôi một lượt để tôi đọc theo.

Cầm mảnh giấy, người học trò coi qua một lượt, rồi nhìn mặt Xuân Hương một cách ngạc nhiên, người ấy vừa cười vừa ngâm:

- Nào nón tu nữ, nào mũ thâm

Đi đâu chẳng đội để ong châm

Đầu sư há phải...

Đến đó, người ấy cười ngất cười nghêo, giây lát mới lại đọc tiếp:

- Đầu sư há phải . . . đầu bà cốt?

Bá ngo(tiếng chửi của nhà chùa.)

Con ong bé cái lằm.

Cả bọn học trò cùng cười ầm lên. Ông sư phát cáu, vung tục vung nhả một hồi, rồi rút lui. Những người học trò khi ấy mới biết nàng là bậc tài nữ, một người muốn bắt làm quen, lễ phép hỏi:

- Thưa cô, quý quán ở đâu ta?
- Tôi ở Hà Nội.
- A! có phải cô là Hồ Xuân Hương?
- Phải!

Mấy người ngơ ngác nhìn nhau, ra ý muốn nói dài dòng nhưng lại rụt rè không dám. Nàng cũng im lặng cời giầy lưng bao, lấy tiền trả bà hàng nước, rồi đứng dậy đi.

Mặt trời tà tà, nàng tới Kinh Bắc. Bấy giờ trong nhà bà dì khách khứa đã vắng.

Thấy nàng, bà ấy và cả mấy người con gái, ai nấy tay bắt mặt mừng. Trách nàng đã định sang chơi, sao không sang từ chiều hôm qua. Nàng phải thú thật hôm qua khuấy quên, sáng nay mới nhớ ngày nay kỵ nhật ông chú.

Sau khi nàng đặt đồ lễ lên giường thờ làm lễ, bà dì bảo nàng vào nghỉ trong buồng học của mấy đứa em gái. Bà ấy không có con trai, chỉ có ba người con gái, hai người đã lớn, trước có đi học, nhưng từ đầu năm đến giờ, đã phải thôi học để tập nghề buôn, còn một người nhỏ đương học thầy đồ ở nhà bên cạnh. Giờ hết các sách của bọn em gái ra xem, nàng thấy dấu chữ thầy đồ xệch xoạc như vết gà bới, mỉm cười, nàng hỏi:

- Thầy đồ vẫn dạy các em tên gọi là gì?
- Chúng em không biết tên thật ông ấy, chỉ thấy gọi là thầy đồ Nghệ, vì ông ta là người xứ Nghệ.

- Năm nay ông ta đã bao nhiêu tuổi?
- Vào khoảng bốn mươi.
- Ông ta có được đông người đến học lắm không?
- Được hơn mười người tất cả.
- Có ai lớn không?
- Chỉ có những người độ bằng chúng em hay lớn hơn một ít.
- Ông ta có dữ đòn không?
- Trước kia ông ấy cũng dữ đòn lắm, sai một tí là đánh liền, sau vì học trò đau quá, chúng nó bỏ đi học thầy khác, bây giờ ông ta không dám đánh dữ như trước. .

Bà dì vừa vào, làm cho câu chuyện ngừng lại. Bà ấy tỉ tê hỏi nàng hết thấy công việc của nàng mới rồi, từ việc bị ông Chương Vệ rầy ra đến việc cải trang đi thi và việc bị bọn sĩ tử toan đến phá nhà. Nàng đều cứ thật nói lại một lượt rành mạch. Bà dì căn vặn khuyên nàng từ rầy trở đi, không nên chua ngoa, nhất là không nên trêu ghẹo những người học trò làm gì, người ta dốt thì mặc người ta, không việc gì đến mình.

Cơm nước đoạn, bà ấy lại bảo cho nàng biết rằng thấy đồ bên cạnh là người ở huyện Nam Đàn, ông ta xưng là học trò cha nàng khi xưa lại biết tiếng nàng học giỏi, thường dặn bà ấy, khi nào nàng sang Kinh Bắc thì xin cho biết, để ông ta sang chơi. Nàng nghĩ cha nàng khi trước tuy quán ở huyện Quỳnh Lưu, nhưng vẫn ở luôn Bắc Thành, làm gì lại có học trò ở huyện Nam Đàn.

Hay là ông đó thấy dì nàng thân với nhà nàng, nên cũng nhận vợ thế chẳng? Tuy vậy, nàng cũng tỏ ý vui vẻ, hứa đến ngày mai sẽ tự sang ông ta.

Đêm ấy, dì, cháu, chị, em, chuyện loi, chuyện lả, hết chuyện gần đến chuyện xa gần quá nửa đêm, vẫn chưa ai ngủ.

Sáng sớm hôm sau, người con gái nhỏ bà dì cấp sách đi học, nàng cũng nói với bà ấy luôn thể để em đưa mình sang thăm ông đồ.

Sau chiếc án thư gác cây roi mây dài hơn một sải, và đặt một cái ca đàn mài son, thầy đồ quần vành khăn vải nhuộm màu tam giang, ngất ngưỡng ngồi trên bộ phản với cái điều đàn, hai ghế hai bên lổ nhỏ một lỗ con nít mặt mũi nhếch nhác, quần áo lem luốc và la liệt những cuốn sách mỏng và nát nhàu.

Thấy nàng, thầy đồ ra vẻ ngạc nhiên liền hỏi bằng giọng trọ trẹ:

- Cô tới mần chi! Xin câu đối chứ?

- Tôi là Hồ Xuân Hương, nghe nói ông dạy học ở đây nên tôi sang thăm.

Luống cuống, ông đồ mời nàng ngồi vào phản mình và rồi rút sai lũ học trò xuống bếp đun nước.

Một cậu học trò có ống mũi dài như hai cái ngà voi tiến đến phía trước án thư, chìa sách thẳng mặt thầy đồ, nói bằng tiếng mũi:

- Thừa thầy chữ gì?

Nghiêm nghị, thầy đồ cúi nhìn vào sách và đáp:

- Túc là đủ... ự.

Vui vẻ, cậu đó quệt ngang ống mũi vào ống tay áo, rồi quay trở ra vừa đi vừa học:

- Túc là đụ a? Túc là đụ a!

Thầy đồ cau mặt quát lớn:

- Ai bảo mi túc là đụ, thằng kia? Túc là đụ... ự chứ! Nét mặt ngờ ngác, cậu đó chỉ đứng lẩn thẩn.

Thầy đồ lại giục:

- Túc là đụ . . . ự ! Học đi !

Cậu bé lại học:

- Túc là đụ a! Túc là đụ a!

Thầy đồ phát cáu:

- Lại đây! Thằng kia!

Cậu đó trở lại phía trước án thư với bộ mặt lo sợ.

Thầy đồ cầm cây roi mây quật xuống án thư đen đét và nói:

- Túc là đủ . . . ự chứ? Ai bảo mi túc là đụ bao giờ?

Cậu đó vẫn học:

- Túc là đụ a! Túc là đụ a?

Thầy đồ nổi cơn lôi đình, nện vút cho cậu hơn chục roi mây và mắng:

- Đụ gì? Đụ cha đụ mẹ mi à? Đã bảo túc là đủ... ự sao lại cứ "túc là đụ" hoài?

Cậu bé van lạy rồi rít, và khóc nức nở. Thầy đồ lại thét:

- Túc là đủ... ư? Học đi? Hễ còn "túc là đủ" nữa thì. . . một trăm roi vào đấy!

Cậu bé vẫn cứ xì xoạt không dám cất tiếng. Xuân Hương mỉm cười, nàng nhìn cậu kia và nói một cách ngọt ngào.

- Thầy bảo túc là đủ, sao em cứ học túc là đủ?

Cậu bé như đã tỉnh ngộ, cấp sách chạy sang chỗ ngồi của mình. Một cậu bé khác xách siêu nước từ dưới bếp lên:

- Thưa thầy, nước sôi rồi ạ!

Giở sâu chìa khóa, mở tráp lấy gói chè nọ, thầy đồ bỏ một nắm chè và xách ấm đưa ra cho cậu học trò:

- Rót vào đây!

Khói nước bốc lên, mùi hoa sỏi bay ra ngào ngạt, thầy đồ sẽ sàng rót lưng chén nước, cung kính, hai tay nâng đưa Xuân Hương:

- Mời cô xơi nước! Xuân Hương vừa đón chén nước lên tay, một bé nữa đem sách đến nhìn vào mặt thầy đồ:

- Thưa thầy chữ gì?

Thầy đồ ra giọng oai vệ:

- Chữ môn là cửa!

Cậu ấy theo luôn lời thầy:

- Môn là cửa! Môn là cửa a!

Thầy đồ trừng mắt và hét:

- Cửa là cửa ra cửa vô, chứ cửa cha cửa mẹ mi à!

Xuân Hương phì cười, nàng liền bảo giúp:

- Môn là cửa kia mà! Không phải "môn là cựa"!

Thầy đồ đỡ một trận quát tháo, cậu bé cũng thoát một trận sợ sệt.

Giữa phản bên cạnh những tiếng ê a, ề à nhất tề nổi lên, nghe như một đám tụng kinh. Một lát sau, tiếng học dần dần uể oải, các cậu học trò chen nhau, đẩy nhau, chí chóc cãi nhau. Rồi một cậu nhỏ mếu máo đến trước án thư chấp tay:

- Thưa thầy, anh Quế bẹo con đây ạ?

Ông đồ đồng dặc:

- Quế đâu, ra đây!

Một cậu run rẩy tiến lại, sắc mặt xám mét, hai bàn tay núc lại với nhau, giống như ông thầy phù thủy bắt quyết. Thầy đồ hách dịch:

- Làm sao mi dám bẹo nó hử Quế ?

Cậu Quế vẫn cứ núc tay. Vút! vút! Vút cây roi mây trong tay thầy đồ quát luôn ba cái vào lưng cậu này, rồi thầy đồ lên giọng bệ vệ:

- Học không học, chỉ chòng nhau? Thôi cho về chỗ.

Cậu ấy òa khóc lúi xuống, lại một cậu nữa láu táu tiến lên:

- Thưa thầy. . .

- Cái gì hử?

- Thưa thầy, hôm qua anh Sâm ra đường chửi nhau. Để cho chúng nó...

Cậu đó lại im. Hình như không dám nói nốt.

Thầy đồ liền gặng:

- Chúng nó mần gì?

- Chúng nó chửi... thầy.

- Chửi thế nào?

- Thừa thầy, chúng nó chửi...

- Chửi thế nào. Cho mi cứ nói! Thừa thầy chúng nó chửi rằng:
"mẹ cha thằng thầy mày ạ" !

Thầy đồ gương tròn hai mắt:

- Sâm! lại đây. Mau!

Trống ngực hồi hộp. Cậu Sâm khúm núm đi lại đứng tựa vào cột.

Thầy đồ chỉ cây roi mây xuống đất:

- Nằm xuống đó!

Cậu Sâm khóc nhéch khóc nhác, lạy như té sao.

Thầy đồ quát lớn:

- Đưa nào vật cổ nó xuống cho ta!

Các cậu bên phản ngơ ngác nhìn nhau, không cậu nào chịu vâng lời thầy. Thầy đồ dùng dùng nổi giận, giở roi vụt luôn vào cổ cậu Sâm mấy cái:

- Có nằm xuống không? Vô phép!

Cậu bé đáng thương nằm xoài xuống đất với những tiếng khóc râm rì. Thầy đồ ngồi trên ghế ngựa chĩa roi xuống một chập độ sáu bảy roi. Mỗi tiếng đánh "vút" một cái, cậu lại oằn oại lăn cựa giống như con rắn sắp chết, và van thầy, lạy thầy vang một góc nhà. Tan cơn giận, thầy đồ đặt roi xuống mặt án thi:

- Thôi tha cho dậy!

Lốp ngóp đứng dậy, cậu Sâm lạy xuống đất lạy thầy hai lạy.

Theo lệ thường của thầy đồ, mỗi khi học trò bị đòn phải nằm xuống đất, lúc được trở dậy, không đợi thầy bảo cứ phải lễ tạ hai lễ, cậu nào không nhớ lệ ấy, tức thì lại phải nằm xuống chịu tội một lần thứ hai. Lạy xong cậu bé đáng thương nâng áo chùi nước mắt, trở lại chỗ cũ.

Thầy đồ rót tuần nước nữa mời Xuân Hương, rồi quay ra bảo bọn học trò:

- Hôm nay thầy còn bận có kỳ văn trước cho không khiến kẻ nghĩa, sách tô đề ngày mai sẽ chấm, về mà học ôn bài học hôm qua, nghe không?

Các cậu học trò hết thầy hớn hờ vui mừng, nhao nhao gấp sách đứng dậy. Thầy đồ ngoảnh lại nói với Xuân Hương:

- Bữa nay vì có kỳ văn nhật khắc, tôi cho chúng nó nghỉ sớm một chút...

Xuân Hương tươi cười và hỏi:

- Ông vẫn tập ở trường nào?

Thầy đồ đáp một cách tự đắc:

- Tôi không tập ở trường nào cả. Nhưng mỗi tháng hai kỳ, anh em rủ đi làm văn, nể họ quá, tôi phải nhận lời.

- Những quyển văn ấy. Các ông nhờ ai chấm cho? Cụ Nghè Đặng chấm sơ, cụ Nghè Hoàng chấm phúc, đầu bài cũng ở hai cụ

ra cho. Cô tính chỉ các cụ Nghè là bậc túc học mới chấm nổi văn chúng tôi, chứ các ông Công. . . ! Thầy đồ đương nói dở câu thì một dây "lạy thầy" đồng thời nổi lên, các cậu học trò tranh nhau cắp sách ra cửa, đẩy ghế bên cạnh, chỉ còn một người em gái Xuân Hương. Hết cơn ào ào, nàng lại hỏi thêm thầy đồ:

- Các ông làm văn ở đâu ở đình làng Độ, ngay bên cạnh đây!
- Tôi muốn sang xem có tiện hay không?
- Tiện lắm! Mời cô sang chơi. Anh em học trò Kinh Bắc nhiều người cũng biết tiếng cô.

Trò truyện vài ba câu nữa, Xuân Hương cáo biệt đứng dậy, cùng người em gái trở về nhà dì. Thầy đồ tiến ra đến cửa, khi quay đầu lại chào ông ấy, nàng vừa trông thấy vú già của nhà chủ lễ mề bung ở bếp lên cái mâm gỗ mộc trong đựng một liễn cơm, một âu canh, một bát rau muống luộc, một đĩa cà thâm xì và một bát tương.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 7

Trong lúc nhà Lê trị vì, văn học rất thịnh ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, những hạng học trò đã có đi khảo thi rất chuyên cần về việc tập văn.

Ngoài những kỳ văn của thầy ra cho, người ta còn rủ nhau từng bọn hoặc vài chục hoặc hàng trăm người nói với các ông danh sĩ trong xứ ra bài cho làm, rồi lại nhờ những ông ấy chấm cho.

Việc tập văn ấy người ta gọi là văn hội, mỗi tháng hai kỳ hoặc ba kỳ. Chỗ làm văn không nhất định ở đâu, thông thường thì ở các đình các chùa. Văn hội nhóm ở đình chùa làng nào, người học trò ở làng ấy phải cung đón những vật cần dùng ví như nước nôi, đèn điều chẳng hạn.

Sau thời kỳ nhà Lê, trong nước rối loạn, việc học hoang phế, văn hội cũng bị tan hết. Gần đây thiên hạ đã yên, sự học đã bắt đầu hưng phục, ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, văn hội đã nhóm lên dần dần.

Bữa ấy nhằm kỳ văn nhật khắc, họp ở đình Độ, những người học trò ở mấy phủ huyện gần đó, nhiều người đến dự. Xuân Hương nghe tin như vậy, nàng cũng náo nức muốn sang coi thử.

Mặt trời đã vượt lên khỏi nóc nhà lán giềng, ánh nắng chiếu xuống trước thềm thành một màu vàng trắng, nàng nói qua cho bà dì biết, rồi dắt người con gái út bà ấy cùng đi với mình.

Đình Độ ở ngay bên cạnh.

Trong ba gian đình thênh thang như ba cái chợ, học trò mỗi người một chiếu, gù lưng nằm khắp sàn đình.

Chừng như ông đồ Nghệ đã có nói trước, nên khi Xuân Hương bước đến giọt đình, hết thầy học trò đều nghênh cổ nhòm ra, và họ thì thầm nói riêng với nhau:

- Mặt mũi cũng khá đấy nhỉ?

- Coi bộ cũng không có gì khác người, làm sao mà chua ngoa thế?

- Có thể mới nên chuyện. Nếu cứ từ bi như vợ mình, em mình ở nhà thì còn có tiếng tăm gì!

Làm thinh, nàng dắt người em gái lên thẳng sàn đình và chấp tay chào vài người ở gần trước mặt.

Ông đồ Nghệ đứng lên giới thiệu:

- Thưa các ông, đây là cô Hồ Xuân Hương, con gái ông nghiệp sư tôi ở Nghệ, nhân qua xứ Bắc thăm người bà con, tiện nay có kỳ văn, nên cô sang chơi.

Rồi thầy đồ ấy ngoảnh lại nhìn mặt Xuân Hương:

- Tiện thể, hay là cô thử viết với chúng tôi một kỳ.

Xuân Hương nghĩ thầm: "Nếu họ không nhờ lão Nghè Đặng và lão Nghè Hoàng chấm văn, thì ta cũng viết chơi vài bài cho họ biết tay. Nhưng họ đã cậy hai lão ấy chấm thì ta không nên dính vào làm chi. Nàng liền trả lời:

- Tôi cũng muốn viết với các ngài cho vui, nhưng ở đây không sẵn giấy bút, và tôi bỏ đã lâu, bây giờ viết chắc chậm lắm, không thể theo kịp các ngài. Hơn nữa quá trưa bữa nay, tôi lại phải về Hà Nội, đâu viết cũng không trọn quyền?

Các ông học trò ra ý cũng không đậm đà về sự mời nàng viết văn, hình như ai nấy đều sợ có một người lạ dưng vào. Nhất là người ấy lại là con gái có tiếng hay chữ, thì văn của mình tự nhiên cũng hóa khó viết, vì thế, thấy nàng từ chối, không ai kéo nài thêm một câu nào. Vài người lớn tuổi đứng ra mời nàng vào chiếu giữa đình: ăn trà uống nước, rồi họ hỏi thăm qua loa về chuyện học hành thi cử ở Hà Nội. Còn các người khác đều cặm cụi với quyển văn.

Kỳ ấy là kỳ kinh nghĩa. cũng đủ bảy bài, hai bài chuyện thì Luận ngữ và "Ngô kỳ vi Đông chu hồ", Mạnh Tử là: "Đương kim chi thế, xả ngã kỳ thù", năm bài kinh thi: Kinh Dịch là "Uốn dĩ dưỡng chính, thánh công giả", kinh Thư là: "Việc nhược kê cổ

Cao dao", kinh Thi là "Chu đạo như chỉ", kinh Lễ là "An dân tai" và kinh Xuân Thu là "Công tức vị". Nhìn qua đầu bài ở các quyển, nàng lẩm bẩm cười thầm: "Không biết những đề mục này của lão Nghè Đặng hay lão Nghè Hoàng đã ra cho bọn học trò, hình như bài nào "kẻ ra" cũng có ngụ ý tự phụ, thật là khả ô".

Rồi nàng mỉm cười hỏi thầy đồ Nghê:

- Ông chuyên kinh gì?

Ông đồ Nghê vênh vang:

- Tôi chuyên kinh Dịch?

Nàng vẫn mỉm cười và tiếp:

- Thế thì, đầu bài kinh Dịch hôm nay hợp với cảnh ông lắm.

"Uốn dĩ dưỡng chính, thánh công giã", đó là cảnh ông chứ gì.

Hay là các cụ Nghè biết ông đương vất vả với lũ học trò trẻ con, nên mới ra cái bài ấy.

Cả đình đều cười oà lên, ông đồ Nghê vẫn ra vẻ tự đắc:

- Kẻ ra làm nghề gõ đầu trẻ cũng có khổ thật, rất hầu, rất cổ suốt ngày, thế mà đến khi chúng nó khá giả, ít đứa chịu nhớ đến mình.

Nàng lại cười cách chế giễu:

- Khi nào lại thế. Những kẻ làm nên, bao giờ cũng nhớ ông thầy khai tâm trước tiên.

Rồi nàng dẫn luôn một truyện cổ tích:

- Ông không nhớ chuyện cụ Trạng Cháy đấy à?

Ông đồ Nghệ vội vàng hỏi tất:

- Cụ Trạng Cháy là ai nhỉ?

Nàng tằm tằm:

- Là cụ Nguyễn Công Hằng, người ở làng Cháy, tên chữ là làng Phù Chấn. Người ta nói rằng: Khi cụ mới đỗ Trạng nguyên, ở Hà Nội có người khách buôn góa chồng nhờ cụ khai tâm cho con trai mù. Mẹ con đưa nhau cấp sách đến nhà, cụ mới viết cho tám chữ "thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", và dạy cho học vài lượt, thì nhà có khách. Cụ cho nghỉ học, mẹ con lại đem nhau về. Hôm sau, cụ bận việc khác không dạy học nữa, chẳng bao lâu, mẹ ấy đem con về Tàu, cụ cũng không hề nhớ rằng mình đã khai tâm cho một người Khách. Cách hơn mười năm... Nói đến đây, nàng cầm khay cau nhón lấy một miếng bỏ vào mồm nhai, rồi tiếp:

- Cách hơn mười năm: cụ làm quan với chúa Trịnh, phải làm sứ thần đệ các đồ cống sang Tàu khi qua Quảng Tây vào nghỉ trong nhà một ông quan lớn ở ven đường. Thấy ở giữa nhà kê một cái sập thiếp vàng. Trên có bài vị khắc một dòng chữ "Nghịệp sư An Nam Nguyễn tướng công chi vị" và cạnh bài vị có cái biển con khắc rõ tám chữ "Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", dưới đó lại đề mấy chữ "nghịệp sư thủ bút". Cụ để ý nhìn, tám chữ kia chính là chữ mình, nhưng không nhớ viết từ bao giờ, và làm sao lại sang đến đây. Sau khi gặp ông quan là chủ nhà ấy, cụ

nói tên họ của mình cho biết, ông ta liền thụp xuống lạy; té ra ông ấy chính là con trai mục khách khi trước đã nhờ cụ khai tâm. Hỏi ra mới biết ông ấy đã thi đậu tiến sĩ, và đã làm đến tri phủ, vì có tang mẹ, phải nghỉ ở nhà. Rồi ông ta mời cụ lên ngồi ở giữa cái sập để bài vị đó. Sập ấy, mọi ngày ông ta chỉ để thờ vọng bóng cụ, nội tử người sang người hèn, không ai được ghé vào đó, bây giờ cụ ngồi là lần đầu tiên. Đó, đối với ông thầy khai tâm, chỉ viết chữ và dạy vài câu, người ta còn nhớ ơn đến thế, huống chi như ông ngày ngày rât cổ bồng hòng về học trò, lẽ nào học trò lại quên công ông. Chỉ sợ họ không làm nên mà thôi.

Ông đồ Nghệ biết nàng nói riều, cắm đầu vào quyển văn không nói gì nữa. Nàng dắt người em gái đi lướt một lượt, tò mò liếc qua các quyển xem sao. Có quyển đã viết đến đoạn trung cổ, có quyển mới viết hai câu phổ thừa, có quyển lời văn cũng hay, có quyển giọng văn nhạt như nước ốc. Nàng lượn ra xung quanh đình dạo thăm phong cảnh, một lát, lại trở lên đình, định chào cả bọn rồi về, trông đi, trông lại nàng không thấy ông đồ Nghệ đâu cả.

Tới nhà bà dì, nàng bỗng ngấm ngấm đau bụng, muốn đi đại tiện, ra đến chuồng xí đã thấy một người ngồi ở bên trong, nàng phải bấm bụng cố nhịn mà về.

Bụng dần dần yên, nàng nằm trong màn nghỉ. Gần trưa, cơn đau bụng lại nổi và mót đi đại tiện, nàng lại chạy ra chuồng xí, người

lúc này vẫn còn ngồi đấy, nàng vẫn bị bắt như ý mà về. Nửa giờ sau bụng vẫn đau dữ, nàng ra đằng sau đứng nhòm trong chuồng xí vẫn thấy có người, và vẫn là người lần trước. Tức quá, nàng cầm hòn đá ném vào chuồng xí một cái đánh chát, một người ở trong tắt tả chạy ra, chính là ông đồ Nghệ.

Thì ra ông ta đương lúc nghĩ văn mót đi đại tiện, ra tới nhà xí hứng văn nổi lên, làm cho ông ta mãi miết để cả tâm trí vào văn quên hẳn đi rằng chỗ mình ngồi đó chính là nhà xí nên đã thôi đi đại tiện mà vẫn ở mãi đó chưa ra.

Thấy vậy, nàng vừa bực mình vừa buồn cười, sự liên tưởng khiến nàng bỗng nhớ đến chữ "tam thượng" của Âu Dương Tu, nhà tiên nho ấy tự nói bình sinh làm văn, chỉ có ba chỗ nghĩ được nhiều nhất, một là mã thượng, tức là khi ngồi trên ngựa, hai là chẩm thượng tức là khi nằm trên gối, ba là xí thượng, tức là khi ngồi trên cầu chuồng tiêu. Vậy thì trên cầu chuồng tiêu cũng là một nơi làm văn của cổ nhân. Nhưng làm văn như thầy đồ này ngồi trong chuồng tiêu từ sáng đến chiều, thật cũng quá đáng. Không biết có rặn ra được câu văn nào không. Nàng về thuật chuyện cho bà dì nghe cả nhà đều cười oà lên, làm cho người con gái út bà ấy cũng phải xấu hổ về thầy, nhất định không sang học ông đồ ấy nữa.

Hôm sau bà dì lại phải đỡ mãi, con bé mới lại chịu đi.

Ở đó vài ngày, bệnh nàng lại khỏi như thường. Vì đã mấy năm

nàng mới sang chơi một lần, bà dì nhất định giữ lại không cho về vội. Nàng phải nấn ná ở đó đến hơn nửa tháng, ngày ngày cùng bọn em gái đi ra các sông, các núi thăm viếng những nơi danh lam cổ tích ở gần chung quanh.

Khi nàng về tới Hà Nội đã là trung tuần tháng một, bây giờ hai kỳ thi đệ tam và đệ tứ đã xong từ lâu, Hà Nội đang đợi kỳ xướng danh.

Sáu năm mới có một lần, ngày xướng danh ở cửa trường thi cũng là một ngày vui vẻ của thành Hà Nội.

Chẳng riêng gì bọn sĩ tử là những kẻ có dự cuộc danh khôi đoạt giáp nào nức chờ đợi, những người vô sự ở các phường phố cũng nô nức muốn coi cho biết mặt mũi những ông tân khoa thế nào.

Đúng ngày xướng danh. Nàng cũng dậy từ gà gáy thứ nhất.

Uống tàn ấm nước chè tàu, nàng liền vắn khăn mặc áo, cặp nón đi ra cửa trường. Tuy đối với việc thi cử khoa ấy, nàng không dính dáng mấy may, nhất là nàng không như những cô con gái nhà giàu, cốt ra nghe cho biết ai đỗ ông Đồ, ông Cống để rồi đánh tiếng lấy chồng, nhưng với nàng, ngày ấy cũng như một ngày có hội, ở cạnh đám hội, lẽ nào lại không đi coi! Vàng trắng tà tà về tây, nàng xuống đến phố trường thi, trong khu đất giá rét như cát, hàng xứ đã đến đông như kiến cỏ. Ngoài số sĩ tử được vào phúc hạch ra đó chờ nghe xướng danh, lại còn thân thuộc bạn hữu của họ, lại còn những người vô sự đi xem, đúng số được

dự vào cuộc xướng danh, chỉ có độ ba chục người mà ở cửa trường có tới bảy tám trăm người cả thầy. Đêm nay cũng như các đêm vào kỳ đệ nhất đệ nhị, sự canh phòng vẫn cẩn mật, những cây đình liệu vẫn cháy bùng bùng.

Khác một điều là, những ông học trò không ai phải lệch théch đeo lều đeo chõng, và bao nhiêu người đều dồn cả vào cửa tiền, những cửa vi giáp, vi ất, vi tả, vi hữu đều đóng im ỉm.

Gần sáng trên chòi canh đóng ba hồi trống ba hồi kèng, đèn lồng, lọng xanh, cờ khâm sai, biển phụng chỉ, theo lệ rước các ông quan trường ra công trường. Các ghế tre đã bày sẵn sàng, những ông khảo quan và những ông ngự sử, lần lượt leo lên mặt ghế với những ông hốt nga voi, lại một hồi trống và một hồi kèng đóng nhau điểm ở trên chòi, người lại phòng đứng cạnh viên chánh chủ khảo cầm sổ đọc cho người lính cầm loa, rồi người lính ậm ọe thét gọi:

- Giải nguyên Hoàng Đức Phu, Hà Nội, Đồng Xuân!

Tiếng loa vừa dứt, tiếp đến tiếng dạ ở ngoài xa xa, một người học trò trẻ tuổi áo the quần trắng cố sức lách qua đám đông tiến vào khu đất cửa trường. Người lính cầm loa lại bắc gọi lần nữa và người học trò trẻ tuổi cũng dạ một lần nữa. Lúc ấy bọn lính kiểm soát liền lĩnh một chiếc mũ đuôi én và một tấm áo lam ban cho người học trò ấy. Đội mũ mặc áo chinh tề, người học trò ấy lính xính chấp tay vào ngực đi vào trong nhà thập đạo. Người lại

phòng cầm sổ lại xướng cho người lính cầm loa gọi đến tên khác. Ngoài cửa trường không thấy tiếng dạ, cái loa lại phải ậm ọe gọi mấy lần, vẫn không ai thừa, quan trường phải cho lính đi xuống đám đông hỏi xem có ai gặp ông tân khoa ấy không. Thì ra ông ấy ra bộ không nóng nảy về đường công danh, tuy nghe tin mình đậu hương cống, anh em họ Mạc đã mấy lần sai người về báo, ông vẫn ngất ngưỡng đánh chén ở nhà trọ, chứ không thềm ra. Sau khi đã phái hình vào tận nhà trọ đòi gọi người học trò ấy, quan trường bảo người lại phòng đọc cho lính cầm loa gọi luôn người dưới.

Mỗi tiếng gọi là một tiếng dạ, mỗi tiếng dạ là một bộ mũ áo đưa xuống, xướng danh hết trên mười người không xảy ra sự gì cả. Người lính cầm loa cứ việc theo miệng người lại phòng gọi đến người mười bảy.

Không có người nào thừa thốt cả, nhưng ở ngoài títt đằng xa, có một ông học trò vào khoảng ngoài bốn chục tuổi bận áo nâu, vắn khăn vải, úp cái nón chóp sơn vào ngực, vừa đâm vào chóp nón, vừa nhảy chân sáo vừa reo:

- Sứ lợn về ai? Thử xem sứ lợn về ai?

Ông ấy Chinh là ông hương cống thứ mười bảy, bè bạn đứng cạnh, thấy người lính cầm loa ậm ọe gọi hoài, ông này vẫn không thềm thừa, mấy người liền vỗ vào vai và hỏi:

- Đã biết sứ lợn về ông, chứ về ai nữa, nhưng ông phải dạ một

tiếng, rồi lính mũ áo đi vào ăn yến, sao cứ để người ta gọi mãi? Ông ấy cũng không trả lời cứ việc nhảy chân sáo, đâm vào chóp nón mà hét:

- Sứ lợn về ai? Thử xem sứ lợn về ai?

Loa đồng gọi đã hết hơi, cái nón chóp sơn bị đâm đã bẹp, ông đó vẫn cứ chân nhảy chơi, miệng reo thử lợn về ai, không thềm thừa cũng không thềm vào.

Bực quá, quan trường phải bảo lính xuống tận nơi, hỏi thăm những người quen thuộc của ông ta, biết đích ông ta đậu thứ mười bảy, liền cho lính dẫn vào cửa trường, đưa mũ đưa áo cho ông ta. Không đội mũ, cũng không mặc áo, ông ta chỉ lảm nhảm nói hoài một câu "sứ lợn về ai", lính phải cấp mũ cấp áo và đưa ông ta vào tận trong nhà thập đạo.

Người lính cầm loa theo người lại phòng gọi luôn bốn năm người nữa, rồi gọi đến Nguyễn Cao Đệ, Hà Nội, Khán Xuân, hương cống thứ hai mươi hai.

Cũng như ông cống thứ mười bảy, Nguyễn Cao Đệ nghe thấy loa gọi tên mình, cũng không thừa dạ, chỉ nhảy chân sáo và reo thật to:

- Ý a! Ta đỗ rồi!

Thế rồi như ngựa đứt cương, Nguyễn Cao Đệ lỏng té một mạch từ khu cửa trường lên khu cửa Nam, quan trường cho lính đuổi theo không kịp.

Gọi nốt ba người dưới nữa, thế là xong cuộc xướng danh, khoa ấy lấy hai mươi năm hương cống cả thảy.

Các ông tân khoa và các quan trường đã vào trong nhà thập đạo hết rồi, bây giờ cửa trường mới kéo bảng hương cống rồi kéo đến bảng sinh đồ. Có một vài ông mắc phải những tội thiệp tích, phạm húy, phạm trường qui đều bị nêu tên ra chiếc bảng con.

Hàng xứ dần dần về hết, Xuân Hương ghé lại xem tấm bảng con, thấy có tên Đặng Như Bích, phạm lỗi "quyển viết không đủ.

Nàng mỉm cười và đương nghĩ thầm "thế cũng đạo mạo lên mặt công tử? Bỗng ở đằng xa nghe có tiếng người ồn ào và sự ồn ào mới tiến gần lại. Giây lát, một bọn học trò độ năm sáu người, anh nào anh ấy rượu say bết nhè, vừa đi vừa gọi tên các ông quan trường chửi rửa linh ỏi. Thì ra những ông học trò ấy đều phúc hạch và bị hồng tuột. Họ tự cho là văn họ đáng đố, vì quan trường không biết bả văn, đánh hồng họ. Con cảm khái nổi lên, họ rủ nhau vào hàng đánh chén, hơi men hăng bốc, khí tức càng lên ùng ùng, họ liền kéo đến cửa trường mà chửi những người đã làm cho họ phải hồng. Cổng trường đã đóng, những ông tân khoa và các ông quan trường đương vui vẻ trong tiệc lộc mình, chợt nghe ở ngoài có người gầm thét, quan trường liền cho lính ra hỏi chuyện gì. Sau khi đã biết là bọn học trò sinh sự, quan trường phải sai mấy người lại phòng ra đó vừa dọa nạt, vừa an ủi, cốt cho họ hãy im đi. Nhưng mà vô hiệu, bọn kia trước còn

đứng, sau rồi ngồi, sau nữa thì lăn đành đạch xuống đất họ cứ réo tên quan trường chửi mắng một cách thậm tệ.

Chán chửi quan trường, họ lại chửi trời chửi đất chửi các vị thần thánh, chửi đến những người đứng xem ở chung quanh.

Một lúc sau, họ đều ù té đứng dậy và chạy ù ù ra phía bờ hồ Hoàn Kiếm.

Không biết họ định đến đó làm gì, hàng xứ lóc nhóc chạy theo để xem. Té ra họ định dắt nhau đến hồ tự tử, một dãy ngồi trên bờ hồ, anh nọ ra dáng can đảm bảo anh kia:

- Phải để cho tao chết trước.

Anh kia cũng ra bộ hăng hái và bảo anh nọ:

- Tao chết trước chứ, mày không được phép nhảy xuống trước tao!

Gió bắc ào ào, hơi nước kéo lên lạnh ngắt, cả bọn cùng thò một chân xuống hồ, rồi tức thì cả bọn lúi rút lên liền; hình như trong nước giá quá, cái chân bằng thịt không thể để lâu ở dưới ấy. Cuối cùng một người ra ý khoát đạt bảo với mọi người:

- Muốn chi thì khó, chứ muốn chết thì có khó gì, định chết thì chết lúc nào chẳng được? Can gì phải chết trong lúc giá rét cho khổ thân, chúng ta hãy về nhà trọ chén thêm cái đã!

Mọi người đều khen nói phải, cả bọn đều đứng dậy và lại tất tả chạy về, ai nấy vẫn còn say dí say dì, loạng choạng, chân nam đá chân chiêu, lảo đảo như lên đồng trượng làm cho hàng xứ cười

reo âm ỉ.

Coi hết tấn hài kịch ấy, Xuân Hương lẻo đẻo cắp nón về phường Khán Xuân, giữa đường, nàng bỗng nhớ đến Nguyễn Cao Độ. Vì ông đó với nàng cùng ở một phường và hai nhà cách nhau cũng không xa lắm, lý lịch ông ta nàng biết hết cả, ông ta tư chất khá, thông minh, học hành lại rất chăm chỉ, nhà nghèo, bố mẹ chết cả, không ai cấp dưỡng, không có lương ăn, ông ta phải đến nương nhờ nhà vợ, để hòng theo đuổi cho trọn nghiệp học. Bố vợ làm nghề hàng thịt, mẹ vợ vẫn thường bán thịt chợ Đồng Xuân. Cả hai tính nết cũng y như nhau, đều là hạng ăn phàm nói phũ và đều không ưa việc học. Lúc đầu ông ta mới đến ở rể, nhà vợ còn hơi kính trọng. Dần dần thấy ông ta chỉ ăn hại mà không làm lợi cho nhà ấy đồng nào, thì từ bố mẹ trở xuống đến đứa em vợ nhỏ nhất, đều có ý ghét, trước còn đá mèo quèo rể, sau thì họ nói thẳng vào mặt ông ta. Vợ tuy thương chồng, nhưng vì không kiếm được đủ nuôi chồng, nên cũng không dám bênh chồng, trái lại, nhiều khi chị ta lại phải đay nghiến ông ta để lấy lòng cha mẹ là khác. Ông ta đã mấy phen cấp gói ra về, toan tìm một chỗ dạy học độ thân, nhưng không tìm đâu cho ra, sự đói khó lại bắt ông ta cứ phải vác bộ mặt dầy trở lại nhà vợ. Từ đó bố vợ mẹ vợ lại càng khinh rẻ, mẹ vợ mỗi khi sắp sửa đi chợ lại gọi nheo nhéo: "Độ đâu? Đi ra gánh thịt xuống chợ cho tao!". Còn bố vợ, những lúc say rượu, thường thường mắng chửi ông ta, bảo ông ta phải

thôi học để đi khiêng lợn, mổ lợn. Tuy rằng từ lúc đi thi đến giờ ông ta đã được vào luôn mấy kỳ và lại được vào phúc hạch, bố vợ mẹ vợ cũng không nề mặt, họ vẫn thường chỉ vào mặt ông ta và nói: "Mày được vào thế, chẳng qua chó ngáp phải ruồi, chứ đâu đâu đến thứ những người như mày". Chính tối hôm qua, ông ta cao hứng nói với vợ rằng: "Sáng mai dậy sớm, để ra cửa trường nghe xướng danh" chẳng ngờ câu ấy lỡ lọt vào tai bố vợ, bố vợ liền nổi giận lôi đình và thét: "Đừng có làm bộ, điếc tai ông! Trong sự thi cử, ai đỗ phải có các vì tinh tú trên trời giáng vào người ấy. Mày thử nghĩ xem, tinh tú nào giáng đến mặt mày mà mày còn hòng nghe xướng danh! Sáng mai dậy sớm đi hót phân lợn cho tao"! Ông ta thấy thế lại phải nín im phăng phắc, không dám thở mạnh, và rón rén vào giường nằm.

Từ mấy năm trước, Xuân Hương nghe chuyện cực nhục của ông ta, nàng đã mấy lần toan bỏ tiền ra giúp cho ông ta ăn học, nhưng vì nghĩ mình là gái chưa chồng, làm vậy hoặc giả đến tai ông bà cha chú trong họ không khéo lại xảy ra điều nọ tiếng kia, vì thế nàng lại phải thôi. Lúc ở cửa trường, nghe loa gọi tên ông ta, nàng cũng mừng thay cho người học trò nghèo khó, từ nay chắc là không bị nhà vợ rầy rật như trước.

Khi thấy ông ta không thua, không dạ, dùng dùng cặp nón chạy đi, nàng không hiểu là vì có gì, cho rằng ông ta căm tức bố vợ

mẹ vợ, đã lâu, nay đã thi đỗ, thì về nói cho họ biết. Nàng để ý ngấm, từ thủy chí chung, không thấy ông ta trở lại cửa trường đề lĩnh mũ áo, thì nàng lại có lòng ngờ, tưởng là ông ta phải cảm, đau bụng sao đó lúc trở về, vừa đi nàng vừa nghĩ thầm: "Chắc Nguyễn Cao Đệ mới bị bạo bệnh, nếu không sao hẳn lại bỏ bữa yến vua ban." Khi tới đầu phường Thái Cam bỗng ở trước mặt có đám võng lọng, nghênh ngang, chính là cả một nhà vợ Cao Đệ, bố vợ khiêng một đầu đòn võng, mẹ vợ khiêng một đầu đòn võng, hai đứa em vợ vác hai cái lọng, còn vợ ông ta thì lững thững đi với chiến nón thúng quai thao cầm tay, Xuân Hương mỉm cười và hỏi:

- Thế nào! ông Ba, bà Ba, sao không về nhà bày biện đồ đạc để tiếp khách mừng ông Công lại còn vác võng vác lọng đi đâu bây giờ?

Tôi tả, người hàng thịt trả lời:

- Chào cô. Cô ra coi xưởng danh đã về đấy ư, chúng tôi nghe tin ông Công mới đỗ, nên phải mang võng mang lọng ra cửa trường để rước ông ấy về nhà.

- Sao ông bà không thuê người khác! Ai lại bố vợ mẹ vợ đem võng đi rước chàng rể?

- Có thể mới quý cô ạ! Thiên hạ dễ đã mấy người có rể để mà rước? Rể có thể nào thì mới rước chứ, công vợ chồng tôi nuôi cho ông công ăn học trong bao nhiêu năm, thật là chịu hơn chịu

cha chịu mẹ, bây giờ ông ấy làm nên thế này mình cũng bỏ công!
Có phải không cô?

Nàng lại mỉm cười và đáp:

- Phải! Ông bà đi rước ông Cống nghĩ ra cũng phải! Nhưng ông Cống không có ở trường, tôi tưởng ông ấy về nhà.

Vợ chồng người hàng thịt đều cười và nói:

- Thôi đi, cô đừng nói trêu chúng tôi, chúng tôi lại không biết rằng bây giờ ông ấy hiện đang ăn yến hay sao!

Rồi họ cứ khiêng vồng, vác lọng rào bước đi đến trường thi.

Xuân Hương không muốn nói thêm, nàng bụng bảo dạ: "Người ta trở mặt chóng thế ! Vừa tối hôm qua còn là học trò, cả nhà coi như con chó, bây giờ đổ lên một cái, họ đã coi như thần như thánh cả rồi, không trách những kẻ thông minh chỉ vui đầu vào việc thi cử".

Nàng đi về đến gần phường Khán Xuân, thì thấy nhiều người nhao nhao nói chuyện với nhau:

- Ông Nguyễn Cao Đệ phát điên! Nghe nói ông ấy đã đậu hương cống đấy mà, đừng nói láo!

- Đến tai ông ấy thì có mà sống dở.

- Bây giờ người ta là ông Cống rồi, không phải là kẻ bạch đình như trước mà anh nhờn!

- Thật đấy, ông ấy phát điên thật đấy! Chẳng điên thì sao trời rét thế này, mà lại cởi trần tròng trực; lặn hết các vũng trâu đầm!

- Ở đâu?

- Ở Ô Cầu Giấy chứ đâu, chẳng tin anh thử sang tận bên ấy mà xem?

Tức thì mấy người kéo cả sang Ô Cầu Giấy.

Xuân Hương lững thững về nhà, nàng biết là Nguyễn Cao Đệ điên thật, vì hấn khổ cực đã lâu, nay được thi đậu, sướng quá cho nên hóa điên.

Nàng lẩm bẩm cười thầm: "Mới đậu hương cống đã đến nỗi phát điên! Người đâu mà khí cục hèn đến thế!"

Về tới nhà, nàng vừa ăn xong bữa cơm, đã thấy ngoài đường tiếng khóc vang ầm, hỏi ra mới biết vợ chồng hàng thịt đón rể không gặp, vác vỗng vác lọng về không, cực thân mà khóc.

Một lát sau, lại thấy ngoài phố có tiếng ầm ầm, nàng mở cửa sổ trông ra, thì thấy độ bốn năm người lực lưỡng đương co kéo một người lấm như trâu vùi, người ấy chính là Cao Đệ, hấn bị co kéo sềnh sách đã không đủ sức mà cự, vừa đi vừa nói lảm nhảm:

- Ý a! Ta đỡ rồi. Ý a! Ta đỡ rồi!

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 8

Trông thấy một ông tân khoa hình giống như quỷ cái, ai không thương hại và buồn cười. Xuân Hương lắm bả nghĩ thầm:

"Khốn nạn, bao nhiêu năm học hành khổ sở, bao nhiêu năm chịu tủi chịu nhục với nhà vợ chỉ cốt kiếm lấy một miếng khoa danh. Bây giờ thi đậu đáng lẽ đến lúc sung sướng, thì lại sinh ra điên rồi! Ông trời thật cơ cầu lắm vậy".

Bỗng nàng sực nhớ hình như nàng đã đọc thấy ở cuốn sách nào, cũng có một người sướng quá hóa điên, người ta làm cho người ấy mất sướng, chứng điên cũng khỏi, lập tức nàng xuống thang gác và sang nhà hàng thịt hỏi thăm, luôn thẻ để bảo cái phương thuốc ấy.

Hàng phố đứng xem chật cả ngoài cửa. Nguyễn Cao Đệ, do ba bốn người đàn ông lực lưỡng nắm tay ôm lưng, đứng ở trước thềm vẫn chồm chồm nhảy lên, ngồi xuống, y như con mèo bị trói lỏng lộn muốn thoát thân, miệng thì lảm nhảm chỉ nói một

câu "Ý a ! Ta đỡ rồi".

Giữa sân bày chiếc hương án, trên để một bát nước, một coi trầu, ba chén rượu và năm nén hương đen đốt lửa, khói nhựa trám kéo lên nghi ngút. Vợ chồng hàng thịt vừa lạy vừa khẩn:

- Chúng tôi căn rơm căn cỏ lạy trời lạy phật, lạy quý thần hai vai, xin ngài thương tình nhà tôi nuôi nấng khó nhọc trong bấy nhiêu năm để cho rể ăn học, mà các ngài tha cho rể tôi nếu có chệch lệch về đâu, sau này chúng tôi sẽ xin tạ.

Họ còn khẩn nhiều câu lạ lùng hơn nữa, nhưng nàng cũng không để ý. Chờ cho hai người lạy xong đứng dậy, nàng ôn tồn chào và hỏi:

- Thế nào, ông bà đã tìm thầy chạy thuốc cho ông Cống chưa? Đó là ông Cống mắc bệnh, không phải ma trêu quỷ hờn gì đâu, chạy thuốc cho ông ấy uống sẽ khỏi, không phải cúng vái gì cả. Vợ chồng hàng thịt mếu xệch đôi miệng như đôi khâu giai, ra ý nửa tin nửa ngờ, người chồng vừa khóc vừa nói:

- Cô đã sang chơi đấy ư! Mời cô vào chơi trong nhà? Khốn khổ, công trình nhà tôi nuôi rể bao nhiêu năm trời, bây giờ đến lúc thi đậu, ông ấy hóa ra thế này, thật là công lao chúng tôi đổ cả xuống sông xuống biển.

Người vợ nói xen:

- Hôm qua ông ấy ra nghe xướng danh, người vẫn lành mạnh như thường chớ có bệnh tật gì đâu. Chúng tôi không có ở đấy,

nhưng thấy người ta đồn rằng... Khi nghe loa gọi tên mình, ông ấy tức thì hóa điên. Nếu không có người trêu quở, tật bệnh đâu có chóng được như thế.

Xuân Hương chưa kịp trả lời, mẹ ấy lại nói thêm:

- Có tội thì vãi tứ phương, chúng tôi người trần mắt thịt, biết đâu được việc quỷ thần mà dám nói là không hay có. Cầu cúng cứ cầu cúng, thuốc thang cứ thuốc thang. . .

Người vợ Cao Đệ xịt xoạt ở trong nhà ra, nói ngắt lời mẹ:

- Thừa cô, tôi cũng nghe thấy vài người nói rằng ông Cống nhà tôi sượng quá hóa điên đấy thôi, uống thuốc phải mất thì khỏi. Chúng tôi quê kệch, chẳng biết ai là danh sư, cô đã ở đây lâu ngày, cô biết người nào chữa được bệnh ấy, xin cô bảo cho.

Xuân Hương vui vẻ đáp:

- Danh sư bây giờ ít lắm, tôi cũng không thể biết người nào có thể chữa khỏi chúng điên. Nhưng tôi có một mẹo này, cũng là mẹo ở trong sách dạy lại, không phải thuốc thang gì cả, bác hãy thử làm xem sao, may ra thì khỏi. Nếu không khỏi cũng không hại gì! Cả nhà đều xúm lại hỏi:

- Mẹo như thế nào, cô thù nói cho, chúng tôi sẽ làm ngay.

Xuân Hương hỏi lại bằng giọng nghiêm trang:

- Xưa nay ông Cống có sợ ai không?

Người vợ Cao Đệ ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Nhà tôi vẫn là một người bướng bỉnh xưa nay chẳng sợ ai hết,

bao nhiêu ông cả bà lớn, người khác trông thấy đều phải xanh mặt, nhà tôi cũng coi như thường. Riêng chỉ sợ có thầy tôi mà thôi, mỗi khi thầy tôi say rượu, cầm con dao bầu nghênh ngang, tức thì nhà tôi đã tái mặt lại, có lúc run như cây sậy, không biết là tại sao thế!

Xuân Hương tiếp lời:

- Thế thì được. Bây giờ ông đến tát vào mặt ông Cống một cái và thét to rằng: "Đừng nói láo? Mày đồ bao giờ?". Như vậy, tự nhiên ông Cống sẽ khỏi.

Người hàng thịt xua lấy xua đề:

- Cái gì chứ cái việc ấy thì bố tôi sống lại bảo tôi, tôi cũng không dám làm theo. Bởi vì, những người thi đỗ đều có những vì tinh tú to lớn trên trời giáng vào trong mình. Phạm đến thân thể người ta, tức là phạm đến những vì tinh tú to lớn kia vậy, khó lòng sống mà ở với vợ với con! Cô còn ít tuổi không biết, ngày xưa cũng có một người tức nhau với một ông Cống, lúc ra việc làng, chỉ đâm ông ta một cái, thế mà đêm ấy anh ta về nhà tự nhiên phải gió lẩn đòn ra chết. Đó cô bảo có linh hay không. Thôi, thà đề cho ông Cống điên, chứ cái mẹo của cô tôi không dám bắt chước.

Mụ hàng thịt liền nói lời chồng:

- Phải đấy? Thầy cháu nói phải? Bây giờ tát cho ông Cống một cái, hoặc giả sau này ông ấy khỏi điên có kẻ nịnh hót, nói lại cho

ông ấy biết, chắc là ông ấy sẽ đem lòng thù giận nhà tôi, lúc ấy, nhà tôi biết ăn ở thế nào cho lại? Thôi trời bắt sao chịu vậy, ông ấy có điên suốt đời chẳng nữa, chúng tôi cũng được là bố vợ mẹ vợ ông Cống từ bữa nay rồi!

Người vợ Cao Độ máy môi sắp nói, thì ở trong thêm, Cao Độ đã giật được tay những người đàn ông đứng giữ ông ta chạy sổ xuống sân và reo rầm rĩ:

- Ý a! Ta đỡ rồi ! Ý a ! Ta đỡ rồi!

Vừa reo, ông ta vừa té ra cổng. Xuân Hương vội vàng lách vào cạnh tường, cả bọn đàn ông tất cả chạy theo giữ ông ta lại.

Nhưng vì trong lúc cơn điên nổi lên, ông Cống cũng hóa ra khỏe, mấy người đàn ông đều bị du đẩy, ngã dúi, ngã dụi xuống đất. Ai nấy lại cùng lóp ngót trở dậy và cùng lật đật đuổi theo.

Người vợ Cao Độ dậm chân tru tréo:

- Trời đất ơi, sao mà nhà tôi bạc phúc thế này. Người ta đỡ thì không, chồng tôi đỡ thì hóa rồ hóa dại!

Quay lại, chị ta lại hỏi Xuân Hương:

- Thưa cô, tôi tát vào mặt ông cống nhà tôi có được hay không hở cô? Xuân Hương ra vẻ cảm động, nàng buồn rầu đáp:

- Nếu lúc ngày thường bác trai vẫn sợ bác, thì bác tát vào mặt bác ấy cũng được!

- Thưa cô, không! Những người học hành biết chữ ít khi có kẻ sợ vợ, huống chi nhà tôi lại là một người ương ngạnh. . . chỉ có nề

tôi thì có, chứ đến sợ tôi thì không.

- Thế thì không được, dù bác có tát vào mặt bác trai cũng là vô ích. Phải để ông bố làm cái việc ấy!

Người hàng thịt lại chối bai bai:

- Tôi chả dám, cô xui đại? Tát vào giữa mặt một ông khoa mục để rồi những vì tinh tú trên trời quật chết tôi à.

Xuân Hương mỉm cười không trả lời. Mụ hàng thịt hỏi chồng một cách sừng sốt:

- Hay là nhà ta từ xưa đến nay giết nhiều lợn quá hại đến âm công trời phạt bắt tội phải thế này chăng?

Câu nói của mụ rất trúng ý nghĩ của lão hàng thịt, hắn cũng đáp lại bằng giọng sừng sốt:

- Có lẽ thế, sát sinh nhiều quá, tài nào không tổn âm đức! Bây giờ làm thế nào?

- Để tôi đi xem bói quẻ. May mà nhà còn có phúc, "bói ra khoa thầy", thì phải lập đàn giải oan cho những con lợn chết oan, chứ còn biết làm thế nào!

Người hàng thịt sốt sáng tán thành ý kiến của vợ, giục vợ lấy tiền đi luôn lên chợ Đồng Xuân, vì vẫn thấy đồn ở đấy có ông thầy bói hay lắm. Xuân Hương biết rằng với kẻ hạ ngu như vợ chồng nhà này, không thể lấy lời lẽ gì mà giải cái lòng mê tín của họ. Nàng liền chào cả ba người rồi về.

Ngoài cửa, những người hàng phố không biết Cao Độ đã đi khỏi

nhà, vẫn còn kéo đến lũ lượt, chờ xem ông Cống hóa điên. Suốt trong ngày ấy, Xuân Hương lúc nào cũng áy náy thương cho Cao Đệ, nhưng mà bảo lão hàng thịt đã không đất lời, nàng cũng không còn cách nào mà cứu được người vô phúc. Thỉnh thoảng nàng lại cứ sai con Nụ ra phố hoặc sang bên nhà hàng thịt dò xem bệnh tình Cao Đệ ra sao. Máy lần con Nụ trở về đều nói ông ta chạy mãi xuống vùng Hoàng Mai, bao nhiêu người nhà đi theo bắt lại không được. Gần tối lại thấy nói bây giờ Cao Đệ càng điên hơn lúc ban trưa, ông ta nhảy cả xuống chuôm, xuống ao, không biết gì là gì cả.

Sáng hôm sau, Xuân Hương vừa mới ngủ dậy, nàng đương chờ đợi ấm nước sôi của con Nụ đun, thì ở ngoài cửa có tiếng mở cửa, rồi ở thang gác có tiếng chân bước thành thịch. Nàng vội vàng nhìn xuống, người vợ Cao Đệ vừa nhô đầu lên với bộ mặt nhăn nhó sầu thảm.

Vồn vã, nàng mời bà Cống ngồi trong ghế, và đơn đả hỏi thăm ông Cống đêm qua ra sao. Nước mắt chảy xuống ròng ròng, người vợ Cao Đệ vừa khóc xịt xoạt vừa nói:

- Khổ quá, cả đêm hôm qua, nhà tôi cứ cời trần trùng trục dùng dùng chạy khắp cả mấy cánh đồng ở vùng Bạch Mai. Mấy làng ở đây đã phải nhón nháo, tuần phu đổ ra rất đông, họ toan trói lại, chẳng ngờ có một anh tuần lóng ngóng thế nào để cho nhà tôi

cướp được ngọn mác. Rồi nhà tôi cứ đi nghênh ngang cùng đường vừa múa ngọn mác vừa reo "ý a, ta đồ rồi", hễ ai đến gần, tức thì chìa mác ra đâm. Vì thế ai ai cũng phải lánh xa. Tôi ở dưới ấy mãi đến gần sáng mới về, nhà tôi vẫn chạy rong chạy càn, chẳng chịu dừng chân lúc nào.

- Bên nhà đã định chạy chữa bằng cách nào chưa?

- Hôm qua mẹ tôi xuống chợ Đồng Xuân xem bói, tôi tưởng thầy bói thế nào cũng phán cho lập năm, bảy đàn tràng, nhưng mà không, ông ta bảo là động mả ông cụ tam đại, phải mua mũ đen mã đen và một con ngựa sắt đen đem tạ.

- Đã tạ chưa?

- Tạ rồi! Tạ luôn từ chiều tối hôm, nhưng mà có ăn thua gì cô bảo?

- Vậy thì bác tính thế nào?

- Gà gà hôm nay ở dưới Bạch Mai, tôi thấy cúng kính không được chuyển bệnh, mấy lần khuyên bảo thầy tôi thử theo lời cô, tát cho nhà tôi một cái. Nhưng mà thầy tôi gàn quá, chỉ sợ tát vào mặt ông khoa mục thì chết, nhất định không chịu nghe lời. Thôi thì việc đó xin nhờ cô.

- Tôi làm gì được!

- Nhà tôi lúc thường vẫn trọng cô lắm, ngồi với anh em bạn học luôn luôn khen cô là bậc tài hoa, học giỏi hơn các ông Nghè, ông Công. Vậy cô làm phúc, thử xuống Bạch Mai tát cho nhà tôi một

cái, xem có cứu được nhà tôi không! Nếu không khỏi bệnh, không phải lỗi tại cô. Bằng như khỏi bệnh, tôi xin đền lại ơn cô một cách xứng đáng.

Xuân Hương tùm tùm cười nụ:

- Không được bác ạ? Bác trai trọng tôi thì có trọng thật, tôi cũng biết thế. Nhưng chỉ trọng tôi mà thôi, chứ không sợ tôi. Phải có người nào bác ấy vẫn sợ như thể ông bố nhà ta thì mới làm được việc ấy.

Người vợ Cao Đệ lại khóc:

- Thầy tôi đã khẳng khẳng một mực không chịu làm rồi. Nếu cô không giúp, tôi cũng không biết cậy ai được nữa. Nhưng mà tôi tưởng trọng tức là sợ, nhà tôi đã phải trọng cô, tất nhiên cũng phải sợ cô. Cô hãy làm phúc cứu lấy nhà tôi!

Thấy chị ta nằn nì nàng rất thương hại, liền nói:

- Nếu vậy, thì tôi cũng nhận lời bác nhưng để đến chiều hôm nay, xem rằng bác trai có tỉnh không đã!

Nếu bác ấy dần dần tỉnh lại thì thôi, nhược bằng không, bấy giờ tôi sẽ giúp bác. Nhưng tôi nói trước, đó là tôi cũng theo đúng lời dạy trong sách mà nói thế thôi, chứ tôi không nhất quyết rằng làm vậy sẽ khỏi được bệnh bác ấy!

Người vợ Cao Đệ có ý mừng rỡ:

- Cái đó là lẽ cố nhiên, việc gì cô phải rào trước chắn sau như thế.

Cám ơn nàng một cách chân thật và thiết tha, chị ta lui thủ xuống gác.

Nàng thử lần mắt giờ lại một vài bộ sách, để xem chuyện người sượng quá điên ở đâu. Nhưng mà không thấy đâu cả, nàng cứ bần khoản đứng ngồi không yên, trong bụng lúc nào cũng canh cánh nghĩ quanh nghĩ quẩn, không biết mình đã thấy ở sách nào, lâu ngày quên mất, bây giờ nhớ mãi không ra.

Quá trưa, ngoài cửa có tiếng âm âm, một người đàn ông lộc lộc đã bắt được Cao Đệ trói lại điệu về.

Ngó qua cửa sổ, nàng thấy ông Công tân khoa vẫn đeo một mảnh quần rách, mình mẩy mặt mũi bùn trát kín hết một lượt, trông như con trâu mới ở vũng lên.

Một lúc sau, người vợ Cao Đệ hốt hoảng chạy sang và nói:

- Mời cô sang cho! Anh em đã trói nhà tôi đem về nhà rồi.

Nàng toan từ chối không sang, những nghĩ mình đã trót hứa với người ta rồi, nếu không sang thành ra con người thất tín. Tức thì nàng vẫn khăn mặc áo chinh tề, rồi theo cô Công đến nhà hàng thịt.

Nguyễn Cao Đệ tuy đã bị trói bằng một chiếc thừng khá lớn, lại có độ bốn năm người lực điền xúm lại giữ tay giữ chân, ông ta vẫn còn đủ sức lòng lộn cựa cạy, nhòm lên nhòm xuống và vẫn lảm nhảm đọc đi đọc lại một câu "ý a ta đồ rồi".

Xăm xăm bước vào tận nơi, nàng giờ thẳng cánh tay phải tát

đánh bốp vào mặt Cao Đệ một cái rồi thét thật to:

- Anh đồ bao giờ mà chỉ nói láo! Sức học như anh đồ làm sao được! Chẳng tin các người thử điệu anh ấy xuống dưới trường thi coi bảng, thử xem có đồ hay không!

Nàng nói dứt câu, Cao Đệ lập tức ngã đùng xuống đất, mê man không biết gì cả.

Cả nhà hàng thịt đều sợ cuống quýt, tưởng rằng ông Công sắp sửa qui tiên.

Nàng bảo những người chung quanh cố vức Cao Đệ vào giường, rồi lấy một ấm nước lạnh phun khắp vào mặt ông ta.

Nửa giờ sau Cao Đệ dần dần tỉnh lại, bấy giờ hình như mới biết trong mình có nhiều chỗ đau, vì rằng từ lúc phát điên đến giờ, ông ta đã rúc vào nhiều bụi dong, bụi gai, và lăn vào nhiều đồng sành, đồng gạch, thân thể toạc ngang toạc chéo y như con cá rô nướng. Hừ hừ rên rầm một hồi, Cao Đệ sờ đến quanh mình, chỗ nào cũng thấy những bùn là bùn, lầy lầm lạp, ông ta liền hỏi tại sao mà mình lấm láp như thế. Người vợ ngồi cạnh liền thuật lại câu chuyện phát điên cho nghe, Cao Đệ có ý xấu hổ vội vàng quay mặt vào trong và giục vợ lấy nước lau rửa cho sạch. Đường như ông ta vẫn còn khiếp sợ bố vợ. Lúc vợ đứng dậy ông ta còn gọi trở lại, ghé tai dặn nhỏ một câu: "Lấy nước phải có ý tứ và phải dẫu cho kín, kẻo ông trông thấy thì ông chửi chết."

Thấy Cao Đệ đã tỉnh, Xuân Hương đứng lên xin về. Cả nhà hàng

thịt hết sức cảm ơn. Ông lão hàng thịt nói thêm:

- Cô là một người nhiều chữ, cho nên cô tát ông Công cũng không việc gì. Tôi là kẻ dốt đặc cán mai, nếu tôi mà tát ông ấy, tất nhiên đêm nay tôi sẽ phải gió mà chết.

Nàng ra đến cổng, người vợ Cao Đệ tất tả chạy theo và nói:

- Ôn cô vạn bội, cô đã cứu được nhà tôi. Nay mai vợ chồng nhà tôi xin sang tạ nhà mà tạ ơn cô...

Sau khi Nguyễn Cao Đệ khỏi điên, danh tiếng của Hồ Xuân Hương càng to hơn trước.

Trước kia thấy văn thơ nàng có vẻ lẳng lơ, người ta chỉ bảo nàng là đồ gái đĩ thoã. Đến nay nghe tin một ông hương cống tân khoa đương lúc hóa rồ, hóa dại, nàng tát một cái mà khỏi, người ta lại cho nàng là thứ yêu quái thiêng liêng, không phải loài người.

Nhân thấy trong sách Lĩnh Nam trích quái có chuyện con hổ chín đuôi ở trong Hồ Tây thường hóa làm con gái đẹp để đi cám dỗ con trai, lại thấy nàng người họ Hồ mà cũng ở gần Hồ Tây, nhiều kẻ mới quyết đoán rằng chính nàng là loại hồ tinh do con hổ chín đuôi kia hóa ra.

Từ đó, những kẻ nhát gan thấy nàng đi qua, thì lánh cho xa, họ sợ bị nàng cảm dỗ hoặc giả hại đến tính mệnh. Nhưng mà những bậc danh sĩ, nhất là những người đã có đọc qua mấy bộ Duyệt vi thảo đường và Liêu trai chí dị, hâm mộ những sự ly kỳ, muốn được gặp nàng, để coi hình dáng và cử chỉ của loài yêu tinh ra

sao.

Những cái tin đó đều đến tai nàng, nàng chỉ cười thầm cái kiến thức trẻ con của bọn học thức.

Bữa đó vào khoảng trung tuần tháng chạp, phố phường Hà Nội đã lác đác trang điểm bằng những hoa đào thắm và những bông cúc vàng, thiên hạ đương tấp nập sắm sửa đồ tết. Nàng đem con Nụ xuống chợ Đồng Xuân mua mấy cành đào và vài sọt cúc.

Mua bán xong rồi, nàng giao mấy sọt cúc cho con Nụ quảy gánh về trước, mình thì cầm mấy cành đào lững thững đi sau.

Qua phố Hàng Đường, nàng đương mải ngắm vào một cửa hàng, bên cạnh bỗng có người hỏi:

- Hồ Xuân Hương hôm nay đi bán đào đấy ư? Bao nhiêu tiền một cành đào ấy?

Giật mình, nàng quay lại trông, người ấy vào trạc hai bốn hoặc hai năm tuổi, dung mạo rất tuấn tú nàng tưởng như mình đã gặp một lần, mà không nhớ là người nào. Mỉm cười, nàng đáp:

- Dám hỏi mua đào của Hồ Xuân Hương, không sợ bị cảm dỗ à?

Người kia cũng tùm tùm và nói:

- Đây là Bắc phương Chấn vũ đại đế giáng sinh, có sợ gì ái cảm dỗ. Tha hồ, thử cảm dỗ đi xem nào!

Nghe nói nàng liền nghĩ thầm: "A, ra anh chàng dám dùng sự tích trong sách Lĩnh Nam trích quái đối đáp với ta, có lẽ hẳn là người khá chững", nàng bèn nói khích thêm một câu nữa:

- Thôi, muốn sống về ở với vợ với con thì lánh xa ra, đây cũng sinh phúc cho, đừng nói ồm ờ mà chết.

Người kia vẫn cười:

- Cái giống hồ tinh chỉ cốt hút lấy tinh huyết người ta, để luyện cho mình thành người chứ gì. Được! Đây chưa có vợ có con, tinh huyết còn nhiều, tha hồ cho hút, chỉ sợ không đủ sức, chẳng việc gì mà đây phải lánh!

Nàng bụng bảo dạ: "Hắn còn dám nói bằng giọng láo lơi thế này, hoặc giả cũng là một kẻ khác người, không đến nỗi mù đui như nhiều kẻ khác, ta thử mời hắn đến nhà nói chuyện vài câu cho vui". Rồi nàng trả lời:

- Tôi cũng khen cho ông là người can đảm, còn dám nói năng đối đáp với tôi. Nhưng ở giữa đường chúng ta không tiện nói nhiều, ông có thông thả, mời ông ghé qua nhà tôi xơi nước!

- Tôi rất thông thả, và cũng ước ao được biết nhà cô, nhưng cô hãy cứ về trước, lát nữa, tôi sẽ lại sau, kéo sợ chúng ta đi đôi với nhau, thiên hạ lại đặt ra điều này tiếng khác.

Dứt lời, người ấy liền lùi trở lại và đi ra nẻo Hàng Buồm. Nàng vác cành đào nghênh ngang theo đường cửa Bắc lên phường Khán Xuân. Vừa đi, nàng vừa lầm bầm: "anh chàng này cũng liều chết nói láo mảy câu đó thôi, chưa chắc đã dám bước vào nhà ta! Thế mới biết ở đời tìm một người ra người, thật khó".

Tới nhà, nàng sai con Nụ đem cúc trồng vào trong chậu, tự mình

lấy nước cắm những cành đào vào lọ.

Bài trí vừa xong, con nụ vừa xách ấm đồng xuống bếp đun nước, ngoài cửa đã thấy có tiếng gõ cửa canh cách. Đẩy cánh cửa sổ, nàng đứng trên gác ngó ra xem ai, Chinh là anh chàng lúc nãy. Mừng quá, nàng vội chạy xuống mở cửa và mời lên chơi thư phòng. Tia sáng bỗng nảy trong trí, khiến nàng bỗng nhớ ra người ấy là người nào. Lên khỏi thang gác nàng mời người ấy vào ghế và hỏi một cách nghiêm trang:

- Thưa ông, có phải ông là Đàm Thận Trung không nhỉ?

Người ấy mỉm cười trả lời:

- Phải? Chính tôi là Đàm Thận Trung? Sao cô lại biết tên tôi?

- Tôi đã gặp ông một lần ở trên bờ hồ Hoàn Kiếm. Hôm ấy ông đi với cụ Chiêu Bấy và bốn người nữa. Về sau cụ Chiêu Bấy có nói tên nói họ các ông cho tôi nghe.

- Cô đã biết tôi, làm sao lúc nãy lại còn nói chưa?

Xuân Hương vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tôi còn chưa nghĩ ra ai. Vả lại, dù biết là ông đi nữa, tôi vẫn có quyền nói chưa chứ sao. Khi mà một người con trai vô cớ châm chọc một người con gái, thì người con gái vẫn được nói chưa, nếu như người ta không thích những câu châm chọc của người con trai. Ông cũng cho phép thế chứ!

- Cồ nhiên như thế. . . Nhưng người con trai cũng được đáp lại bằng lời sâu sắc. . .

Hai người cùng phá ra cười.

Con Nụ đun sôi ấm nước. Nàng tự đứng dậy pha nước mời Thận Trung uống rồi hỏi:

- Ở ngoài, những ông học trò vẫn đồn tôi là hồ tinh, có phải không ông?

Thận Trung cười khanh khách:

- Chuyện ấy cũng có, thiên hạ vẫn thường nói phao như thế.

- Ông thì thế nào?

- Tôi chưa hiểu ý câu nói của cô?

- Ông có tin tôi là hồ tinh hay không?

- Tin hay không, cái đó không cần nói. Tôi chỉ nói cho cô biết rằng, dù cô có là hồ tinh đi nữa, tôi cũng không sợ.

Xuân Hương vẫn cười tủm tỉm:

- Gớm nhỉ! Ông to gan nhỉ! Dám không sợ tôi, ông cũng to gan thật đấy. Tiếc thay ông là học trò của cụ Nghè Hoàng.

- Thế ra cô vẫn căm cụ Nghè Hoàng phải không?

- Nhưng có sao cô lại nói đến câu ấy, cô bảo tôi làm học trò cụ ấy không đáng hay sao!

- Đáng lắm! Tôi đâu dám bảo cụ Nghè Hoàng không đáng làm thầy học ông; tôi chỉ tiếc rằng. . .

Nói đến đây, nàng bỗng ngừng lại, hình như không muốn nói nốt, Thận Trung vội gặng:

- Tiếc rằng thế nào, cô cứ nói đi, nhưng căm không được nói

chưa?

Nàng cũng nể mặt Thận Trung, liền quay đầu lười:

- Tôi tiếc rằng ông là học trò cụ Nghè Hoàng mà đi vào chơi nhà tôi, lỡ đến tai cụ, có khi cụ lại bắt chước ông Không, sai học trò thúc trống mà đuổi ông ra khỏi cửa.

Thận Trung biết nàng nói đùa, chàng chỉ đáp lại bằng một nụ cười, rồi chàng vờ nói chuyện khác:

- Tôi vẫn thấy nói cô giỏi thơ nôm, thành thạo anh em đọc lại cho nghe một bài của cô, tôi thấy hay lắm. Trong bọn nhà nho chúng tôi, ít người làm được thơ hay như thế. Vậy chắc cô có thì tập, xin cho tôi được coi qua.

- Thơ tôi mà ông dám cho là hay ư, ông? Thế sao các cụ tiền bối, ai cũng cho là dĩ thỏa?

Rồi nàng mở tủ lấy một cuốn sách giấy bản trao cho Thận Trung:

- Ông muốn coi, tôi có tiếc gì. Làm thơ chỉ cốt người đọc cho là hay. Nếu làm rồi lại phải nhét vào trong tủ, không thể nói với ai được, thì còn thú hứng nổi gì.

Thận Trung đón lấy cuốn sách và hỏi:

- Từ ngày cô chép ra tập thơ này, bạn nho chúng tôi đã ai coi chưa?

- Trong cái đời này, người ta còn mải miết về đường công danh, ai dám coi đến tập thơ của tôi, ông bảo?

- Tôi là người đầu tiên cầm đến thi tập của cô?

- Có lẽ thế !

- Nếu thế thì tôi là tri kỷ của cô mất rồi!

Xuân Hương nghiêm sắc mặt:

- Ông phải nói đúng đắn, vì lần này là lần thứ nhất chúng ta nói chuyện với nhau.

Thận Trung hơi thẹn, chàng vờ nhìn vào cuốn sách. Bắt đầu coi nhằm bài "Chơi đài Khán Xuân", chàng ngâm kêu như tiếng chuông:

Êm ái chiêu xuân tới khán đài !

Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.

Ngâm lại lượt nữa, chàng tấm tắc khen lấy khen

- Hay lắm, rõ như vẽ ra ngôi đài chót vót trên cao.

Rồi chàng đọc tiếp:

Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng

Một vũng tang thương nước lộn trời

Chàng vội gật gù khen ngợi:

- Đường lắm! "Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng, một vũng tang thương nước lộn trời, thật là giọng Thịnh Đường, thơ thế này thì có kém gì Đỗ Phủ, Lý Bạch. Và chàng lại ngâm:

Bái nghìn trùng khôn tát cạn

Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.

Chàng tán:

- Hai câu này cũng ra cái đài ở nơi chùa chiền và cất tại chỗ gần nước.

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười.

Đọc hết hai câu cuối cùng, chàng bỗng ngẩn người ra mà hỏi:

- Quái! Bài này tôi xem không giống giọng những bài của họ đọc cho tôi nghe. Cứ như những câu này, tôi chẳng thấy gì là dĩ lung, sao người ta lại cứ đổ tiếng cho cô!

Xuân Hương đáp:

- Đây là bài tôi làm từ mấy năm trước, lúc ấy tuổi thơ ngây, cho nên giọng thơ cũng còn thơ ngây. Mấy năm sau này tuổi lớn lên, tính càng sinh hư, giọng thơ cũng đổi khác, người ta bảo là dĩ thỏa cũng không oan. Ông cứ đọc hết thì biết.

Thận Trung lần lượt đọc những bài dưới.

Khi xem đến bài "Qua núi Ba đèo"(Tức đèo Ba Dội, hay còn gọi là đèo Tam Điệp), chàng lại ngâm to:

- Một đèo, một đèo, lại một đèo !

Chàng bỗng vỗ đùi và nói:

- Tài ! Thơ tài! "Một đèo, một đèo lại một đèo" thật là ngon núi Ba đèo. Mượn ba chữ một để thích một chữ ba, giỏi thật. Nếu không phải là bậc thiên tài, khó mà nghĩ được câu ấy.

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc

Chàng ngẩng lên nhìn Xuân Hương:

- Sao cô khinh cái cửa son quá thế! Cửa mà đến "đỏ loét" thì bản lắm nhỉ, có lẽ nó là cái cửa gì đó, không phải cửa son.

Xuân Hương chỉ cười không nói. Thận Trung lại ngheu ngao:

Côn đá xanh rì lún phún rêu

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc

Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.

- Được! Hai câu này được lắm, cũng ra cảnh núi Ba đèo.

Hiền nhân quân tử ai là chẳng

Mỗi gói, chôn chân vẫn muốn trèo.

Chàng đặt cuốn thơ xuống và nói:

- Tôi nói xin cô tha lỗi.
- Ông cứ nói.
- Kể ra hai câu sau này cũng có sự thật?
- Thì tôi có chối bao giờ. Tôi vẫn nhận rằng mấy năm sau này, thơ tôi đổi giọng, người ta chê là dĩ thỏa cũng không oan.
- Dĩ thì có dĩ. Nhưng cũng hay lắm.

Chàng lại ngâm lại lần nữa:

Hiền nhân quân tử ai là chẳng

Mỗi gói chôn chân vẫn muốn trèo.

Chàng lại mỉm cười và hỏi Xuân Hương:

- Như tôi có phải là hiền nhân, hay quân tử không hử cô?
- Tôi không biết. Hôm nay tôi mới biết.
- Cái đó quyền ở cô! Cô cho tôi là hiền nhân quân tử thì tôi sẽ là hiền nhân quân tử.

Xuân Hương lại nghiêm sắc mặt:

- Ông xem thơ thì cứ việc xem thơ, không được nói ra chuyện khác.

Thận Trung im lặng hồi lâu, chàng cảm ẩm nước rót lấy một

chén nhấp giọng, rồi lại vớ lấy cuốn thơ giở vào một bài ở giữa:

"Cái quạt?" À thử xem thơ cái quạt ra sao.

Rồi chàng đọc luôn:

Một lỗ xâu xâu mây cũng vừa

Chàng cau mày, nhưng không nói gì và cứ tiếp tục đọc nữa:

Duyên em dính dáng tự bao giờ

Vành ra ba góc da còn thiếu

Khép lại, đôi bên thịt vẫn thừa.

Chàng lắc đầu lè lưỡi mà rằng:

- Thơ vịnh cái quạt mà đến thế này thật là kỳ quái, không trách người ta khiếp cũng phải.

Chàng lại đọc:

- Mát mặt anh hùng cơn nắng gió

Che đầu quân tử lúc sa mưa!

Chàng bỗng quăng tọt cuốn thơ xuống ghế và cười khanh khách:

- Sao cô chưa thử hử cô. Cô có thù gì bọn anh hùng quân tử mà
nỡ nói đê nói nhục họ thế ! "Vành ra ba góc da còn thiếu. Khép

lại đôi bên thit vẫn thừa", thế mà tiếp đến "Mát mặt anh hùng khi nắng gió, Che đầu quân tử lúc sa mưa" thì đầu quân tử và mặt anh hùng còn ra gì nữa. Cô thật chua ngoa vô cùng!

Xuân Hương cũng cười:

- Đó là tôi tả chân cái quạt, có ý gì đâu? Ông thử tưởng tượng hình dáng cái quạt mà xem, có phải khi xòe ra thì nó thành hình ba góc mà có một góc thiếu giấy, khi cụp lại thì thit nó thừa ra đôi bên hay không.

Người ta cầm quạt, ai cũng quạt vào mặt trước, nếu lúc đi mưa mà có cái quạt ở tay ai không dùng để che đầu.

Tôi dùng những chữ "che đầu, "mát mặt" để tả cái quạt tưởng cũng đúng lắm. Còn như những chữ anh hùng quân tử chẳng qua là đặt đối nhau, cho đẹp câu, không có ý tứ gì hết.

- Cô nói vậy thì tôi không chịu. Nếu bảo đặt đối nhau cho đẹp câu sao cô không đặt làm "mát mặt giai nhân" "che đầu thực nữ", giai nhân thực nữ cũng thường dùng quạt như bọn anh hùng quân tử, chứ có khác gì. Không nói người nọ mà nói người kia, chỗ đó, chứng bưng cô lúc nào cũng cầm hờn bọn đàn ông con trai chúng tôi cho nên mới có giọng chua ngoa như thế.

- Ông nói thế thì tôi còn cãi sao được. Nhưng ông nên xét cho rằng: Đó là tôi cũng vô tình đặt mấy câu ấy nối liền với nhau, không phải là tôi cố ý, xin ông cũng đừng động lòng.

- Tôi có động lòng gì đâu, thấy vậy tôi cũng nói vậy để cô khỏi

cười tôi là ngu dốt mà thôi.

Một lúc lâu, Thận Trung lại tiếp:

- Thực ra anh hùng quân tử ngày nay, nhất là những người đọc sách, biết chữ, mình tự cho mình là bậc đạo đức cao thượng, càng đáng ghét nữa.

- Sao ông lại ghét người đạo đức cao thượng?

- Cô lầm! Không phải tôi ghét người đạo đức cao thượng. Nếu họ mà thật đạo đức thì cái thân họ tức là gương sáng của bọn thiếu niên, đáng quý lắm chứ, ai mà dám ghét? Tôi ghét là ghét bọn đạo đức giả dối ấy thôi. Mà ở đời này, cô bảo lấy ai là đạo đức thực?

- Ông đã nói tôi cũng muốn nói một câu, nhưng trước khi nói tôi xin ông hãy tha thứ cho tôi, dù câu nói ấy có hơi vô lễ!

- Chắc cô lại muốn nói cụ Nghè Hoàng phải không? Được, cô cứ nói, cụ ấy tuy là thầy học tôi thật, nhưng cũng rất nhiều cái tôi rất không phục, cô thử nói xem có hợp ý tôi không?

Xuân Hương chưa kịp, Thận Trung lại giục:

- Cô cứ nói, nhưng cô nên nói cho đúng, không được đặt điều cho cụ.

- Tôi tưởng cụ là hạng đạo đức giả dối, không biết có đúng hay không!

- Cô nói chính đúng ý tôi. Khi trước nghe tiếng đồn cụ là bậc đạo đức cao thượng, nên tôi mới xin vào học. Từ ngày vào học đến

nay, tôi mới biết cụ chỉ đạo đức giả, lòng tôi rất là hối hận.

- Bây giờ tôi muốn làm vỡ cái đạo đức giả của cụ, ông nghĩ có nên không?

- Nên lắm. Nhưng cụ giả dối rất khéo, khó mà làm vỡ ra được!

- Được! Tôi đã có phép. Nếu cụ không phải gỗ đá, thì thế nào cũng mắc với tôi?

Thận Trung có ý nghi hoặc:

- Nếu cô cùng vào với tôi, e rằng cụ không thèm tiếp, mà rồi cụ còn mắng tôi tàn tệ.

Xuân Hương cười ngất cười ghêo:

- Ông thật thà quá! Tôi há chẳng biết bây giờ cụ đang coi tôi như vật dơ bẩn, không muốn để cho lại gần? Nhưng, nếu muốn trêu cụ chơi cho vui, thì tôi phải... không là tôi nữa mới được!

- Cụ có biết mặt cô không?

- Không! Tôi với cụ kiếp trước không thù, kiếp này không thù, hai bên chẳng giáp mặt nhau lần nào, thế mà không hiểu vì sao cụ cứ ghét tôi như đồ thuốc độc ?

Thận Trung cũng cười:

- Một đằng thích giọng đạo đức, một đằng chỉ nói phóng phiếm, hai bên khác nhau như nước với lửa, cô còn ghét cụ, trách gì cụ chẳng ghét cô! Có điều cái thứ đạo đức của cụ, chỉ là đạo đức cửa miệng, chính tôi cũng không chịu nổi, nên muốn để cô chòng cụ xem sao. Nếu cụ chưa biết mặt cô, thì cô có thể đánh

lừa cụ được. Nhưng tôi dặn trước, cô nên chòng cụ vừa vừa chứ thôi, không nên làm quá!

Chàng lại quay vào tập thơ và đọc nốt hai câu cuối cùng:

*Nâng niu uớ m hỏi người trên trướng,
Phì phạch trong lòng đã sướng chưa ?*

Lại một nụ cười nở trên cặp môi chúm chím, chàng liếc mắt nhìn nàng:

- Người trên trướng là ai? Có phải ông lão rậm râu sâu mắt hay không?

Xuân Hương sầm mặt:

- Ông đừng nhắc đến chuyện ấy, tôi muốn vui đập nó xuống đất đen, không khi nào bới nó lên nữa. Lão Quyền Chương Vệ với tôi, cũng như tôi với cụ Nghè Hoàng, khác một điều là, cụ Nghè Hoàng không thấy mặt tôi, lão đó thì một vài ngày lại được ngó tôi một lần. Ấy là lúc tôi lấy lão ấy, tính duyên chỉ có thể thôi!

Chàng vờ nói đi chuyện khác:

- Vậy ngày mai khoảng nào thì cô vào thăm cụ Nghè?

Chùng độ gần trưa.

- Nhưng, tôi không thể cùng đi với cô.

Xuân Hương ngẫm nghĩ giây lát:

Ông sợ mang tiếng học trò phản thầy phải không! Thế cũng phải.

Nhưng tôi muốn rằng khi tôi vào rồi thì ông cũng vào, hoặc ông vào trước rồi tôi vào sau. Miễn là chúng ta không đi cùng với nhau, thì dù xảy ra sự gì, cụ cũng không trách đến ông.

- Được! Tôi cũng muốn chứng kiến cuộc nghịch tình ấy của cô.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 9

Ánh nắng êm dịu qua cửa sổ chiếu vào khuôn gương treo trên tường vôi, trong thư phòng đầy vẻ tung bừng ấm áp.

Xuân Hương đứng trước giá gương, ngắm nghía bóng mình và những bông hoa đào trên lọ chiếu xuống, những cánh hoa đào, hết thảy tươi cười hơn hở, như sung sướng vì được đứng bên cạnh một trang giai nhân.

Bỗng nàng nghĩ đến hai câu cổ thi: "tích niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng", lẩm bẩm nàng khen là thơ rất hay, rồi nàng tự nghĩ: "Tuy vậy. . . vẫn không ra dáng đàn ông, nếu gặp một người tinh mắt, họ cũng có thể nhận biết rằng mình cải trang, vì đôi má hồng và nước da trắng nõn vẫn cố hiện cái bản tướng của nó. Thành linh nhìn lên bộ ngực, đôi vú dầy thì vẫn cứ phồng phồng ra ngoài, tuy nàng đã mặc một lần áo kếp. Nàng bụng bảo dạ: "lại còn cái của "mắt dầy" này nữa, bây giờ làm thế nào mà đẹp được nó?" Tức thì nàng mở rương

lấy thêm một tấm áo bông mặc phủ ra ngoài. Con Nụ vừa ở dưới chạy lên, thấy nàng, nó phát kinh ngạc mà hỏi:

- Thưa ông, ông ở đâu lại chơi có việc gì xin ông cho biết?

Nàng cố nín cười không được, tủm tỉm nàng nắm bàn tay chặn vào lỗ mũi để nói cho ra giọng người lạ:

- Tôi ở Thanh Hóa. . .

Mới nói được bấy nhiêu tiếng con Nụ đã nhận ra tiếng cô chủ, nó liền cười rũ cười rươi:

- Trời ơi ! Cô giả dạng khéo quá, con vẫn tưởng là ông khách nào. Những quần áo ấy cô lấy ở đâu ra thế?

Xuân Hương chưa trả lời, nó lại nói tiếp:

- À phải rồi! vẫn bộ cánh cô may độ trước để đánh lận xông vào trường thi, con tưởng cô đã đem cho ông Nguyễn Cao Độ mất rồi, vẫn còn đây ư?

Nhìn vào giá gương lần nữa, nàng lại mỉm cười và hỏi:

- Mày trông có giống đàn ông hay không?

- Giống lắm. Chẳng giống sao con lại lắm. Nếu cứ ăn mặc như thế mà đi ra ngoài, có lẽ khắp cả Hà Nội không ai nhận ra cô nữa.

Vui vẻ nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng đi luôn xuống phường Đồng Xuân.

Lớp học buổi sáng đã tan, học trò đâu về đấy hết, trong trường

cụ Nghè Hoàng lúc ấy đã thấy vắng teo.

Nàng đứng ngấp nghé ngoài cổng, chờ mãi mới thấy một cậu bé con tung tăng chơi ở giữa sân. Nàng gọi cậu đó ra cổng mà bảo:

- Nhờ cậu vào trình cụ Nghè: có người ở Thanh Hóa ra, muốn vào hầu cụ.

Cậu vui vẻ chạy vào, chừng nửa giờ sau mới thấy trở ra trả lời:

- Cụ bảo tên thầy là gì, thầy hãy nói cho cụ biết.

Nàng liền nói với cậu đó cho mượn cái bút có tấm mực sẵn. Rồi nàng móc túi lấy mảnh hoa tiên trong túi, viết tám danh thiếp như sau: "Văn sinh, Thanh Hóa ngoại chân sinh đồ Phạm Khắc Kính bái yết", rồi trao tám danh thiếp cho cậu học trò, nàng dặn:

- Cậu cầm cái này vào trình cụ Nghè dùm tôi.

Mãi nửa giờ sau, cậu học trò ấy tất tả chạy ra và nói:

- Cụ bảo mời thầy vào chơi trong nhà!

Sửa lại nếp khăn và vuốt các tà áo cho thật ngay ngắn, nàng theo cậu bé cung kính vào trong nhà học.

Cụ Nghè ngất ngheo bắt chân chữ "ngũ" ngồi trên ghế ngựa quang dầu, chừng như mới ăn cơm xong, trong miệng hãy còn cái tấm dương ngâm. Thấy nàng cụ vẫn ngồi im không hề nhúc nhích. Lễ phép, nàng bước vào trong bức cửa và chấp hai tay lại chào. Khi nàng vừa ngẩng đầu lên, thì vừa thấy cụ rút tấm đặt xuống án thư, chìa bàn tay phải chỉ vào dãy ghế bên cạnh và nói:

- Thầy ngồi!

"Lão này kiêu ngạo đến thế này, thật là quá quắt, thế mà thiên hạ cứ đồ xô vào học, không biết họ định học lấy cái gì".

Nghĩ vậy, nàng lại cố nén cơn tức, xin lỗi cụ rồi khúm núm ngồi vào chỗ ghế mà cụ đã chỉ.

Lâu lâu, thấy cụ lên giọng đạo mạo:

- Mày đâu, lấy nước thầy đồ xơi nước?

Một tiếng dạ rất nhip nhàng từ phía sau nhà kéo dài đến tận cửa hậu, một cậu học trò vào khoảng mười hai, mười ba vội vàng đến trước án thư nghiêng ẩm bình tích rót độ lung chén rón rén đệ vào chỗ nàng ngồi:

- Mời ông xơi nước ạ?

Rồi cậu ấy lại rón rén đi ra đằng sau.

Mùi hoa sói lẫn mùi chè nụ theo khói đưa ra ngào ngạt. Nàng lại lễ phép đứng dậy:

- Cụ ban nước, chúng con xin bái lĩnh!

Cặp môi nhăn nheo sẽ mấp máy trong bộ râu bạc phát phơ và đưa ra hai tiếng vắn cộc:

- Không dám!

Rồi cụ lại bắt chân chữ ngũ ngồi im. Nàng đã uống cạn chén nước, cụ vẫn không nói không rằng.

Một lúc nữa, chòm râu bạc lại thấy rung rung. Cụ ngoảnh nhìn nàng và hỏi:

- Thầy ra thăm tôi có việc gì!

Nàng vội đứng dậy gãi tai và đáp:

- Dạ, bẩm cụ chúng tôi nghe tiếng...

Vừa nói đến đấy, ngoài cửa nghe tiếng người "lạy thầy" rất ròn rã làm cho nàng phải ngừng lại và đưa mắt trông ra. Đàm Thận Trung nhanh nhẩu bước vào với cái dáng bộ kính cẩn. Theo lệ mọi ngày, chàng ấy ngồi lại đây ghế bên kia đối mặt với Xuân Hương.

Im lặng một lúc nữa, cụ lại quay mặt sang phía Xuân Hương và nhắc lại câu nói vừa rồi:

- Thầy vào thăm tôi có việc gì không?

Nàng cũng lễ phép nói nốt một câu đương nói dở:

- Dạ bẩm cụ, chúng con được nghe tiếng cụ là bậc đạo cao vọng trọng, cho nên chẳng quản đường xá xa xôi, nhất bái, để xin cụ chỉ giáo cho một vài điều về cách lập thân xử thế, chúng con lấy làm đội ơn.

Se sẽ giơ tay vuốt mấy sợi râu trắng xóa, cụ rung đùi ra cách tự đắc:

- Làm sao thầy biết tiếng ta?

Nàng đáp:

- Dạ, bẩm cụ, danh vọng của cụ ngày nay, thật chẳng khác gì núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu, trong cánh sĩ lâm ái cũng nói đến, chúng con nay mới được biết cũng là muộn lắm.

Cụ lại ngâm tẩm xía răng, một hồi, rồi nói:

- Thầy muốn hỏi tôi về cách lập thân xử thế ?
- Dạ.
- Thầy biết nghĩ vậy thì cũng khá đấy! Năm nay thầy bao nhiêu tuổi?
- Dạ, bẩm cụ, chúng con đã hai mươi tuổi.
- Ừ đương lúc niên thiếu lực cường. . . Thầy đỗ sinh đồ từ năm nào?
- Bẩm cụ, chúng con mới đậu khoa trước?
- Năm nay thầy không đi thi?
- Dạ, bẩm có. Nhưng chúng con hỏng ngay từ kỳ đệ nhị.
- Năm nay các đầu bài thi cũng nhẹ cả mà? Sao thầy lại hỏng đệ nhị? Chắc thầy kém về tứ lục!
- Dạ.
- Thế thì thầy phải cố công rèn tập để đến khoa sau lại thi.
- Dạ.
- Làm người học trò, ai ai cũng mong thi đỗ, nhưng theo ý ta, đỗ hay không đỗ, cái đó chưa quan hệ lắm. Cần nhất phải giữ cho phẩm hạnh đoan chính cái đã. Nếu như phẩm hạnh không ra gì, thì càng đỗ to bao nhiêu, lại càng làm hại dân nước bấy nhiêu, Vương Án Thạch, Lã Di Đản đều đỗ Trạng nguyên cả đấy, thế mà chỉ vì phẩm hạnh bất chính, làm càn làm bậy, muôn đời mang tiếng là kẻ gian thần, các thầy đọc sử, chắc cũng biết cả.
- Dạ bẩm, chúng con cũng nghĩ như thế nên phải tìm đến cửa cụ,

mong cụ chỉ đường dẫn lối, cho con được rạng mặt thêm ra.

- Tôi không phải là thánh hiền gì đâu. Nhưng tôi học sách thánh hiền đã nhiều, biết theo ý của thánh hiền, từ một việc làm đến một câu nói, tôi không dám sai lời thánh hiền bao giờ...

- Bẩm cụ, đối với ngày nay, cụ thật là một cây cột đã đứng vững giữa dòng nước chảy?

Cụ lại vuốt râu mà cười ha hả:

- Thầy cũng biết như thế à? Được! Cho thầy ngồi.

Xuân Hương lại khiêm tốn ngồi vào chỗ cũ. Cụ Nghè ngảnh mặt sang phía Thận Trung và bảo:

- Anh Trung hãy sang bên này mà ngồi. Đó là thầy Phạm Khắc Kính, sinh đồ ở Thanh Hóa ngoài, thầy ấy với các anh cũng là chỗ thanh khí với nhau tất cả.

Thận Trung cố sức nhin cho khỏi cười, rồi chàng đứng dậy rón rén đi sang bên này cúi chào Xuân Hương và ngồi vào cùng ghế nàng. Cụ Nghè lại trông Xuân Hương rồi nói:

- Thầy chắc không biết anh này là ai?

- Dạ bẩm không.

Đó là anh Đàm Thận Trung học khá nhất trường tôi, bài tập tứ lục trong mấy kỳ này của anh ấy tôi đều phê "ưu" cho cả. Sau này nếu thầy muốn giỏi tứ lục, thì phải ở cùng với anh ta.

- Dạ, chúng con cũng ước ao được thế.

Cụ lại trông mặt Thận Trung và nói một cách thẽ thọt:

- Tứ lục của anh thì khá, nhưng tính nết của anh hãy còn chưa chín. Những chuyện bông phào lác cắc, rất có hại cho sĩ hạnh, anh nên tự biết mà chừa dần đi, chớ để cho thầy mang tiếng.

Thận Trung vội dạ một tiếng rất lễ độ, cụ Nghè lại tiếp:

- Thầy đồ Thanh Hóa muốn hỏi ta về cách lập thân xử thế, ấy là thầy đã biết nghĩ, có thể dạy được. Tiện thể ta nói cả cho anh Trung cùng nghe: Trong sự tu thân, cốt nhất là phải chính tâm thành ý, ở sách lại học đã nói: "Muốn làm rõ rệt "đức sáng" của mình ra gầm trời, trước hết phải trị nước mình, muốn trị nước mình, trước hết phải tủy nhà mình; muốn tủy nhà mình, trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình, trước hết phải chính lòng mình; muốn chính lòng mình, trước hết phải thật ý mình. Thật ý mình là gì? Nghĩa là lúc nào cũng vậy, ý nghĩ của mình cứ phải thật thà dù rằng trong lúc đêm khuya, trong nơi người vắng, không có ai biết, mình lại dối mình, các thầy nghe chưa?"? Hai người cùng "dạ" ; cụ Nghè nhấp giọng một hớp nước nụ, thở một hơi dài, lâu lâu cụ ra mặt buồn rầu và thêm:

- Bây giờ thói đời mỗi ngày mỗi kém, lạng người không giống ngày xưa, thiên hạ chỉ đua nhau đi về đường điêu trá gian ngoan, không coi lễ, nghĩa, trung, tín là cái gì cả. Thấy vậy, ta rất lấy làm lo phiền.

Hai người cúi mặt im lặng, như có ý để tai nghe ngóng, cụ bỗng chép miệng một cái, rồi nói ra đáng tức giận:

- Nhất là cái thành Hà Nội lại càng tệ hại hơn các nơi khác. Bởi vì ở đây là đất phồn hoa đô hội, người ta chỉ biết vụ lợi, không biết trọng nghĩa, cho nên nhân tâm lại càng kiêu bạc.

Rồi cụ sai cậu học trò đánh đá lấy lửa, giắt mỗi thuốc lào vào nõ điều ống: cụ vít xe điều hút sòng sọc mấy tiếng.

Giây lát, cụ nhìn Xuân Hương và hỏi:

- Thầy đồ Thanh Hóa có biết con Hồ Xuân Hương ở ngoài này không?

Xuân Hương vội làm ra vẻ nghiêm nghị:

- Dạ, bẩm cụ, chúng tôi có nghe thấy anh em nói chuyện, nhưng không biết rõ cô ta ra sao?

Nét mặt hăm hăm cụ nói:

- Nó là con yêu con quái giáng sinh, để làm nhơ bản sĩ phong đời nay. Cứ như người ta nói lại với ta, thì nó cũng có học ít nhiều, có biết làm thơ, thơ của nó toàn là thơ nôm, không có câu nào là không ngụ ý đĩ thõa. Thế mà trong đám sĩ lâm cũng có nhiều người truyền tụng, anh nọ đọc lại cho anh kia nghe. Như thế, thế đạo sĩ phong phỗng còn ra trò gì nữa! Ta lo rằng chẳng bao lâu nữa, người đời sẽ hóa cầm thú hết cả.

Cụ đương nói dở, đằng sau bỗng có tiếng chân chạy thành thịch.

Một tên nhà bếp tiến lại phía trước án thư với sắc mặt xám mét.

Cụ Nghè ngạc nhiên và hỏi:

- Mà muốn nói gì?

- Bầm cụ...

Nói được hai tiếng, đứa nhà bếp lại đứng thừ ra, đầu lưỡi ngấp ngừng, dường như không dám nói nữa, cụ gắng:

- Cái gì, cứ nói!

Tên nhà bếp lại ngấp ngừng cố nói hai tiếng "bầm cụ", rồi hấn lại im, cụ phát cáu:

- Bầm cụ cái gì mới được chứ? Làm sao hỏi mãi không nói?

- Bầm cụ con mẹ hàng gà...

- Con mẹ hàng gà làm sao?

- Bầm cụ, con mẹ hàng gà nó vẫn ngồi ở nhà dưới.

- Nó ngồi ở nhà dưới làm gì? Chúng bay có mua bán tăng tịu gì với nó không?

- Bầm không.

- Thế thì đuổi cổ nó đi! Có việc thế cũng phải hốt hoảng, thôi xuống dưới ấy.

Tên nhà bếp lại nói bằng giọng áp úng:

- Bầm cụ con gà hôm nọ cụ sai con đem nhốt vào chuồng, bây giờ thả ra, nó nhận là gà của nó.

Cụ Nghè cau đôi lông mày trên bộ mặt đỏ bừng:

- Của nó là của thế nào? Bảo nó muốn sống về ngay, nếu còn nhận lão thì ông đánh cho đập xác ra.

- Bầm cụ, con đã bảo thế nhưng mà con mụ ấy ghê gớm lắm, nó cứ nhất định bắt gà đem về, và nói rằng: Nếu không trả gà cho

nó, thì nó sẽ đứng đấy coi gà để cho con nó đi trình ông Thiên Hộ.

Cụ Nghè đập tay xuống án thư:

- À lão? con mụ láng giềng này lão thật, dám đem thằng Thiên Hộ mà dọa người nhà ông à? Mà bảo nó nếu nó đi trình Thiên Hộ, thì ông bảo quan Tổng đốc bỏ cả Thiên Hộ vào ngục.

Tên nhà bếp dạ một tiếng lớn, rồi chạy thẳng xuống. Giây lát nó lại tất tả chạy lên:

- Bẩm cụ, con mụ bướng lắm. Con đuổi thế nào nó cũng không về, nó nói lão rằng: của nó nó nhận, quan Tổng đốc cũng đến "phải" thì thôi.

Cụ Nghè thở dài:

- Dân phong ngang ngạnh đến thế, có đáng ghét không?

Xuân Hương ngửa miệng, giả cách lễ phép đứng dậy và bảo tên nhà bếp:

- Anh không cần cãi vã với kẻ tiểu nhân vô lễ làm gì ; cứ bắt đem con gà ấy thả ra ngoài cổng, hễ nó chạy về nhà kia thì là gà của nhà kia, mà nếu nó lại chạy về nhà này, thì là gà của nhà này.

Cụ Nghè chưa kịp bảo sao, tên nhà bếp đã lật đật chạy xuống.

Mở quả trầu lấy trầu, cau và cái cối ngà đưa cho Thận Trung đem giã, cụ Nghè đương sắp tiếp theo câu chuyện đạo đức, thì tên nhà bếp lại hốt hoảng chạy lên, vừa thở vừa nói:

- Bẩm cụ, con mới đem thả con gà ra cổng, nó đã chạy tọt vào

nhà con mụ hàng gà.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 10

Phố phường Hà Nội đã hết vẻ nhộn nhịp của năm mới, xác pháo ngoài đường đều bị vùi dập dưới tầng đất lấm, câu đối xanh đỏ ở các đường ngõ đều phải hoen ố vì những giọt mưa xuân.

Những nhà buôn bán lần lượt mở cửa bán hàng.

Những bà, những cô phong lưu thi nhau thắt áo mới, sắm vàng hương, để đem đầu vào các đền các miếu.

Xuân Hương vò vộ ngồi trong thư phòng, nàng tự thấy mình như không chống nổi sự buồn bã của cảnh hiu quạnh. Rồi lòng xuân phơi phới giục nàng phải nhớ đến Đàm Thận Trung. Từ ngày hẹn nhau vào nhà cụ Nghè Hoàng, chàng thường lui tới nhà nàng luôn luôn. Trong lúc cùng nhau trò chuyện nàng vẫn để ý xem xét, và đã nhận chàng là kẻ khoáng đạt, hoà nhã không câu nệ, giả dối như các ông nho sĩ khác. Vì thế, tình ý hai bên mỗi ngày mỗi thêm thân mật, chàng coi nàng là bạn tâm đầu ý hợp, nàng cũng coi chàng là tri kỷ của mình.

Hồi cuối năm ngoái, không ngày nào chàng không đến chơi nhà nàng. Tuy giữa hai người chưa hề có chút bờm xờm lá lơi, nhưng sự ăn ở, đối đãi đã gần giống như người một nhà, có khi nàng đã lưu chàng ăn ngủ luôn ở nhà mình, mà không lấy làm e lệ. Vì năm hết, tết đến, theo tục, chàng phải về quê, trước khi từ biệt phường Khán Xuân, chàng đã hẹn nàng đoạn tết lại sang rồi cùng đi chơi các nơi hang động, núi rừng, để ngắm cảnh đẹp của trời đất. Vậy mà qua tết đã hơn mười ngày, vẫn chưa thấy chàng tới nơi, cho nên nàng nóng ruột. Phải, nàng không phải là loại gỗ đá, tất nhiên cũng có dục tình, trong bấy nhiêu ngày, lửa đã gần rom, dù hai bên vẫn cố giữ cho nó không thể bùng lên, nhưng sự thực, ở trong lòng nàng, cũng như ở trong lòng chàng, lửa ấy vẫn cứ cháy ngấm cháy ngấm, vắng chàng lúc nào, ấy là nàng phải buồn tẻ lúc ấy.

Mấy cành bích đào trên lọ đã bắt đầu nảy những lá non, cánh hoa tươi thắm lá tả rơi rụng khắp nhà, đầu cành trơ những quả non nhu nhú. Sự thay đổi của hoa cảnh nhắc lại cho nàng bài thơ "Tiệc xuân" của chàng Đỗ Mục ngày xưa.

Trong những thi nhân đời Đường, Đỗ Mục là người rất đa tình. Khi chàng ra chơi Hồ Châu, viên thứ sử ở đó là Ứng Quân Tố muốn chiều ý bạn, gọi hết con hát trong quận đến cho chàng coi, chàng không vừa ý một ả nào hết. Rồi chàng xin cho viên thứ sử

mở hội, bày các trò vui dưới nước cho người trong quận đến coi, để chàng kén xem có người con gái nào đẹp hay không! Viên thứ sử cũng xin vâng lời. Đúng ngày mở hội, người ta đến coi chật cả hai bên bờ sông. Đỗ Mục đi ngắm khắp lượt, vẫn không có ai vừa ý. Thành linh có một cụ già dắt đưa con gái còn để hồng mao đi vào. Mục coi hồi lâu liền bảo với viên thứ sử, con bé ấy thực là một bậc quốc sắc, viên thứ sử tức thì cho đón vào thuyền. Mục nghĩ ý muốn hỏi làm vợ. Cả cụ già lẫn cô bé con nghe nói đều sợ không dám nhận lời. Mục nói ta không cưới ngay bây giờ, chỉ đính hẹn với mẹ con nàng mà thôi. Sau mười năm nữa, tất nhiên ta ra làm quan hạt này. Nếu mười năm nữa mà ta không ra, thì cho tùy nàng muốn đi lấy ai thì lấy. Khi ấy Mục đưa rất nhiều tiền cho mẹ con nàng để làm tiền cưới. Khi về triều, Mục vì quan thấp, chức nhỏ không dám xin ra Hồ Châu. Tới lúc được ra Hồ Châu, tính ra đã mười bốn năm. Lập tức cho đòi người con gái ấy thì nàng không đến, chỉ có mẹ nàng vào ra mắt Mục, nói rằng: Khi trước ông hẹn mười năm nhưng hết mười năm, không thấy ông ra, tôi gả chồng cho cháu đã ba năm nay, cháu đã sinh được ba đứa con rồi. Mục cúi đầu ngẫm nghĩ rồi bảo các bạn, lý của họ thẳng, mình không nên cưỡng. Luôn đó, Mục tiễn bà lão ra cổng một cách kính trọng, nhưng Mục vẫn ngậm ngùi tiếc người con gái, mới ngâm một bài "Tiếc xuân".

Xuân Hương giờ tập Đường Thi ra coi, nàng thấy ý tứ trong thơ

rất hợp với tình cảnh mình, tức thì nàng lấy giấy bút dịch ra một bài quốc âm như sau:

*Bởi tại tìm hoa quá chậm chân,
Há nên ngao ngán oán ngày xuân,
Gió đông bay hết màu tươi thắm,
Quả trái đầy cành, bóng rợp sân*

Nàng ngó những cành hoa đào tan tác dưới sàn gác, nằm những quả đào non và lá đào xanh mơn mớn trên độc bình, rồi nàng lại ngâm đi ngâm lại hai câu:

*Gió đông bay hết màu tươi thắm
Quả trái đầy cành, bóng rợp sân*

Lúc ấy trong lòng càng thấy buồn bực, nàng liền nhớ lại những ngày còn ở hồng mao mỗi khi gặp tiết đầu xuân, thường được theo mẹ đi chơi nhà các người họ hàng ở nhà quê, rồi những chị em bạn gái rủ nàng chui vào bờ bụi, tìm các thứ lá để đánh đố lá với nhau. Nàng vì ở đất thị thành, không thuộc được nhiều tên bằng họ, lần nào đố lá nàng cũng thua họ, bị họ dằn vặt cả lưng và vẹo cả sườn.

Thế mà ngoảnh đi, ngoảnh lại, bây giờ nàng đã ngoài hai chục

tuổi, những bạn đố lá ngày trước, ai nấy đều đã con bông con mang. Chỉ riêng nàng hãy còn lẳng đặng: "Tuổi xuân chẳng qua cũng như những cám hoa đào, nó chỉ tươi thắm được trong một thì, hết thì tươi thắm ấy thì hết xuân, nghìn vàng không mua lại được". Nghĩ vậy, nàng liền đọc luôn đến câu phương dao:

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Cái già xông xộc, nó thì theo sau.

Ngâm chưa dứt tiếng, dưới gác bồng thấy có người gõ cửa. Nàng đẩy cửa sổ ngó ra, thì ra Đàm Thận Trung đã đến. Mừng quá, nàng không rụt rè e lệ gì cả. Tự mình chạy xuống mở cửa mời chàng lên gác.

Con Nụ biết ý, xách chiếc ấm siêu xuống bếp đun nước, để gian phòng gác mặc chủ và ông khách tự do.

Chàng vừa ngồi đoạn, nàng liền đem chuyện cụ Nghè Hoàng ra nói:

- Con gà hôm ấy đích là của mục lán giếng không phải của cụ Nghè Hoàng.
- Thì chính thế, nếu là gà của cụ Nghè Hoàng sao khi thả ra, nó lại chạy tốt về nhà mục kia.
- Chắc cụ muốn ăn xuyết con gà của họ để cúng.
- Có lẽ thế.

Nàng cười sáng sặc:

- Gớm chữa, văn hay, học rộng, mở miệng nói toàn giọng đạo đức thánh hiền, thế mà dám ăn cắp gà của người ta đấy. Đáng chán chưa? Có lẽ những ông thâm nho toàn là hạng người đi ăn cắp gà tất cả.

Thận Trung sầm mặt:

- Mình không được phép nói hỗn thế. Nho cũng tùy người, không phải ai cũng như ai. Nếu mình muốn nhân việc ăn cắp gà của cụ Nghè Hoàng mà kết án chung mấy ông lên mặt đạo đức, thì phải nói thử thế này...

- Nói như thế nào?

- Nói rằng bao nhiêu cụ Nghè ngày nay toàn là người ăn cắp gà tất cả, thế mới đúng.

Hai người cùng cười rầm rả.

Ngọn gió hiu hiu qua cửa sổ thổi vào án sách, một mảnh hoa tiêu trong đồng sách phấp phới bay ra giữa nhà, Xuân Hương toan tính nhặt lấy dấu đi, nhưng chưa kịp nhặt, tờ giấy đã bị vào tay Thận Trung.

Chàng đưa lên nhìn, chính là bài thơ vô đề của nàng mới làm trong mấy bữa nay. Gật gù, chàng vừa cười vừa đọc:

- *Canh khuya vắng vắng trống canh dôn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.*

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế, khuyết hay tròn
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Đọc đi đọc lại đến ba bốn lần, thấy trong thơ chứa chan tình hứng, làm cho chàng không thể nén được ngọn lửa trong buồng gan. Bỏ tờ hoa tiên xuống án, chàng đứng dậy, ôm nàng vào lòng và đặt trên đôi má hồng của nàng bốn, năm cái hôn nồng nàn. Nàng không cự nhưng hình như cũng sượng sùng, hai má đỏ bừng, vừa cười nàng vừa nói bằng giọng ồm ồm:

- Ô hay! Làm gì thế? Làm cái gì thế?

Thang gác có tiếng thình thịch, hai người vội buông nhau ra, con Nụ vừa xách ấm nước sôi lên. Lấy đủ ấm chén pha nước đặt lên trên yên, nó lại lùi xuống dưới gác. Thận Trung không đợi Xuân Hương mời chào, chàng lại cầm ấm rót lấy mà uống. Một nụ cười nở trên cặp môi son, nàng nhìn Thận Trung và hỏi:

- Hôm nay ăn cơm chiều ở đây chứ?

- Chẳng ăn ở đây thì ăn ở đâu?

Nàng liền xuống gác đưa tiền cho con Nụ đi chợ mua đồ làm cơm.

Gần tối, đồ ăn làm xong, con Nụ bung mâm lên, hai người cùng ngồi một mâm, vừa uống rượu, vừa xướng họa, đêm ấy Thận Trung cùng nàng ngủ chung một giường.

Sáng hôm sau, mặt trời lên khỏi ngọn cây, ánh nắng chiếu xuống Hồ Tây lóng lánh, hai người mới cùng trở dậy, ai nấy còn uồn vai, ngáp vặt nhìn nhau bằng cặp mắt sượng sùng.

Tan cuộc nước chè, Thận Trung vui vẻ bảo nàng:

- Trước kia nghe bài tự tình của mình đưa vào trong trường cụ Nghè, tôi vẫn không tin, ý tôi cho rằng trong lúc mình ở nhà lão Quyền Chương Vệ, cũng như mớ đồ miệng mèo, tất nhiên lão ấy không để cho mình yên lành. Bây giờ mới biết là tôi đoán sai... Xuân Hương không trả lời, nàng chỉ mỉm cười một cách chua chát. Hồi lâu, nàng bảo con Nụ mua đồ ăn sáng, để nàng sắp đi chơi xa. Muốn tránh sự bàn tán lời thôi của những người ngựa miệng, nàng lại ăn mặc giả trai như hôm vào thăm cụ Nghè Hoàng.

Lần ấy là lần đầu nàng cùng người bạn trai đi chơi sơn thủy, chàng muốn vào thẳng Thanh Hóa ngoại trấn viếng chùa Non Nước, rồi xuống luôn huyện Gia Viễn thăm động Hoa Lư. Nhưng nàng không thích đi về hướng ấy, và nàng khuyên hãy lên coi qua rừng trên vùng Thái Nguyên. Ý chàng vốn không nhất định đi đâu vì đi đâu cũng là ải chơi, không có sự gì quan

hệ, cho nên nàng định thế nào, chàng cũng theo thế ấy.

Hai người thuê hai chiếc cáng theo huyện Kim Anh đi lên, khi tới phố Mã thì trời vừa tối, phải vào ngủ trong nhà trọ.

Sáng mai mờ đất đã toan trở dậy lên đường, nhưng vì ở đó là nơi đồng rừng, hết giờ mao chưa tan sương mù, nên chàng khuyên nàng hãy nên thông thả.

Bỗng thấy ở nhà bên cạnh có tiếng trẻ học, nàng cười và bảo với chàng:

- Ai ngờ ở trong hang sâu cũng có tiếng chân ngư mục đi . Ta thử vào chơi xem sao.

Rồi nàng gọi hỏi nhà trọ xem rằng thầy đồ dạy học bên ấy tên họ là gì, tính hạnh ra sao, người chủ trọ đáp:

- Chúng tôi chỉ thấy gọi là ông Cống Tuyên Quang, về đây bảo trẻ đã hai năm nay, tính hạnh rất thuần thực, và rất nghiêm nghị. Trong hai năm nay, ngoài nhà chú nuôi com, ông ấy chưa hề chơi bời với ai.

- Chúng tôi muốn sang thăm ông có tiện không nhỉ?

- Cái đó chúng tôi không biết. Nhưng ông cứ sang, nghe đâu bên ấy cũng có ông Nghè Hưng Hóa về chơi với ông Cống đã mấy bữa nay.

Nghe nói, nàng liền bảo chàng :

- Quái lạ! Hưng Hóa Tuyên Quang cũng có ông Nghè, ông Cống, văn học đường rừng cũng thịnh đấy chứ.

Rồi chàng và nàng cùng dắt nhau sang nhà lán giềng, nói là bọn lái buôn đi đường, nghe tin ở đây có ông Cống bảo trẻ, nên muốn vào thăm ông và xem cách thức học hành thế nào.

Thì ra cách nói đôi ấy rất trúng với ý ông Cống.

Từ trước đến giờ, ông Cống không thềm tiếp một người nào là khách hết, trừ ra ông Nghè Hưng Hóa là bạn chí thân của ngài. Nhưng nếu nói là lái buôn hoặc lý dịch chi đó, thì ngài rất vui lòng khoản đãi, có khi chè chén đến năm, bảy bữa, ngài cũng không hề phàn nàn.

Hai người tiến vào trong nhà, cung kính lạy chào ông Nghè, ông Cống, rồi theo lời mời của ông Cống hai người cùng ngồi vào dãy ghế của học trò ngồi.

Ông Cống giới thiệu cho hai người biết ông khách của ngài là một ông tiên sĩ ở đạo Hưng Hóa, rồi ngài lại tự giới thiệu cho ngài. Đúng như lời chủ trọ đã nói, ngài tự xưng mình là ông Hương Cống ở đạo Tuyên Quang.

Hai người chỉ vâng vâng, dạ dạ, tỏ ý kính trọng.

Ngoài ngõ có tiếng chó sủa, một lớp ăn mày tiến vào với cái niêu đất và một tấm áo toi xù.

Trong nhà, ông ra lệnh cho cậu học trò học rồi học rít để che lấp tiếng lạy ông lạy bà của kẻ khốn khó.

Một cậu học trò chìa sách đến hỏi ông Cống:

- Thưa thầy chữ gì!

Vụt cây roi mây xuống phản, ông Cống thét thật lớn:

- Cầm dung là đất Cầm Dương.

Cậu bé liền nghêu ngao học:

- Bái công binh chí Cầm Dương, ông Bái Công quân đến đất Cầm Dương.

Ông Nghê Hung Hóa vội ngắt câu nói:

- Không phải Cầm Dương, sao ông dạy càn con cái người ta thế?

Ông Cống trừng mắt:

- Chẳng phải Cầm Dương thì là chữ gì?

Ông Nghê đồng dặc:

- Ông dốt lắm, không trách ông đồ đại khoa. . . Ấy là Hàm Thang là đất Hàm Thang chứ gì.

Ông Cống gân cổ cãi lại:

- Tôi nhất định không chịu.

Rồi hai ông cãi nhau lộn bậy, một ông quyết là Cầm Dương, một ông quyết là Hàm Thang. Ông nọ mắng ông kia ngu, ông kia lại bảo ông nọ dốt. Xuân Hương và Thận Trung bầm bụng ngồi im không dám cười. Ông lão ăn mày ngoài sân ngựa miện nói vào:

- Thừa lạy hai ngài, cho tôi xin nói.

Ông Nghê, ông Cống cùng chạy xô ra thét hỏi:

- Lão ăn xin cũng biết chữ à!

- Dạ bẩm hai ngài, thuở nhỏ chúng tôi cũng có theo đòi nghiên bút, bây giờ còn nhớ ít nhiều, cái câu cậu bé đang học đó là câu ở

sách Hán Cao Tổ phải không, thừa hai ngài !

Hai ông cùng nói:

- Phải đấy? Thế lão bảo trong hai chúng ta ai đốt, ai không đốt?
- Bẩm cả hai ngài cùng đốt. Không phải Hàm Thang, cũng không phải Cẩm Dương.

Hai ông cùng sấn sổ:

- Thế thì mày bảo nó là chữ gì?
- Bẩm hai ngài, nó là chữ Hàm Dương, hai ngài mỗi ngài trúng một chữ, nhưng mỗi ngài lầm một chữ.

Tức thì hai ông cùng nổi trận lôi đình, chạy lại túm lão ăn mày toan đánh, Xuân Hương, Thận Trung thương hại vội vàng chạy ra cố can. Hai ông chùng cũng nể mặt khách lạ, bèn tha tội cho lão ăn mày, không đánh nhưng họ bắt mất cái niêu đem đập vỡ tan. Lão ăn mày cảm cảnh, ngồi ở trước cổng khóc ru khóc rười. Một lúc sau lão mới xù xì khoác chiếc áo tơ đi ra, để lại tường cổng mấy chữ thảo.

Xuân Hương và Thận Trung chán chuyện ông Nghè ông Công đứng dậy cáo từ trở ra. Tới cổng thấy có mấy dòng chữ nét mực chưa ráo, lối chữ rất già và rất tươi. Hai người cùng đứng lại nhìn, té ra một bài tứ tuyệt.

Xuân Hương liền làm rằm đọc:

- Ông Nghè Hưng Hóa, Công Tuyên Quang

*Chết dẫm, xưng chân cũng một tuồng.
Ma thiêng chẳng đánh hai thằng chết
Đập vỡ niêu tao đất Cẩm Thang.*

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 11

Từ biệt phố Mã, Xuân Hương cùng Thận Trung, mỗi người một cáng, lẻo đẻo lên phủ Phủ Bình.

Đường núi quanh co, rậm rừng gai góc, hai người tuy ngồi trên cáng, không phải chạy bộ bước nào, nhưng mỗi khi lên đèo xuống dốc, ai nấy đều thấy như dốc ngược người đi. Dù vậy mặc lòng, hai người vẫn đều vui vẻ, không lấy gì làm ngại. Là vì ở đất đô hội, nhìn cảnh thôn hoa đã chán, nay được ngó cảnh đường rừng, cũng như vào chơi một thế giới khác, càng đi càng thấy nhiều vẻ đáng yêu.

Ngày thì chật vật trên đường, đêm vào ngủ trọ trong các thung lũng, dân Thổ dân Mán tưởng hai người là quan khách ở đường xuôi lên có việc gì, hò đều thừa tiếp một cách cung kính. Hai người tuy không thích vậy, nhưng cũng giả cách làm lơ, không dám nói thật rằng mình đi chơi.

Chừng năm, sáu ngày gì đó, đôi cáng ngẫu nhiên đến hạt Phủ

Bình. Trước mặt bỗng hiện một trái núi lớn. Hỏi ra mới biết đó là ngọn núi Độc Tôn, chúa tể của đám núi Tam Đảo, Xuân Hương liền hỏi Thận Trung:

- Trong dãy núi này có một cổ tích, mình có biết không?

Thận Trung mỉm cười:

- Khinh nhau làm gì vậy? Mình còn biết, huống chi tôi.

Xuân Hương cũng cười:

- Cổ tích thế nào, mình thử nói cho tôi nghe.

- Di tích của Nguyễn Danh Phương chứ gì! Trong đời Cảnh Hưng, Danh Phương kéo quân chiếm trái núi này làm nơi sào huyệt để chống lại với triều đình vua Lê. Bây giờ ông ta làm đúng như một vị đế vương, cung lầu đài dựng ở trên núi rất nhiều, đồn ải dinh trại ông khắp các miền chung quanh. Lương thực khí giới, ông ta chứa cả ở đồn Ngọc Bội. Đó là nội đồn ở gần chân núi, rồi đến đồn Hương Ngạch gọi là trong đồn, ngoài nữa là đồn Ục Kỳ, gọi là ngoại đồn. Lại còn vô số chi đồn, rải rác đóng ở các nơi khác. Cứ như các cụ truyền lại, thì quí mô của ông ta xếp đặt cũng khá vững chãi. Ruộng nương trong vùng này đều bị ông ta tịch biên, sai quân cày cấy lấy thóc để nuôi tướng sĩ. Những sản vật miền thượng du như: chè, sơn, nứa, gỗ, chì, kẽm, vân vân đều bị ông ta chiếm cả. Lúa gạo, của cải tích ở các đồn nhiều lắm. Ba hạt Lâm Thao, Tam Đại, Đà Dương đều vào tay ông ta, quan quân nhà Lê lên đánh mấy năm, lần nào cũng

thua liểng xiểng. Qua năm Canh Ngọ triều đình sai Phạm Đình Trọng thống lĩnh đại quân kéo lên. Ông này là tay danh tướng, biết cách hành binh.

Lúc quân trẩy, ông ấy chia ra làm bốn đạo quân, đồng thời tiến vào.

Nói đến đây, Thận Trung mở ống thuốc lá cuốn một mối thuốc, chàng lấy đá lửa đánh lửa châm thuốc, vừa hút vừa tiếp:

- Trước hết ông Phạm đem quân đánh đồn Ục Kỳ và chiếm luôn được đồn ấy. Các tướng bên kia thấy đồn Ục Kỳ đã đại bại ai nấy mất vía, đồn Hương Ngạnh chưa bị đánh chác gì cả, quân sĩ tự nhiên tản chạy... Ông Phạm thừa thế, tiến lên đánh đồn Ngọc Bội, quân của ông Phương phải rút lên núi Độc Tôn, quan quân lại đuổi lên tận sườn núi, đánh nhau ở đó một trận dữ lắm, quân ông Phương thua to, đêm ấy ông Phương phóng hỏa đốt hết nhà cửa kho đụn, rồi cùng các tướng đi trốn, ông Phạm tức thì đốc quân đuổi theo. Tới huyện Lập Thạch, ông Phương bị bắt.

Dứt mạch, chàng thở khói thuốc trong miệng, hài mắt lơ lơ nhìn Xuân Hương:

- Có phải câu chuyện thế không? Hay là tôi có nói sai chỗ nào?

Xuân Hương vẫn cười:

- Phải! Đúng thế. Kể ra ông Nguyễn Danh Phương cũng là một tay anh hùng đấy chứ!

- Anh hùng lắm! Chẳng may gặp tay ông Phạm định Trọng, ông

Phương mới bị tan tành. Nếu không có khi ông ta làm vua cũng nên.

Xuân Hương cười chế riếu:

- Mình bảo làm vua thì khó khăn gì. Tôi xem các vua mở nước đời trước lúc đầu phần nhiều là anh kẻ cướp, vây cánh mỗi ngày mỗi to thì họ làm giặc. Giặc mà đắc thế thì họ làm vua. Nói cho đúng anh nào bạo tay giết người, ấy là anh ấy làm vua, chẳng phải tài đức gì cả.

- Thì vẫn thế! Có lạ gì đâu? Nhưng, bạo tay giết người cũng là một cái tài của họ. Nếu bảo không phải là tài thì sao tôi với mình từ xưa đến giờ chưa giết được ai.

Xuân Hương ra vẻ lả lơi:

- Thôi đừng nói phiếm. Hãy lên trên núi coi thử di tích của ông Quận He ra sao.

Hai người liền bảo phu cáng kẻ ôm võng, người vác đòn theo mình lên núi.

Thoạt tiên hai người đến thăm dấu vết cung điện của Nguyễn Danh Phương. Tuy cái sào huyết của viên đại tướng nay cây cối đã um tùm, cỏ gai rậm rạp, chỉ là hang tổ của giống cáo giống cầy, nhưng, trong những đám tro than đen xám, còn có thể nhận ra di tích lâu đài. Hai người ngậm ngùi than tiếc cho đời oanh liệt của ông chúa tể đường rừng, rồi cùng trở xuống đi xem mấy nơi

Ngọc Bội, Hương Ngạnh và Ục Kỳ. Nhìn qua dấu tích của những dinh trại kho tàng còn lại, chàng và nàng đều phục Danh Phương là người thao lược, không kém những vua mở nước đời xưa. Thờ thần với núi rừng ít lâu, hai người lại cùng xuống núi, đêm ấy cả hai cùng ngủ trong một nếp nhà sàn ở chân làng Ngọc Bội. Hôm sau, Thận Trung chừng như đã mệt, muốn về Hà Nội nghỉ ngơi, Xuân Hương không nghe, nàng muốn lên phủ Thông Hóa viếng cảnh Ba Bể luôn thể. Bốn anh phu cáng cáng hai người từ phố Mã tới đó cũng đã nhọc lắm, thấy nói lên phủ Thông Hóa ai nấy đều sợ xanh mặt, họ bèn nói dối là không biết đường. Xuân Hương liền bảo thổ dân thuê hộ bốn người phu khác, trả tiền công cho bốn người này để họ trở về.

Từ Ngọc Bội lên Thông Hóa đường đi rất xa và rất hiểm trở, người ở miền xuôi ít ai đã biết lối đi. Chỉ có thổ dân suốt đời luôn rừng, thì họ mới thuộc. Tuy ở đường rừng, ít khi có người đi cáng nhưng bọn thổ dân sức lực khỏe lắm, hai người khiêng một mà họ lên đèo xuống đèo thường nhẹ tênh tênh.

Vừa đi vừa xem phong cảnh rừng rú, có đêm ngủ luôn trong rừng, len lõi luôn rúc gần một tháng trời, hai người mới lên đến châu Bạch Thông. Phu cáng đưa chàng và nàng vào nghỉ trong nhà một viên quan lang, sáng mai, Thận Trung bèn bảo quan lang cho người khiêng đôi song loan đưa chàng và Xuân Hương

lên núi Côn Lôn coi cảnh Ba Bể.

Ba Bể là một cảnh lạ, thảnh thoả cũng có người ở đường xuôi lên coi, cho nên dân thổ cũng có sẵn song loan để đưa người ta lên núi. Mỗi cái song loan phải hai người khiêng, chàng và nàng mỗi người ngồi vào một cái, đường núi dốc như bức tường, mới trông tưởng là không thể lên được, thế mà mấy anh phu khiêng song loan leo trèo rất tài, họ không phải bám phải vúi gì hết, anh nào anh ấy cứ việc ngay lưng mà đi, ngồi trên song loan nhìn xuống chân họ, chẳng khác con mèo leo cột nhà vậy. Đường núi khuất khúc như hình chữ "chi", từ chân núi đến đỉnh núi không thể một ngày mà tới, quan lang đã nói trước như vậy, nên chàng và nàng đã bảo họ sắp sửa lương thực đem theo, tiện đâu ăn đấy. Lên tới lưng núi thì trời vừa tối, hai người và lũ dân phu phải ngủ lại đó. Hồi ấy tuy đã trung tuần tháng ba, nhưng ở trên núi khí hậu vẫn còn hơi lạnh, chàng và nàng phải bảo lũ phu bẻ lá cây làm đệm mà nằm cho ấm. Sáng dậy, trời còn lờ mờ, dân phu đã giục hai người phải lên song loan, vì họ đã thuộc độ đường, phải đi luôn từ bây giờ thì đến quá trưa mới tới Ba Bể. Sự định liệu của họ rất đúng, chàng và nàng lên đến giữa núi, mặt trời đã xế về tây. Sau khi nghỉ ngơi ăn uống, chàng và nàng dắt tay nhau đứng ngắm hình thế của dãy Côn Lôn.

Núi này phát mạch từ xứ Tuyên Quang chạy thẳng đến châu

Bạch Thông. Thân nó mọc ra rất nhiều nhánh ngang, nhánh nào cũng thẳng như tường đứng, ngọn núi mà chàng và nàng lên đó là ngọn núi cao nhất trong các ngọn, đỉnh nó chót vót giữa trời, xưa nay chưa ai lên được, chỗ chàng và nàng đứng coi mới ở giữa núi. Trong một tảng đá cao thẳm thành linh có một cái hang cao độ ba trượng, rộng độ trượng rưỡi, dài độ mười trượng, ở trên có nhiều nhũ đá rủ xuống, trông như bức tranh năm sắc, thật là một nơi thần đẽo quý gọt, hơn hẳn nhân tạo.

Hang này quanh năm vẫn có nước suối chảy ra, đứng dưới trông lên trắng xóa như tấm lụa bạch. Các sách địa dư thuở trước, đều nói suối ấy phát nguyên từ bên Tàu, qua phủ Cao Bằng đến châu Bạch Thông rồi đổ ra đó. Không biết có đúng vậy không. Từ trong hang này đi ra, nhánh bên hữu là xã Tiên Loan có một cái bể, nhánh bên tả là xã Hải Vũ có hai cái bể. Hết bể sang tới địa hạt Tuyên Quang, bên kia cũng là một làn nước. Giữa chỗ hai làn nước ấy giáp nhau, có cái bờ đá ngăn cách, thuyền bè không thể đi qua. Mỗi cái bể đó, chu vi ước chừng hai dặm hoặc ba dặm, quanh bể toàn là núi đá, cạnh núi, xóm làng thổ dân ở khắp bốn mặt, chỗ thì nước, chỗ thì đá, chỗ thì cây cối um tùm, trong bể lại có những hòn núi đá nhỏ ẩn hiện giữa lớp sóng cồn. Khi ấy gió im, sóng lặng, thuyền chài bơi lên bơi xuống, pháp phối khắp các nơi, chàng và nàng thơ thần đứng coi, dường như ai nấy đều không biết chán. Xuân Hương chỉ tay xuống bể và nói:

- Trông bề, núi liệu có thật là kỳ công của tạo hóa?

Thận Trung chưa kịp nói sao, một người phu bộ chộp vội hỏi:

- Hai ngài có biết vì đâu có những bề này hay không?

Chàng và nàng đều lắc đầu:

- Chúng tôi không biết! Những bề ấy vì đâu mà có?

Người dân phu ra bộ đắc ý:

- Vì một bà long thần. Các cụ ở đây vẫn thường nói rằng: Đồi xưa, mấy làng ở vùng Nam Mẫu mở hội làm chay, lập đàn thí thực to lắm. Người ở các nơi đến xem rất đông, thỉnh thoảng có một bà già quần áo rách rưới, thân hình bần thiêu trốn vào đám xin ăn. Người làng lấy làm ghê tởm, thi nhau mắng đuổi bà lão. Bà lão cố ngồi từ sáng đến tối, không được miếng gì, lại phải chống gậy đi ra. Tối giữa đường gặp hai mẹ con nhà nọ cũng ở làng. Nam Mẫu, bà lão kể hết tình đầu.

Mẹ con nhà kia ngậm ngùi than thở mà rằng: "Khốn nạn? Bà đã tiều tụy thế này, mà sao người ta không thương? Tội nghiệp.

Thôi đây, tôi còn vài bát cơm tối chưa ăn, bà hãy xơi cho đỡ đói". Bà lão ăn mảy tức thì ăn hết cả mấy bát cơm, mẹ con nhà kia vui vẻ mà về sắc mặt chưa hề có vẻ oán hận. Đêm hôm ấy, bà lão ăn mảy lại đến tận nhà kia bảo rằng: "Lúc chiều nhà bà nhường cơm cho tôi, thật là một người nhân đức. Tôi đi từ bấy đến giờ vẫn không có chỗ nào ngủ, bà đã làm phúc thì hãy làm phúc cho trót, xin bà cho tôi ngủ nhờ một đêm, sáng mai tôi xin

đi sớm". Mẹ con nhà ấy lấy làm vui lòng, liền mời vào nhà nhường giường cho bà lão ngủ, cả hai mẹ con cùng nằm dưới đất. Nửa đêm nghe tiếng ngủ ngáy ầm ầm như sấm, mẹ con bà kia bảo nhau đốt đèn lên soi. Không thấy bà lão ăn mày râu cả, chỉ thấy cái xác con rồng lớn độ vài mét nằm dài thườn thượt giữa nhà. Mẹ con nhà này sợ quá, tức thì tắt đèn đóng cửa đi ngủ, không dám đánh tiếng. Sáng mai trở dậy, lại thấy bà lão ăn mày nằm đó, không thấy con rồng đâu nữa? Mẹ con bà này biết rằng bà lão ăn mày không phải là người thường, liền đến trước mặt thụp xuống vái lạy. Bà lão ăn mày thở thở bảo rằng "Ban ngày ta đi xem hội, trong hội toàn là những kẻ "khẩu phật tâm xà", không ai ra gì. Chỉ có mẹ con nhà mụ, còn có một chút từ tâm, vậy ta làm phúc cứu cho ra khỏi bể "trầm luân". Mẹ con bà này càng sợ, cứ việc vái lạy xì xụp, không dám ngẩng lên. Bà lão ăn mày lại nói: "Nay mai chi đây, hễ thấy có sự gì lạ, mẹ con nhà mụ phải mau mau đem nhau lên mãi sườn núi mà ở, không được chậm trễ phút nào, nếu chậm thì chết, không ai cứu được". Dứt lời, bà lão ăn mày biến mất. Mẹ con nhà kia thấy vậy càng khiếp, ai nấy tin rằng lời nói của bà cụ ấy tất nhiên sẽ có ứng nghiệm. Quả nhiên cuộc hội chưa tan, thì ở một khu ruộng cận tự nhiên thấy có mạch nước phun lên. Mạch ấy lúc đầu bằng cái cổ tay, chỉ trong nháy mắt, nó đã loét bằng cái cồng, nháy mắt nữa thì bằng cái chuôm, lại nháy mắt nữa thì bằng cái hồ,

chưa đầy nửa ngày đã thành ba cái bể đó. Hết thấy dân cư trong vùng đều bị chìm xuống đáy bể chết cả, chỉ có mẹ con bà nọ sống sót. Là vì hai người ấy nhờ có bà lão ăn mày báo trước, từ khi mới thấy nước phun, mẹ con đã dắt nhau chạy lên đến sườn núi. Thế là cả vùng Nam Mẫu, đàn ông đàn bà còn được hai người. Về sau, hai người ấy, con lấy vợ, mẹ lấy chồng, sinh con đẻ cháu, nẩy nở mỗi ngày mỗi nhiều, thành ra nhân dân trong vùng Nam Mẫu bây giờ.

Người dân phu nói luôn một mạch không nghỉ, dường như sợ rằng nghỉ, sẽ bị người khác cướp lời của mình, làm cho Xuân Hương và Thận Trung không thể nói xen vào chỗ nào được. Khi ấy hết chuyện, anh ta mới tạm dừng một phút để thở một hơi, rồi anh ta nói nốt câu kết:

- Như vậy hai ông bảo có lạ không?

Thận Trung nửa cười:

- Lạ lắm!

Rồi chàng ngoảnh nhìn Xuân Hương:

- Ở trên vùng này chắc có người đọc Công dư tiệp?

Xuân Hương lắc đầu:

- Không chắc! Hoặc giả người soạn Công dư tiệp ký đã nghe những chuyện truyền văn ở vùng này cũng nên.

Hai người lần lượt đi dạo vài nơi quanh bể, ngắm nghĩa phong cảnh. Xuân Hương muốn thuê một chiếc thuyền chài chở ra bể

chơi. Bỗng đâu gió Nam nổi lên, các mặt bể sóng đánh cồn cồn, bao nhiêu thuyền chài đều phải rút vào ven bờ.

Bốn bề mây kéo tối sầm. Chiều trời mỗi lúc mỗi thêm u ám, bọn phu song loan sợ đổ mưa, liền giục hai người trở xuống, tìm chỗ gốc cây ẩn nấp, chàng và nàng đều phải quay lại lối cũ. Thận Trung chỉ xuống chân núi và bảo Xuân Hương:

- Cứ kể từ đây xuống đến chân núi cũng không xa lắm, thế mà phải đi gần hai ngày trời là nghĩa lý gì!

Xuân Hương đáp:

- Thì đường đi quanh co như thế, một bước sôi ra ba, bốn chục bước, trách nào mà chẳng đi xa thêm. Giả sử có con đường khác thẳng hơn một chút, thì đâu đến nỗi phải đi vắn vèo như vậy?

Đi một quãng nữa, Thận Trung lại nói:

- Chỗ này là một cảnh đẹp, văn nhân mặc khách ai trông thấy cũng phải say mê. Bây giờ hạt này còn là rừng rú những kẻ đương đại, không biết thưởng thức thắng cảnh cho nên họ không sửa sang. Nhưng con cháu chúng ta sau này tất nhiên cũng phải có kẻ mở mang đường lối, khiến cho du khách tiện sự đi lại.

Xuân Hương gật đầu:

- Cái đó có lẽ. Cảnh đẹp tức là cái mời nhử người, dù nó ở xứ hẻo lánh, người ta cũng phải tìm đến. Tây hồ bên Tàu, đời Tô Đông Pha, còn là một chỗ hoang vu, chỉ để đày người có tội, thế mà ngày nay đã trở thành một nơi phồn hoa...

Câu chuyện đương dở, cả bọn đã tới chỗ cũ, dân phu mời hai người lên song loan để họ khiêng xuống.

Chẳng bao lâu, đến nhà quan lang. Xuân Hương muốn ở lại để xem một vài nơi nữa. Thận Trung sợ rằng ở đó lâu ngày sẽ bị ngã nước, hai người bèn cùng lên cáng trở về đường xuôi.

Tới huyện Kim Hoa, hai người vừa đổ cáng vào hàng uống nước, trước quán bỗng có cái võng tròn cong do hai người lính áo nẹp khiêng đến, đằng sau lại có hai người cấp tráp xách điếu đi sau. Đến cửa quán, đòn võng hạ xuống, trên võng, một người khăn thâm, áo chùng, ra bộ nho học bệ vệ bước xuống. Thận Trung vội nhìn xem ai, thì ra một người học trò cụ Nghè Hoàng, cùng bạn đồng học với mình, vừa đậu Hương Cống khoa trước. Giữ lễ giao thiệp, chàng liền đứng dậy vái chào, ông Cống chỉ sẽ gật đầu một cái, rồi nghiêm trang bước vào, ngồi lên cái ghế cao nhất trong quán. Hai đứa đầy tớ cung kính đệ điếu và tráp đến tận trước mặt.

Thấy cử chỉ ấy, Thận Trung cũng như Xuân Hương, ai nấy đều giận đầy tiết, nhưng còn cố nhịn và đều ngồi vào chiếc ghế cạnh chõng bán hàng. Sau khi hút thuốc uống nước một cách trịnh trọng, ông Cống nhìn mặt Thận Trung mà hỏi:

- Trông thầy hình như quen quen?

Thận Trung cười khinh bỉ:

- Ngài chóng quên nhỉ? Tôi là thằng Trung họ Đàm đây mà!

Ông Cống càng làm ra bộ nghiêm nghị:

- À phải? Thầy không nói thì tôi không nhớ? Tôi nghe văn thầy cũng khá, làm sao không đậu?

Thận Trung giả cách cung kính:

- Bẩm tôi quên sách nhiều quá!

- Đó là tại thầy không chịu học. Phải cố học đi mới được!

- Tôi cũng muốn học, nhưng mà lẩm chễ quên lủ không biết hỏi ai, hiện giờ cũng có câu không biết chữ ở sách nào, tiện thể gặp ngài, xin ngài làm ơn bảo cho?

- Câu gì?

Thận Trung khép nép đứng dậy chấp tay:

- Bẩm ngài cái câu "xê ra cho bà đụn bếp" xuất xứ ở đâu?

Ông Cống hằm hằm đỏ mặt, đứng phắt dậy và nói lảm bảm:

- Quân vô hạnh. Rồi mày sẽ biết tay tao.

Tức thì ông Cống lên võng, giục lính khiêng đi cho chóng.

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương 12

Mấy hôm nay Thận Trung đã khá nhiều lắm.

Chàng đã cắt cơn nóng lạnh, ăn, ngủ gần bằng cũ. Nét mặt cũng đỡ xanh xao. Xuân Hương bấy giờ mới hơi vui lòng.

Hôm mới mắc bệnh, chàng sợ ở đó có điều bất tiện cho nàng, nên đã bảo nàng thuê cáng đưa mình về quê.

Nhưng nàng không nghe, nhất định giữ chàng ở lại.

Nàng cũng biết rằng giữ chàng ở lại tất nhiên lảng giềng, hàng phố, ai cũng bảo mình nuôi trai trong nhà, nhưng nàng không sợ những tai tiếng đó. Bởi vì, theo ý nàng sự tâm đầu ý hợp đã dất hai người ăn chung ở lộn trong bấy nhiêu lâu, thì với nàng, chàng tức là "chồng" không phải là "trai", nàng nuôi chàng chính là nuôi chồng, không phải nuôi trai.

Người ta bảo nàng nuôi trai, chẳng qua chỉ tại nàng không có trầu cau biếu họ, không có cỗ bàn thết họ, để trình cho họ hay

rằng "tôi đã là vợ người này". Chồng cũng được, trai cũng được, ai có miệng thì nấy cứ nói, mình đã yêu chàng quý chàng, coi chàng là người tri kỷ, trong lúc khỏe mạnh, xa nhau một ngày cũng còn khó chịu, huống chi chàng đương đau yếu... Hơn nữa, cái sự đau yếu của chàng lại bởi tại mình ép chàng lên chơi xứ Thái, xông pha trong đám hơi rừng khí núi đến mấy tháng trời, thế thì mình để chàng về quê sao đành?

Nghĩ vậy, nàng mới để ngoài tai những tiếng thị phi, quyết chí lưu chàng ở nhà để mình chạy chữa. Cố nhiên bệnh ngã nước chưa phải bệnh nguy hiểm đến không thể chữa được, nàng vẫn biết thế, thế mà mỗi khi thấy chàng lên cơn, run lẩy bẩy, rên hừ hừ, thì nàng lại lo canh cánh, chỉ sợ chàng chết, mất ăn, mất ngủ vì chàng đến mấy chục ngày. May thay gặp thầy gặp thuốc, bệnh chàng mỗi ngày một lùi, bụng nàng cũng mỗi ngày mỗi yên.

Hôm ấy, chàng thấy trong mình đã mạnh, mới sai con Nụ nấu nước để mình tắm gội, Xuân Hương mỉm cười bảo chàng:

- Tắm làm gì vội? Tôi tưởng các ông nhà nho vẫn có đức "hà tiện nước", hằng năm không tắm cũng vẫn chịu được kia mà, mình mới nghỉ tắm độ vài chục ngày đã thấm vào đâu!

Thận Trung cũng cười:

- Tôi chỉ là một người có biết chữ, có đọc sách, không phải nhà nho. Mình nên nhớ rằng: trong đám học trò chúng tôi, có người

là nhà nho, cũng có người không phải nhà nho. Đại khái những người đã đọc sách nho, lại làm ra bộ ta theo đạo nho, như cụ Nghè Hoàng hay cụ Nghè Đặng và những đệ tử đắc đạo của các cụ ấy thì mới gọi là nhà nho, còn tôi, tôi đọc rất nhiều thứ sách, sách Lão, sách Trang, sách Đường, sách Mặc... Nội sách chư sử, tôi đều đọc qua không phải riêng một sách nho. Việc làm của tôi, có khi giống đạo nho, cũng có khi trái hẳn đạo nho, sao mình lại bắt tôi phải là nhà nho. Nhắc lại cho mình lần nữa: tôi không phải nhà nho, từ rày trở đi đừng đem thói xấu của nhà nho mà gán vào tôi.

Xuân Hương vẫn cười:

- Vậy thì tôi đem thói tốt của nhà nho mà gán cho mình, mình có bằng lòng hay không?

- Không! Tôi không thích thế. Cái gì không phải tự tôi làm ra, không khi nào tôi lại nhận lấy, việc tốt cũng vậy, việc xấu cũng vậy. Bởi vì không có mà nhận, nhận cái xấu tức là giả dối, nhận cái tốt tức là ăn cắp.

Mình đã không phải nhà nho, làm sao hôm nọ tôi chê nhà nho, mình lại cứ bênh chằm chặp...

- Đó là lẽ đương nhiên! Nhà nho cũng có người tốt, có người xấu, không nên vì một vài người tốt mà khâm phục nhà nho, cũng không nên vì một vài người xấu mà mạt sát nhà nho. Tôi bênh nhà nho là bênh cái danh nghĩa của một phái người, không

phải bênh những ông lên mặt ta là nhà nho.

Nghỉ một lát, chàng lại nói tiếp:

- Nói cho đúng, cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và những ông Nghè, ông Công cùng một tính nết như hai cụ ấy cũng không thể gọi là nhà nho.

- Sao vậy?

- Các cụ ấy chỉ cứ bề vệ làm bộ để lấy danh vọng đó thôi. Thực ra những việc của các cụ ấy đã làm, những ý của các cụ ấy vẫn nghĩ chẳng có cái đúng như đạo nho. Nhưng những cụ ấy mà dám nhận là nhà nho.

Thế thì gọi các cụ ấy là "nhà" gì được?

Nhà "hương nguyện". Giả sử Khổng Tử sống lại, chắc ngài cũng không thềm nhận các cụ hương nguyện ấy vào đám nhà nho.

Con Nụ nấu nước tắm đã xong, nó lên giục chàng xuống tắm.

Lúc ấy đã gần đến trưa, tuy rằng đương tiết tháng sáu, trời nắng chang chang, nhưng ở thư phòng của Xuân Hương, gió nam ở dưới hồ Tây đưa vào hây hây. Nàng đứng trước cửa, nhìn những bông sen đương nở trong hồ, và thưởng thức mùi hương theo gió bay lên trên gác, mơ màng ôn lại những ngày vui, buồn vừa qua, bỗng chốc nhớ đến mấy câu đầu chuyện Hoa tiên nàng ngâm:

- *Vững khỏi nguy lan nạm nán lương,*

Thu phong vi tông bạch liên hương

Thận Trung Tấm xong, vừa lên, chàng liền đọc theo:

- *Giao tri thiên thượng giai kỳ cận*

Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang

Rồi chạy đến trước cửa, vỗ vai nàng, chàng đọc lại câu cuối lần nữa:

- Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang.

Nàng nhìn chàng bằng đôi mắt tình tứ:

- Vừa mới ồm dậy. . .

Chàng không trả lời, liền dịch bốn câu Hoa tiên mà nàng và chàng mới ngâm ra bốn câu thơ nôm:

- *Tựa lan, bóng mát, ngắm trời chiều,*

Gió quạt mùi sen bát ngát theo,

Nhớ chữa, trên trời sắp có tiệc

Đêm nay ả Chức gặp chàng Ngưu!

Rồi chàng vờ hỏi:

- Phải không nhỉ! có phải đêm nay ả Chức gặp chàng Ngưu không nhỉ?

- Nửa tháng nữa!

Dưới cửa có mụ hàng mít đi qua, nàng bảo con Nụ ra mua một quả. Lễ mễ ôm quả mít lên gác, con Nụ lắc đầu nói với cô chủ:

- Mít còn xanh lắm chưa thật chín, chưa ăn được!

Xuân Hương gắt mắng:

- Sao mày không lấy quả thật chín?

- Thưa cô, quả này chín nhất đấy, những quả kia còn xanh hơn nhiều.

Quay lại, Thận Trung xoay vắn quả mít, quả nhiên hãy còn xanh lắm, vỗ tay vào vỏ, chỉ thấy bành bịch, không thấy bồm bộp!

Xuân Hương liền sai con Nụ đem xuống nhà dưới đóng cọc vào cuống và phơi ra nắng cho nó chóng chín.

Thận Trung vui cười bảo nàng:

- Mình giỏi thơ nôm, thử vịnh quả mít một bài tôi xem.

Nàng cười và đọc:

- Thân em như thể mít trên cây,

Da nó xù xì, mùi nó dầy

Rồi nàng bỗng cười rũ rượi, không đọc được nữa.

Thận Trung ngạc nhiên hỏi:

- Cười gì dữ vậy?

Nàng vẫn cười không trả lời. Một lúc lâu; nàng vừa bung miệng

vừa đọc nốt hai câu nữa:

- *Quân tử có yêu thì đóng cọc,
Xin đừng mân mó nhựa ra tay.*

Thận Trung cũng phá lên cười:

- Thế cũng thơ với thần! Thơ thần gì mà nhả nhót như vậy! Thế mà người ta chê là dĩ thỏa lại còn kêu oan!

Nàng vẫn vừa cười vừa nói:

- Ô hay, tôi vịnh quả mít như thế! Sao mình lại chê nhả nhót? Những chữ "đóng cọc", "mân mó", "nhựa ra tay" là chữ "nhả nhót" hay sao?

- Có nhiên những chữ ấy không phải là chữ nhả nhót, nhưng ở miệng mình nói ra, thì nó hóa ra nhả nhót tức thì.

Vừa nói, chàng vừa sẽ ôm lấy nàng hôn luôn mấy cái. Một trận gió nồm thổi vào cửa gác, bức màn trên phát phơ rung động, làm tan cuộc ái ân. Xuân Hương đứng dậy chạy ra án sách, mài mực tẩm bút chép luôn mấy câu thơ mít vào tập thì cao, Thận Trung vội ngăn:

- Thơ thế mà cũng chép lại, mình không sợ đời sau chê cười hay sao?

- Nếu sợ tôi đã không làm, đã làm thì tôi không sợ ai khen mặc ai, ai chê mặc ai. Vả chăng, mình đã làm ra, thì cứ chép lại để

cho đời sau phẩm bình, can gì mà phải giấu giếm.

Chàng cũng phục nàng là người can đảm và thực thà.

Cách vài hôm sau, Thận Trung đi chơi thăm mấy người bạn, khi về, chàng đưa cho nàng cái thư của một người sắp sửa cưới vợ, mời chàng đến mừng, và nói:

- Con trai ông Công lấy con gái ông Nghè, đám cưới chắc là to lắm.

Nàng đọc hết thư rồi bình tĩnh hỏi:

- Mình có định đi mừng hay không?

- Có chứ? Chỗ anh em chí thân! Người ta đã mời không đi thì còn ra thế nào?

- Thế thì mình còn câu nệ, không xét thấu lẽ phải.

- Sao vậy?

- Trai lấy vợ, gái lấy chồng, chỉ là một sự rất thường, không phải lạ lùng gì cả! Thật thế, mình thử nghĩ mà xem, có âm dương thì có vợ chồng, đến như giống chim giống chuột cũng đều có vợ có chồng tất cả, chẳng riêng gì một giống người. Vả lại, việc vợ chồng của loài người nó cũng là việc cần có của đức dâm dục, cũng như đói phải ăn, khát phải uống, làm sao gọi là việc vui mừng, bày ra lễ nọ lễ kia cho phiền?

- Theo ý mình, vợ chồng lấy nhau không phải lễ nghĩa, cũng không phải mừng mỗ gì cả?

- Chính thế. Dạm là cái gì, hỏi là cái gì, đưa dâu đón rể là cái gì? Chẳng qua cỗ nhân vô sự, cũng vẽ ra thế cho hay, giống như phường trò vẽ ra một vở trò vậy. Loài người cần phải đôi nào vào đôi ấy, là tránh cho khỏi nạn loạn dâm. Đã vậy, tôi bằng lòng mình, mình bằng lòng tôi, chúng ta cứ việc ăn nằm với nhau, sinh con đẻ cái với nhau, chỉ cần báo cho mọi người biết rằng tôi với mình đã kết thành đôi với nhau, đừng ai ngấp nghé sánh đôi với chúng ta nữa, dạm, hỏi, treo, cưới, đưa dâu, đón rể, ý nghĩa chỉ có như vậy. Thế thì tìm cách gì khác mà báo cáo với người ta, há chẳng tiện hơn, can gì phải bày ra ăn uống mừng mỗ!

Thận Trung cười tình:

- Thế thì tôi với mình không cần phải thêm gì nữa, cứ thế này thì cũng đủ thành vợ thành chồng đấy nhỉ?

- Đủ rồi. không phải vẽ vọt thêm nữa. Miễn là chúng ta suốt đời yêu nhau.

- Nhưng mà thiên hạ chê cười thì sao?

- Mặc kệ, chúng mình cho thế là phải thì chúng mình cứ thế, mà còn như cái chê, khen của người đời chẳng biết lấy gì làm bằng. Người ta cười chúng mình không cưới không hỏi là không biết lẽ, chúng mình có quyền cười lại những kẻ có cưới có hỏi, có đưa đưa dâu đón rể là ngu, không biết phán đoán hay dở, chỉ nhắm mắt theo liều cỗ nhân.

Thận Trung bỗng đùa âu yếm:

- Thế thì ở trong đời này, nhất mình đến tôi, thánh hiền đời xưa cũng không bằng!
 - Chứ gì. Thánh hiền đời xưa, phần nhiều chỉ là người đặt ra, mắc cái thói quen. Chúng ta nay cũng xướng xuất cho thiên hạ đời sau một việc, thì chúng ta cũng là thánh hiền chứ sao.
- Từ đó hai người nghiệm nhiên làm vợ làm chồng với nhau không còn e lệ gì hết.

Dần dà sang đầu mùa thu, Thận Trung ngỏ ý muốn vào Nghệ An thăm viếng quê quán của nàng, luôn thể đi xem các nơi sơn thủy ở vùng trong. Nàng rất hoan nghênh việc đó, và nói một cách ỡm ờ:

- Ngã nước suýt chết vì sơn thủy đường ngược vẫn không chữa, lại muốn đi xem sơn thủy đường trong nữa.
- Chơi sơn thủy cũng như đọc sách vở, đều là việc rất cần của văn nhân. Cổ nhân có nói: "Trong bụng không có ba vạn cuốn sách, trong mắt không có non nước lạ lùng ở gầm trời, chưa chắc đã viết được văn, dù có viết văn, cũng chỉ là lời của đàn bà trẻ con mà thôi". Tôi cho câu ấy rất đúng.

Hôm sau, Xuân Hương thuê hai cái cáng để chàng và nàng cùng đi. Lần này nàng ăn mặc đàn bà, chứ không ăn mặc giả trai như lần lên chơi Thái Nguyên.

Thận Trung không dám ngăn nàng, trong bụng cũng hơi e lệ, vì chàng vờ nàng tuy là vợ chồng nhưng không hỏi không cưới, thì đôi với người ngoài, vẫn là một đôi trai gái. Vô cớ dắt gái đi chơi tránh sao khỏi những tiếng mai mỉa của bạn bè. Nàng hiểu ý chàng như vậy. Song cũng giả vờ làm thính.

Sắp sửa đồ đạc xong rồi. Hai người lên hai cáng, theo đường thiên lý đi về phía Nam.

Phong ải dọc đường nhiều chỗ đã lưu chàng và nàng phải quyền luyến bồi hồi không thể dứt đi thoát.

Khi qua huyện Kim Bảng, hai người xuống cáng dắt nhau lên thăm dãy Long Đội, rồi cùng sang núi Kẽm Trống.

Núi này ở chỗ giáp giới của hai xứ Sơn Nam và Thanh Hoá. Hai bên hai cái sườn núi giáp nhau, giống như hai cái trái đùi, ở giữa có một giòng nước rất hẹp, hình thể coi cũng lạ lùng. Trông ở tám đá đỉnh núi có vết chữ đục, nhìn kỹ là thơ của Chúa Trịnh đề vịnh trong khi đi tuần miền Tây, Thận Trung liền bảo Xuân Hương:

- Mình giỏi thơ, thử đề một bài thi với chúa Trịnh xem sao!
- Mình muốn tôi đề thơ nôm hay thơ tự.
- Nôm cũng được, tự cũng được, miễn là thơ hay.

Nàng không nghĩ ngợi liền đọc:

- *Hai bên thì núi, giữa thì sông,*

*Có phải đây là Kẽm Trống không
Gió đập cành cây khua lắc rắc,
Sóng dòn mặt nước vỗ lòng bong,*

Thận Trung nói xen:

- Chưa hay. Hai câu thứ ba thứ tư tả trái núi khác cũng được, không sát với cảnh Kẽm Trống.

Nàng lại đọc tiếp:

*- Ở trong hang tôi hơi còn hẹp,
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.*

Thận Trung vẫn chê:

- Cũng chưa hay. Trong hẹp, ngoài rộng, cái hang nào mà chẳng thế, cứ gì Kẽm Trống.

Nàng vờ phát câu:

- Thế nào mình cũng chê là không hay, tôi phải kết cho thật hay mới được.

Rồi nàng đọc nốt:

*- Qua... cửa mình ơi nên ngắm lại,
Nào ai có biết nổi bùng bùng.*

Thận Trung cười:

- Chữ của đặt liền với chữ mình tục, thì tục, chứ hay thì không hay. Có điều cũng hơi tài, và chỉ riêng mình có cái tài ấy. Làm sao đề vịnh cảnh gì, mình cũng vẽ ra cái "phải gió" ấy được?

Ngô Tất Tố

Trong Rừng Nho

Chương Kết

Sau khi để lại Kẽm Trống tám câu thơ nôm, Xuân Hương và Thận Trung lại nghênh ngang đôi vòng, theo đường thiên lý vào phủ Trường An.

Chừng bốn, năm ngày tới bến đò Dán, thì trời đã chiều, mặt trời lúi xuống phía Tây, trên dãy rừng Ngang, phủ một làn mây đỏ ối. Bây giờ đã nửa mùa thu, lá vàng tươi tả rụng khắp mặt nước ven đường. Thận Trung sực nhớ một bài trong tám bài thu hứng của Đỗ Phủ, chàng liền dịch ra tiếng Nôm và đọc cho Xuân Hương nghe:

- *Trường An nghe nói tựa bàn cờ*

Ngẫm việc trăm năm luống ngẩn ngơ

Nhà cửa đức ông đều chủ mới

Áo xiêm quan lớn khác thì xưa

*Đồn canh ải thoát vang hồi trống
Quân tây miên tây rộn lá thơ
Lạnh ngắt sông thu rồng cá lặn
Môi tình nước cũ gợn lòng tơ.*

Xuân Hương mỉm cười:

- Thơ dịch như thế, kể cũng đúng và khéo lắm. Tiếc rằng mình đã làm một việc vô vị.

Thận Trung không hiểu ý nàng, chàng ngơ ngẩn hỏi:

- Đã khéo lại vô vị là nghĩa làm sao?

Xuân Hương vẫn cười:

- Bài thơ ấy Đỗ Phủ nói về Trường An của Tàu, có dính dáng gì đến Trường An của ta? Sao mình lại lôi nó vào trong cuộc đi chơi Trường An ngày nay.

- Bởi vì nhân lúc chúng mình chơi phủ Trường An, lại gặp giữa tiết mùa thu, tôi chợt nhớ đến bài thơ ấy, nên thử dịch chơi, có phải là tôi tức cảnh cuộc chơi của chúng mình đâu!

Hai người bèn vào nhà trọ, một lát thì trời vừa tối. Sáng mai, để phu cáng ở lại nhà trọ, chàng và nàng tự đi thuê một chiếc thuyền theo dòng sông Hán xuôi thẳng xuống huyện Gia Viễn thăm động Hoa Lư, kinh đô của vua Đinh Tiên Hoàng. Một hòn núi đá chót vót nổi trên bờ sông Diêm, hình thế chỗ ấy tuy có hùng vĩ, nhưng nó chỉ đáng làm chỗ sào huyệt của giặc cỏ,

không đáng làm nơi kinh đô của ông vua. Xuân Hương thoát nhìn thế núi, thế đất, nàng liền bảo với Thận Trung:

- Cái người đã có sức đẹp nổi mười hai sứ quân, lấy được đất nước, làm sao lại đem kẻ chợ đóng vào một chỗ chật hẹp và hẻo lánh thế này? Xem thế biết thì lão ấy liệu đáng kể là vua một nước?

Thận Trung nói:

- Nước ta bắt đầu độc lập là tự ông ấy.

- Chỉ nên gọi là lãnh chúa.

Rồi hai người lên bộ, thuê chiếc thuyền nan, bơi vào trong núi.

Núi có ba ngọn, hai ngọn bên cạnh, một ngọn giống như hình người, gọi là núi ông Trạng, một ngọn giống như cái hòm, gọi là núi hòm Sách, động Hoa Lư ở vào chính giữa, cửa động không sâu lắm, nhưng thân động thì cũng khá sâu. Thăm qua hang núi, hai người dắt nhau lên sườn núi tìm dấu kinh đô của Đinh Tiên Hoàng. Hình như trải qua thời gian, mưa gió đã mài mòn hết sự nghiệp của ông vua mở nước bằng cò lau, di tích lâu đài thuở xưa, nay không thể nhận ra, sườn núi chỉ thấy có mấy gian đền lụp xụp, trên thờ Đinh Tiên Hoàng, dưới thờ Lê Đại Hành, giữa thờ mẹ Dương Hậu, Thận Trung nhìn khắp trong đền thấy đôi câu đối:

- *Vân hội nhất ư thiên,*

*Đê Tông hoàng bào,
Đê Việt long côn
Anh linh đồng thử địa,
Hoàng Đình thượng miếu,
Hoàng Lê hạ từ.*

Chàng chỉ tay bảo Xuân Hương:

- Người nào nghĩ hai câu ấy móc máy soi mói, kẻ cũng chua chát lắm nhỉ?

Xuân Hương cười nhạt:

- Theo ý tôi, móc máy soi mói như thế cũng quá đáng.

- Sao vậy? Một người vợ vua, chồng chết đi phải lòng trai, lại đem cả nước của chồng cho trai, thế mà mình bảo không đáng soi mói thì thế nào nữa mới đáng soi mói?

- Phải, theo luân lý của nhà nho, Dương Hậu vẫn là có tội.

Nhưng cái tội ấy, có thể tha thứ. Bởi vì, như tôi vẫn nói, trời sinh loài người ai ai cũng có nét dâm dục, nó bắt người ta phải bạo lực khó chịu trong khi bị thiếu thốn về đường tình, cũng như thiếu cơm thì thấy đói thiếu nước thì thấy khát vậy. Gái góa chồng không khác trai góa vợ, nếu còn trẻ tuổi, ai không vì đường tính thiếu thốn mà bạo lực khó chịu? Cớ sao trai chết vợ thì được lấy vợ, mà gái chết chồng lại bắt người ta phải suốt đời giữ cái phòng không? Đó là một điều vô lý. Thế thì Tiên Hoàng

chết đi, Dương Hậu vẫn được phép đi phải lòng trai, việc ấy là việc rất cần của bà. Còn như chuyện đem nước của chồng cho trai lại càng không đáng trách bà. Lúc ấy con trai Tiên Hoàng đã không ra người, trong nước lại bị quân Tống kéo sang đánh phá, nếu không có Lê Hoàn chống lại thì nước của Tiên Hoàng cũng mất về Tống, chớ còn sao được? Và lại, hồi ấy bao nhiêu binh quyền đều ở trong tay Lê Hoàn, Lê Hoàn cứ việc cướp lấy cũng không có ai cản nổi, thà cho ông ta còn được tiếng là người tri cơ. Hơn nữa, nước của Tiên Hoàng cũng là đất cát của trời sinh ra, Tiên Hoàng giỏi nghề binh đao, dành được của kẻ khác, có phải là nước của Tiên Hoàng đúc nặn ra đâu? "Nhất điện thiên vạn chừ", ruộng của nhà này có thể bán cho nhà khác.

Xuân Hương nói một thôi dài, làm cho Thận Trung không tìm được lẽ cãi lại, chờ nàng dứt câu, chàng liền tủm tỉm cười nụ mà rằng:

- Tư tưởng của mình kẻ cũng lạ đấy. Nhưng tôi nghe mình nói không khỏi phát phì.
- Việc gì mà mình phải phì?
- Giả sử tôi chết, chắc mình cũng phải lòng trai.
- Cái đó đã hẳn. Nếu có tiếc tôi thì mình đừng chết. Mà nếu như mình chẳng may phải chết, thì còn giữ tôi làm gì.

Hai người cùng cười ầm lên. Mặt trời tà, họ mới cùng xuống núi, ra sông, xuống thuyền ngược về phủ Trường An.

Ánh trăng vàng vạc chiếu xuống làn nước xanh lè, cảnh đêm trên sông cực kỳ xinh đẹp, chàng và nàng ngồi trên mạn thuyền ngắm nghía phong cảnh. Dưới những đám mây lơ lửng, núi non cao thấp chạy khắp bốn mặt, chẳng khác bốn bức họa đồ, càng nhìn càng không biết chán. Đêm khuya, hai cô lái đò chùng đã mỗi một buồn ngủ, thỉnh thoảng lại điểm một vài câu hát để làm nhịp cho đôi mái chèo. Giọng trong tiếng tốt khúc hát đầy những ý vị ngâm thơ, khiến cho chàng và nàng càng thêm hứng thú. Gần sáng, thuyền đến phủ lý Trường An, hai người nghỉ ngơi, rồi cùng thuê thuyền xuống thăm cảnh chùa Non Nước. Bước lên sườn núi, Thận Trung nhìn bài thơ của Trương Hán Siêu khắc trên tảng đá, chàng mới đọc được hai câu:

- *Sơn sắc chính y
Y du nhân hồ bất qui.*

Bỗng chàng rùng mình một cái, sắc mặt tái mét, phải ngồi phục xuống tảng đá, chân tay run như cây sậy.

Sợ quá, Xuân Hương bảo lái thuyền vục chàng xuống thuyền đưa về nhà trọ. Thì ra bệnh sốt rét ngã nước ngày trước tuy khỏi nhưng chưa triệt nọc, khi ấy vì chàng đi đường vất vả, dầu dãi sương gió, lại thêm thức luôn mấy đêm không ngủ, cho nên nó lại phát ra.

Xuân Hương lại dùng phương thuốc hôm xưa vò cho chàng uống, nhưng lần này không thấy công hiệu, luôn bận năm ngày, chàng uống hết chừng bốn năm bát vẫn không cất cơn. Sợ ở nhà trọ nhiều điều bất tiện, nàng bèn thôi việc vào thăm quê hương, bảo phu cáng, cáng chàng và mình trở về Hà Nội.

Gió thu hiu hiu đưa khí lạnh từ nẻo rừng núi phía tây trở về, càng làm cho Thận Trung to thêm cơn bệnh.

Tuy rằng chàng vẫn nể nàng, không dám rên rấm than thở, nhưng mỗi khi cơn bệnh nổi lên, sức chàng không hãm nổi, thường thường rung chuyển cả võng.

Tới phủ Lý Nhân, nàng bảo phu cáng đỗ cáng để chàng vào quán nghỉ tạm. Mụ quán thấy chàng mặt mũi xanh xao, đoán là chàng sốt rét, mụ liền mách nàng lấy mấy viên thuốc của một thầy lang gần đó, và nói quyết rằng: "chỉ uống một lần là khỏi". Xuân

Hương xưa nay không tin bọn lang vườn, nàng cho họ là đồ vô học, không biết nghề thuốc là gì, uống thuốc của họ không khỏi có sự nguy hiểm, nên nghe mụ nói, nàng chỉ cảm ơn không nhận lời. Thận Trung lại khác, chàng cũng không tin bọn lang vườn vô học, nhưng lại tin những thuốc gia truyền, chàng vẫn cho rằng: "những thuốc gia truyền đều là thứ thuốc đã quá nhiều lần kinh nghiệm mà tìm ra được, phần nhiều rất có công hiệu." Bởi vậy, chàng cứ giục nàng đi lấy mấy liều để chàng uống thử, dù không khỏi cũng không hại gì.

Chiu chàng, nàng bèn nhờ mụ hàng lấy giúp cho một liều. Uống thuốc xong, chàng lại lên cang giục phu cang đi. Xuân Hương luôn luôn cho cang của mình đi kèm ở bên cạnh chàng, nàng chỉ canh cánh lo chàng lằm thuốc, chẳng ngờ thuốc ấy hay thật, hôm ấy Thận Trung không lên cơn, hôm sau cũng không thấy cơn lên, chàng được yên lành về đến Hà Nội.

Cố nhiên nàng lại đón chàng vào luôn nhà mình dưỡng bệnh, không dám để đi đâu.

Chàng vừa lên gác nằm nghỉ chưa đầy nửa giờ, ngoài cửa bỗng thấy có tiếng âm âm, rồi đến tiếng đập cửa thành thành, rồi đến tiếng gọi dữ dội:

- Thằng Đàm Thận Trung muốn sống xuống mà chịu tội! Mau mau!

Giật mình, chàng vội trở dậy hé cửa trông ra. Dưới cả một bọn chừng ba chục người toàn là học trò, kẻ cầm sào gậy, người thùng trạc ai nấy nét mặt hầm hầm ra bộ tức giận. Đi đầu bọn đó, lại có mấy ông cụ già đầu bạc phơ phơ: cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và ông Đồ Đàm bác ruột Thận Trung.

Chàng không hiểu vì sao hai cụ Nghè Hoàng và ông cụ Đồ bác mình lại đem học trò đến xỉ vả mình như thế, lúng túng chàng bảo Xuân Hương đừng mở cửa vội thử xem họ làm trò gì.

Thì ra trong khi chàng lên cang đi với Xuân Hương, học trò cụ Nghè Hoàng có kẻ trông thấy, liền về mách luôn với thầy. Nghe

tin ấy, cụ Nghè Hoàng lấy làm tức giận, và lại thẹn rằng: trong môn đồ có kẻ đi theo con đường, làm nhục thanh gia của mình. Lúc đầu, cụ định họp cả học trò tại trường để kể tội Thận Trung rồi xóa tên chàng trong sổ môn sinh, không nhận là học trò nữa. Sau vì cụ Nghè Đăng nói ra nói vào, cho rằng tội Thận Trung như thế còn là quá nhẹ. Theo ý cụ phải bắt Thận Trung đánh cho một trận như tử, thì mới có thể răn được kẻ khác. Câu nói như thổi vào ruột cụ Nghè Hoàng, tức thì cụ viết thư mời ông Đồ Đàm đến nhà mình, kể hết tội trạng Thận Trung cho nghe. Ông đồ cũng xấu hổ vì có đứa cháu hư thân làm cho điểm nhục gia thanh, luôn hôm ấy ông nhờ cả học trò của hai ông Nghè đi rình Thận Trung xem chàng ở đâu, chẳng may cho chàng, vừa về đến Hà Nội, người ta báo ngay cho hai cụ Nghè và ông Đồ biết. Khi ấy cả lũ học trò gọi mãi không thấy Thận Trung xuống gác, họ bèn bảo nhau cậy cửa kéo vào. Thận Trung không còn đường nào chạy, chàng liền bị họ trói lại điệu xuống. Xuân Hương biết chừng không thể cứu nổi, nàng bèn giả cách làm lơ, chờ cho bọn kia dẫn chàng ra khỏi nhà mình, tức thì nàng đến nhà ông Chiêu Bảy nhờ ông nghĩ cách cứu cho chàng. Vừa may gặp ông Chiêu Tám cũng có ở đó, hai ông nghe nói Thận Trung, ai cũng thương hại và tức giận mấy cụ kia. Ngay lúc ấy, các ông dẫn nhau ra phường Đồng Xuân, đón đường mấy ông cụ ấy để xin giùm cho Thận Trung. Không

những các cụ không nghe, lại mặ́ng thêm cho hai ông Chiêu một trận tàn nhậ́n.

Hai ông Chiêu cũng không chịu nhìn, cùng nhổ vào mặt hai cụ Nghè và mặ́ng:

- Các anh chỉ làm cho nhục nhà Nho.

Hết